



BỘ CÔNG THƯƠNG

Cẩm nang

Xuất khẩu Hạt điều

Sang thị trường
VƯƠNG QUỐC ANH

BIÊN SOẠN BỞI
VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ

Cẩm nang xuất khẩu

Hạt điều

Sang thị trường

Vương quốc Anh

Ban biên soạn

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Vũ Việt Thành

Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ

Bộ Công Thương

Thành viên đề tài

Họ tên	Chức vụ
Bùi Anh Dũng	Thành viên chính
Tạ Quang Kiên	Thành viên chính
Đào Hà My	Thành viên chính
Vũ Huy Phúc	Thành viên chính
Đỗ Đức Tâm	Thành viên chính
Nguyễn Lan Nhi	Thành viên
Trần Thu Thủy	Thành viên
Nguyễn Thúy Hằng	Thành viên
Nguyễn Thị Thùy Dung	Thành viên
Lê Thị Hương Giang	Thành viên

Đinh Trọng Hùng	Thành viên
Đinh Trung Hiếu	Thành viên
Phạm Đức Thành	Thành viên
Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Bạch Hồng Yến	Thành viên

Lời mở đầu

Vương quốc Anh hiện là thị trường xuất khẩu lớn thứ 9 trên thế giới và lớn thứ 4 của Việt Nam ở khu vực châu Âu, châu Mỹ. Kể từ khi hai nước Việt Nam và Vương quốc Anh tuyên bố nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược vào năm 2010 đến nay, theo số liệu của Hải quan Việt Nam, trao đổi thương mại giữa hai quốc gia tăng trưởng hơn 3 lần, đạt mức 6,84 tỷ USD năm 2022.

Đặc biệt với việc Hiệp định thương mại tự do song phương UKVFTA chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 và mới đây nhất là việc Vương quốc Anh chính thức ký thỏa thuận gia nhập Hiệp định CPTPP vào ngày 16 tháng 7 năm 2023, đây sẽ là những động lực mạnh mẽ thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại – đầu tư hai chiều tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

Trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Anh, hạt điều luôn là một trong những ngành hàng chủ lực, đóng góp không nhỏ vào quy mô xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường bạn. Tuy nhiên, với việc Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh châu Âu (Brexit), hàng loạt chính sách thương mại và quy định nhập khẩu của nước này có sự thay đổi, đòi hỏi doanh nghiệp cần nắm vững. Bên

cạnh đó, những chuyển động không ngừng từ xu hướng tiêu dùng, thị hiếu, kênh phân phối tại thị trường, cũng như của các đối thủ cạnh tranh chính mặt hàng hạt điều của Việt Nam.

Chính vì vậy, Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ xây dựng ấn phẩm “Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương quốc Anh” với mong muốn cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về những thay đổi trên; cũng như phân tích các cam kết liên quan trong Hiệp định UKVFTA và đưa ra khuyến nghị cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm hạt điều sang Vương quốc Anh, qua đó góp phần giữ vững vị thế của hạt điều Việt Nam tại thị trường ban, cũng như có những bước phát triển mới trong thời gian tới.

Mục lục

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU TẠI VƯƠNG QUỐC ANH 5

I. Phân tích quy mô thị trường Vương quốc Anh.....	12
II. Phân tích nhu cầu nhập khẩu sản phẩm hạt điều tại thị trường Vương quốc Anh	19
III. Phân tích các nguồn cung ứng sản phẩm hạt điều tại thị trường Vương quốc Anh	24
IV. Phân tích thị hiếu, xu hướng tiêu dùng sản phẩm hạt điều tại thị trường Vương quốc Anh	27
V. Phân tích các kênh phân phối chính tại thị trường Vương quốc Anh	30
VI. Nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh chính mặt hàng hạt điều tại thị trường Vương quốc Anh	34
1. Ấn Độ.....	42
2. Bờ Biển Ngà.....	46
3. Burkina Faso	49
4. Ngành hạt điều chế biến của CHLB Đức và Hà Lan	52
5. Phân tích các đối thủ cạnh tranh và đánh giá.....	55

CHƯƠNG II: CÁC NỘI DUNG CAM KẾT LIÊN QUAN TRONG HIỆP ĐỊNH UKVFTA..... 58

I. Phân tích các cam kết về thuế quan	58
II. Phân tích các cam kết về quy tắc xuất xứ	62
III. Cam kết về chứng nhận xuất xứ.....	63

IV. Phân tích các cam kết liên quan đến SPS..... 72

V. Các cam kết về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) 79

**CHƯƠNG III: CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN CỦA VƯƠNG QUỐC ANH
ĐỐI VỚI MẶT HÀNG HẠT ĐIỀU 83**

I. Phân tích về thủ tục hải quan..... 83

1. Chuẩn bị nhập khẩu..... 83

2. Thủ tục hải quan..... 88

3. Quy trình sau khi hàng được thông quan 92

3.1. Vận chuyển hàng hoá quá cảnh 92

3.2. Sắp xếp trạm kiểm tra hàng hóa 92

3.4. Nộp thuế VAT và thuế nhập khẩu 93

3.5. Nhận hàng hóa 93

II. Yêu cầu về chất lượng..... 94

III. Vệ sinh an toàn thực phẩm 95

IV. Quản lý ô nhiễm, ngăn ngừa nhiễm khuẩn trong hạt điều 98

4.1. Độc tố nấm mốc 98

4.2. Dư lượng thuốc trừ sâu..... 101

4.3. Kim loại nặng..... 110

4.4. Vi sinh vật gây ô nhiễm 110

V. Truy xuất nguồn gốc 110

VI. Các yêu cầu về bao gói và nhãn mác 113

6.1. Nhãn mác cho thực phẩm đóng gói sẵn 113

6.2. Nhãn mác cho thực phẩm..... 114

VII. Quy định về sản phẩm hữu cơ và kiểm soát đối với thực phẩm biến đổi gen.....	115
7.1. Quy định về sản phẩm hữu cơ	115
7.2. Kiểm soát đối với thực phẩm biến đổi gen (GMO)	117
VIII. Yêu cầu bổ sung về tính bền vững, thương mại công bằng .	118
8.1. Xu hướng tìm nguồn cung ứng bền vững	118
8.2. Thương mại công bằng	119

CHƯƠNG IV. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU CỦA VIỆT NAM VÀ THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU SANG VƯƠNG QUỐC ANH

I. Tình hình sản xuất và chế biến hạt điều của Việt Nam.....	122
1. Tình hình sản xuất	122
2. Tình hình chế biến	126
II. Thực trạng xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Vương quốc Anh	136
1. Phân tích tổng quan xuất khẩu mặt hàng hạt điều của Việt Nam	136
2. Phân tích tình hình xuất khẩu mặt hàng điều của Việt Nam sang thị trường Vương quốc Anh	148

CHƯƠNG V: KHUYẾN NGHỊ CHO CÁC DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU SANG THỊ TRƯỜNG VƯƠNG QUỐC ANH

Danh mục bảng biểu

Bảng 1: Tăng trưởng thương mại của Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022	12
Bảng 2: Tình hình nhập khẩu và quy mô thị trường Vương quốc Anh giai đoạn 2018 - 2022.....	13
Bảng 3: Nhập khẩu hạt điều của Vương quốc Anh từ Q4-2018 đến Q3-2023.....	20
Bảng 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hạt điều của Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022.....	21
Bảng 5: Tỷ trọng xuất khẩu hạt điều từ Vương quốc Anh sang một số quốc gia năm 2022 (% tỉ trọng theo trị giá)	23
Bảng 6: Các nguồn nhập khẩu hạt điều vào Vương quốc Anh.....	25
Bảng 7: Mô hình mạng lưới kênh phân phối hạt điều tại Vương quốc Anh	33
Bảng 8: Danh mục các nhà cung cấp sản phẩm hạt điều và sản phẩm liên quan thuộc Hiệp hội thương mại Hạt và Hoa quả khô Vương quốc Anh (NDFTA).....	34
Bảng 9: Lượng và trị giá xuất khẩu hạt điều từ Ấn Độ sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022	43
Bảng 10: Giá nhập khẩu trung bình từ Ấn Độ (USD/tấn).....	44
Bảng 11: Lượng và trị giá xuất khẩu hạt điều từ Bờ Biển Ngà sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022	47
Bảng 12: Giá nhập khẩu trung bình từ Bờ Biển Ngà (USD/tấn).....	48
Bảng 13: Lượng và trị giá xuất khẩu hạt điều từ Burkina Fasso sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022	50

Bảng 14: Giá nhập khẩu trung bình từ Burkina Faso (USD/tấn)	51
Bảng 15: Lượng, trị giá và giá trung bình xuất khẩu hạt điều chế biến từ Hà Lan sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022.....	52
Bảng 16: Lượng, trị giá và giá trung bình xuất khẩu hạt điều chế biến từ CHLB Đức sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022.....	54
Bảng 17: Nhập khẩu mã HS20081912 và 20081992 từ Việt Nam và thế giới của Vương quốc Anh giai đoạn 2016 – 2022 (đơn vị: ngàn USD).....	56
Bảng 18: Ký hiệu cam kết thuế quan UKVFTA.....	60
Bảng 19: Các mặt hàng hạt điều xóa bỏ lập tức thuế quan theo UKVFTA.....	60
Bảng 20: Năng xuất và sản lượng điều của Biệt Nam 2001 - 2022	122
Bảng 21: Năng suất trung bình cây điều tại Việt Nam 2001 – 2022	124
Bảng 22: Diện tích trồng điều của cả nước chia theo địa phương (đơn vị: %)	125
Bảng 23: Khối lượng và kim ngạch nhập khẩu điều thô của Việt Nam (HS: 08013100) giai đoạn từ tháng 1/2018 đến tháng 10/2023 ...	127
Bảng 24: Khối lượng và kim ngạch nhập khẩu điều nhân (vỏ lụa, nhân trắng) của Việt Nam (HS: 08013100, 08013200) giai đoạn từ tháng 1/2018 đến tháng 10/2023	127
Bảng 25: Nhập khẩu điều thô từ các quốc gia của Việt Nam trong năm 2022.....	128
Bảng 26: Tỷ trọng nhập khẩu điều thô từ các thị trường của Việt Nam năm 2022 (Đơn vị: %).....	129
Bảng 27: Nguồn nhập khẩu hạt điều chính cho Việt Nam 11 tháng đầu năm 2023 (triệu USD).....	130

Bảng 28: Giá nhập khẩu bình quân hạt điều của các thị trường 11 tháng đầu năm 2023	131
Bảng 29: Xếp hạng thị trường nhập khẩu điều thô vào Việt Nam theo các tháng năm 2023	132
Bảng 30: Khối lượng, trị giá và thị phần nhập khẩu điều thô từ các thị trường của Việt Nam năm 2022.....	134
Bảng 31: Trị giá và tỉ trọng xuất khẩu hạt điều nhân tách vỏ (HS 080132) của Việt Nam ra thế giới giai đoạn 2013 - 2022	136
Bảng 32: Lượng và giá trị xuất khẩu hạt điều của Việt Nam theo tháng giai đoạn 2018-2023	137
Bảng 33: Giá bình quân hạt điều.....	138
Bảng 34: Diễn biến giá hạt điều W320 xuất khẩu giai đoạn 2018 – 2023.....	139
Bảng 35: Thị trường xuất khẩu hạt điều chính của Việt Nam trong năm 2022.....	140
Bảng 36: 10 thị trường xuất khẩu điều nhân lớn nhất của Việt Nam 2022.....	141
Bảng 37: Xuất khẩu điều sang Hoa Kỳ.....	144
Bảng 38: Xuất khẩu điều sang Trung Quốc	145
Bảng 39:	148
Bảng 40: Giá trị xuất khẩu hạt điều từ Việt Nam sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 – 2022 (đơn vị: triệu USD)	149
Bảng 41: Khối lượng xuất khẩu hạt điều từ Việt Nam sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 – 2022 (đơn vị: tấn).....	150
Bảng 42: Lượng và trị giá xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022	151

Bảng 43: Tỷ trọng khối lượng hạt điều nhập khẩu từ Việt Nam trong tổng cơ cấu hạt điều nhập khẩu hàng năm của Anh 152

Bảng 44: Tỷ trọng giá trị hạt điều nhập khẩu từ Việt Nam trong tổng cơ cấu hạt điều nhập khẩu hàng năm của Vương quốc Anh 152

Bảng 45: Giá trị xuất khẩu hạt điều theo quý của Việt Nam sang Vương quốc Anh giai đoạn 2018-2023 (Đơn vị: ngàn USD) 153

Bảng 46: Giá xuất khẩu hạt điều 154

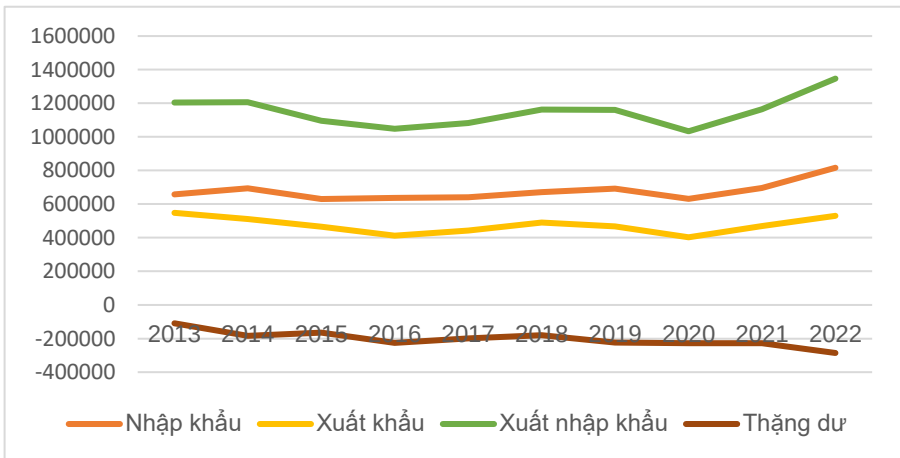
CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU TẠI VƯƠNG QUỐC ANH

I. Phân tích quy mô thị trường Vương quốc Anh

Vương quốc Anh, với dân số 67 triệu người và GDP là 3,1 nghìn tỷ USD (2022), là một cường quốc thương mại quốc tế lớn. Mặc dù nhỏ về mặt địa lý, nhưng nước này có nền kinh tế lớn thứ hai ở châu Âu và dẫn đầu G7 về mức tăng trưởng GDP (4,0%) vào năm 2022.

Mặc dù tiếp tục phải đối mặt với những thách thức pháp lý do ảnh hưởng của việc Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu (“Brexit”), lạm phát cao do giá năng lượng tăng và những ảnh hưởng kéo dài của đại dịch COVID-19, Vương quốc Anh vẫn là một thị trường quan trọng và hấp dẫn hàng đầu tại khu vực châu Âu.

Bảng 1: Tăng trưởng thương mại của Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022



Nguồn: TradeMap ITC, **Đơn vị:** Triệu USD

Trong năm 2022, Vương quốc Anh nhập khẩu 816,3 tỷ USD, chiếm 3,2% tổng nhập khẩu toàn thế giới, là quốc gia đứng thứ 5 trong số các nước nhập khẩu nhiều nhất trên thế giới.

Vương quốc Anh cũng là quốc gia nhập khẩu lớn hàng đầu trên thế giới với rất nhiều nhóm mặt hàng phong phú.

Bảng 2: Tình hình nhập khẩu và quy mô thị trường Vương quốc Anh giai đoạn 2018 - 2022

Mã HS	Mô tả sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2022 (ngàn USD)	Tăng trưởng nhập khẩu hàng năm năm giai đoạn 2018-2022 (%)	Tăng trưởng hàng năm của thế giới giai đoạn 2018-2022 (%)	Tỉ trọng nhập khẩu so với thế giới (%)	Xếp hạng nhập khẩu trên thế giới
	Tất cả các sản phẩm	816,299,884	4	7	3.2	5
85	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; Máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên	66,165,144	1	7	1.8	15

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

39	Plastic và các sản phẩm bằng plastic	22,591,917	3	8	2.7	9
94	Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nhồi tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép	14,551,947	6	6	5	3
61	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, dệt kim hoặc móc	13,772,624	0	6	5.2	4
73	Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	11,894,192	-2	7	3.1	6
62	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, không dệt kim hoặc móc	10,576,708	-5	2	4.6	6
44	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than gỗ	9,511,466	7	7	4.9	5
48	Giấy và bìa; Các sản phẩm bằng bột giấy, giấy hoặc bìa	9,372,392	2	5	4.4	4

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

95	Đồ chơi, trò chơi và dụng cụ thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng	8,108,008	8	12	4.9	3
72	Sắt thép	7,785,612	3	11	1.3	21
64	Giày dép	6,442,834	-4	4	3.7	5
08	Quả và quả hạch ăn được. vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dừa	6,087,438	-1	4	4	6
40	Cao su và các sản phẩm từ cao su	5,923,691	2	5	2.5	8
20	Rau, trái cây, các loại hạt hoặc các bộ phận khác của cây	4,672,352	2	5	6.1	3
16	Các chế phẩm thịt, cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật không xương sống dưới nước khác	4,400,255	-2	4	8.3	3
07	Rau và một số rễ và củ ăn được	4,363,975	-1	5	4.9	3
04	Sản phẩm sữa; trứng chim; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được	3,881,383	-3	6	3.4	7

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

	có nguồn gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác					
83	Hàng tạp hóa làm từ kim loại cơ bản	3,087,480	3	5	3.6	6
03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống khác	3,037,289	2	4	2	12
63	Các mặt hàng dệt may đã hoàn thiện khác; Bộ váy; quần áo dệt và các mặt hàng dệt may đã qua sử dụng khác; vải vụn	3,021,796	6	8	3.8	5
70	Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh	2,723,534	2	5	3	8
31	Phân bón	2,620,393	19	24	1.7	14
69	Sản phẩm gốm sứ	2,587,879	8	8	4.1	4
68	Các sản phẩm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự	2,470,611	3	5	4.1	4
09	Cà phê, trà, maté và gia vị	2,113,766	2	8	3	9

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

82	Dụng cụ, đồ nghề, dao kéo, thìa và đĩa, bằng kim loại cơ bản; các bộ phận của chúng bằng kim loại cơ bản	2,043,908	0	4	2.8	9
12	Hạt có dầu và trái cây có dầu; ngũ cốc, hạt và trái cây khác; cây công nghiệp hoặc dược liệu . . .	1,997,471	18	12	1.2	19
06	Cây sống và các loại cây khác; củ, rễ và loại tương tự; cảnh hoa và cảnh lá trang trí	1,900,464	2	5	8	4
57	Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác	1,177,372	0	2	7.3	2
56	Tấm lót, nỉ và sản phẩm không dệt; sợi đặc biệt; dây bện, dây, dây thừng và cáp và các vật phẩm của chúng	927,819	4	5	3.1	8
47	Bột giấy gỗ hoặc vật liệu xenlulo sợi khác; giấy thu hồi (phế liệu) hoặc bìa loại thu hồi	786,248	-4	3	1.1	20
52	Bông	314,017	-2	2	0.5	33

58	Vải dệt thoi đặc biệt; vải dệt chần; đăng ten; Tapestries; cắt tĩa; hàng thêu	297,556	-4	0	2.7	9
60	Vải dệt kim hoặc móc	213,318	-3	5	0.6	38
66	Ô, dù che, gậy đi bộ, gậy ghế, roi, cây trồng cưỡi ngựa và các bộ phận của chúng	157,875	15	6	4	5
53	Sợi dệt thực vật khác; sợi giấy và vải dệt bằng sợi giấy	148,649	10	6	2.6	9
14	Vật liệu thực vật dùng để tết bện; Các sản phẩm rau quả chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	45,350	6	18	2.1	14
50	Tơ	30,042	-16	-5	1.8	14

Với riêng mặt hàng hạt điều, theo Reuters, nhu cầu tiêu thụ hạt điều toàn cầu dự kiến đạt 13,48 tỷ USD năm 2024, với tốc độ tăng trưởng bình quân 5,2% trong giai đoạn 2018 – 2024. Nhận định trên dựa trên các yếu tố như nhu cầu ngày càng tăng của thị trường đối với các món ăn nhẹ tốt cho sức khỏe, dễ bảo quản sau chế biến, cùng với nhu cầu ngày càng tăng từ Liên minh châu Âu, Mỹ, Trung Quốc, và sự gia tăng của các cơ sở chế biến lớn ở châu Phi.

Theo số liệu tổng hợp từ ITC, về xuất khẩu, năm 2022 cả thế giới xuất khẩu 6,48 tỷ USD hạt điều, giảm 13,37% trong giai đoạn

2018-2022. Trong đó, xuất khẩu điều nguyên vỏ đạt 4,02 tỷ USD, giảm trung bình 4% trong giai đoạn 2018-2022; còn xuất khẩu hạt điều đã tách vỏ đạt 2,46 tỷ USD, không thay đổi về giá trị trong cả giai đoạn. Về nhập khẩu, năm 2022 cả thế giới nhập khẩu 8,4 tỷ USD hạt điều, giảm 0,24% trong giai đoạn 2018-2022. Trong đó, nhập khẩu hạt điều nguyên vỏ đạt 4,25 tỷ USD, tăng trung bình 8% trong giai đoạn 2018-2022; còn nhập khẩu hạt điều đã tách vỏ đạt 4,13 tỷ USD, giảm trung bình 2% toàn giai đoạn.

Vương quốc Anh là một trong những thị trường nhập khẩu hạt điều lớn nhất thế giới, năm 2022, Vương quốc Anh nhập khẩu 145,5 triệu USD hạt điều, chiếm 3,2% giá trị nhập khẩu mặt hàng toàn thế giới, đứng ở vị trí thứ 5 trong số các nhà nhập khẩu chính.

II. Phân tích nhu cầu nhập khẩu sản phẩm hạt điều tại thị trường Vương quốc Anh

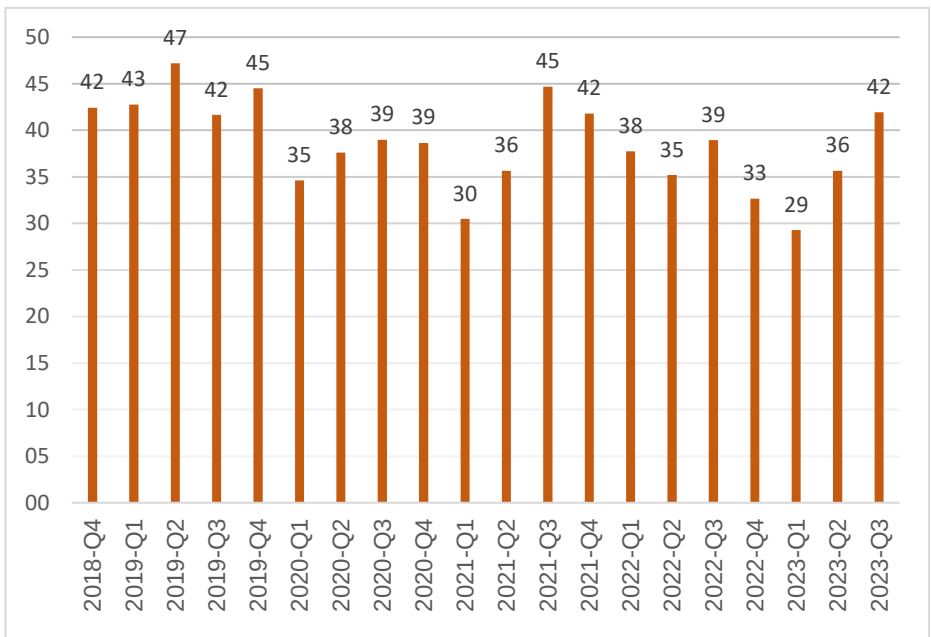
Giống như các quốc gia Tây Âu khác, Vương quốc Anh không canh tác hạt điều, do vậy toàn bộ sản phẩm phục vụ chế biến, tiêu thụ trong nước hoặc tái xuất đều là hàng nhập khẩu. Trong giai đoạn từ 2013-2022, khối lượng nhập khẩu hạt điều của Vương quốc Anh tăng trưởng trung bình 6,33%/năm, từ 14,2 ngàn tấn năm 2013 lên 23,1 ngàn tấn trong năm 2022. Về giá trị, tăng trưởng trung bình đối với toàn bộ giai đoạn kể trên là 4,58%/năm, từ mức 99,8 triệu USD vào năm 2013 lên mức 145,5 triệu USD trong năm 2022. Tuy nhiên trong toàn bộ giai đoạn này, giá trị nhập khẩu cao nhất của Vương quốc Anh là vào năm 2017, sau đó giảm dần qua các năm. Có thể thấy, những hệ quả từ đại dịch COVID-19 đối với nền kinh tế Vương quốc Anh khiến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu góp phần quan trọng ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm không thiết yếu, trong đó có sản phẩm hạt điều tại thị trường.

Tuy nhiên, kể từ đầu năm 2023, nhập khẩu hạt điều của Vương quốc Anh có dấu hiệu khởi sắc hơn khi giá trị nhập khẩu quý sau cao hơn quý trước. Cụ thể, tăng trưởng nhập khẩu của quý

II/2023 so với quý I/2023 là 21,8%, tăng trưởng quý III/2023 so với quý II/2023 là 19%.

Về yếu tố mùa vụ, Vương quốc Anh thường tăng cường nhập khẩu sản phẩm hạt điều vào quý III, quý IV hàng năm để phục vụ tiêu dùng vào mùa lạnh và các dịp nghỉ lễ cuối năm, khi nhu cầu tiêu thụ sản phẩm hạt nói chung có xu hướng tăng cao. Bên cạnh đó, các nhà cung cấp hạt điều sẽ có thời gian để dự trữ đơn hàng cho các đợt giao hàng lớn trong mùa cao điểm. Quý I và Quý II thường là khoảng thời gian có lượng nhập khẩu thấp nhất trong năm nếu so sánh với các quý còn lại của năm.

Bảng 3: Nhập khẩu hạt điều của Vương quốc Anh từ Q4-2018 đến Q3-2023



Nguồn: Cơ quan thống kê Anh; ĐVT: triệu USD

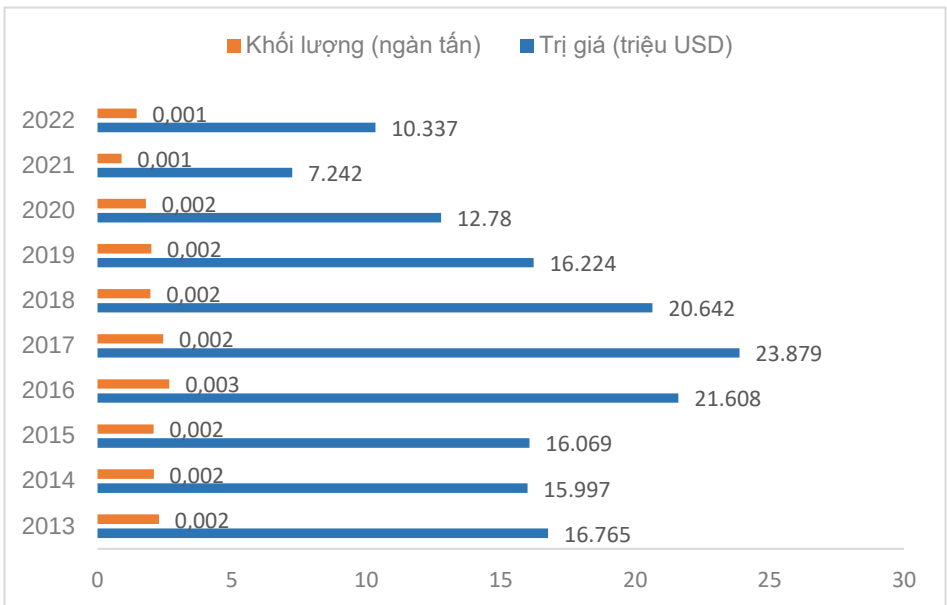
Về cơ cấu sản phẩm, Vương quốc Anh chủ yếu nhập khẩu hạt điều đã bóc vỏ (mã HS 080132) với tỉ lệ luôn chiếm trên 99% tổng giá

trị nhập khẩu toàn bộ sản phẩm này vào thị trường. Thậm chí, trong thời gian gần đây (như Quý 4-2022 và Quý 3-2023), sản phẩm hạt điều chưa bóc vỏ (mã HS 080131) không phát sinh kim ngạch nhập khẩu vào thị trường Anh quốc.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu hạt điều từ Vương quốc Anh sang nước thứ 3 chiếm tỉ trọng nhỏ khi so với giá trị nhập khẩu mặt hàng hàng năm. Cụ thể, khối lượng xuất khẩu hàng năm đạt khoảng 2 ngàn tấn, bằng gần 1/10 so với khối lượng nhập khẩu.

Bên cạnh đó, khối lượng xuất khẩu có xu hướng giảm trong giai đoạn 2016 trở lại đây, trung bình khoảng 6,5%/năm. Về giá trị xuất khẩu, thời điểm Vương quốc Anh xuất khẩu điều nhiều nhất là giai đoạn 2016-2018, tỉ trọng giá trị xuất khẩu trên nhập khẩu vào khoảng 10%. Hiện tỉ trọng trên có xu hướng giảm, năm 2022 đạt 7,1%.

Bảng 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hạt điều của Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022

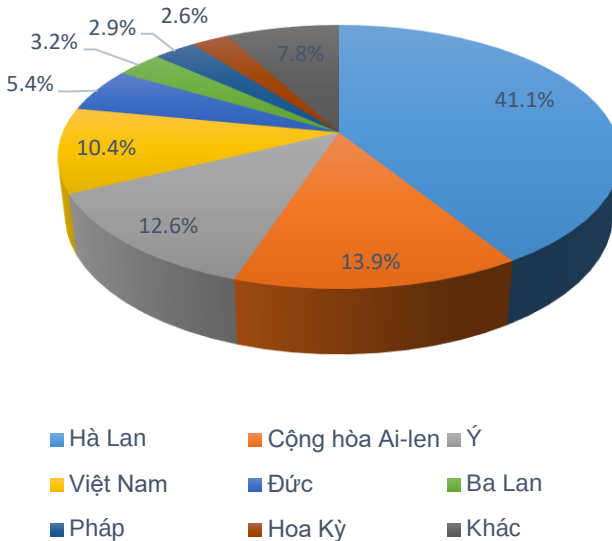


Khoảng 1/10 lượng nhập khẩu hạt điều của Vương quốc Anh được chế biến trong nước, trước khi được xuất khẩu trở lại sang một số thị trường với giá trị cao hơn. Lợi nhuận ròng trung bình sau khi chế biến hạt điều để xuất khẩu của Vương quốc Anh cho toàn giai đoạn 2013-2022 là 563,4 USD/tấn, với lợi nhuận trung bình khoảng 7,9%. Cá biệt những năm gần đây, mặc dù giá trị và khối lượng xuất nhập khẩu giảm, tuy nhiên lợi nhuận sau chế biến để xuất khẩu lại tăng, ví dụ như năm 2021, lợi nhuận ròng trung bình đạt 1647 USD/tấn, với tỉ suất lợi nhuận đạt 25,6%.

Năm	Giá nhập khẩu trung bình (USD/tấn)	Giá xuất khẩu trung bình (USD/tấn)	Lợi nhuận ròng sau chế biến để xuất khẩu (USD/tấn)	Tỉ lệ lợi nhuận trung bình sau chế biến để xuất khẩu (%)
2013	7047	7334	287	4,1
2014	7231	7643	412	5,7
2015	7423	7707	284	3,8
2016	7878	8078	200	2,5
2017	9709	9762	53	0,5
2018	9438	10483	1045	11,1
2019	7624	8092	468	6,1
2020	6693	7096	403	6,0
2021	6427	8074	1647	25,6
2022	6289	7124	835	13,3

Hạt điều sau công đoạn gia công, chế biến làm tăng giá trị sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu trở lại một số quốc gia láng giềng châu Âu, như Hà Lan, Cộng hòa Ai-len, Ý, Đức, Ba Lan, Pháp...

Bảng 5: Tỷ trọng xuất khẩu hạt điều từ Vương quốc Anh sang một số quốc gia năm 2022 (% tỉ trọng theo trị giá)



Nguồn: Tính toán số liệu từ ITC Trademap

III. Phân tích các nguồn cung ứng sản phẩm hạt điều tại thị trường Vương quốc Anh

Theo tính toán số liệu từ ITC Trademap, trong giai đoạn 2018-2022, nhập khẩu hạt điều của Vương quốc Anh từ Liên minh châu Âu (EU) giảm mạnh, trung bình khoảng 16%/năm về trị giá và ... về khối lượng. Điều này phản ánh tác động to lớn của Brexit và việc thực thi chính sách thương mại độc lập của Vương quốc Anh sau quá trình này trong việc giảm nhập khẩu nguyên liệu và thành phẩm từ các nước thành viên EU. Năm 2022, nhập khẩu điều từ EU hiện chỉ chiếm 5,4% so với trị giá nhập khẩu chung của Vương quốc Anh (năm 2018, tỉ trọng này là 19,6%). Hà Lan, Đức và Ý là 3 nhà cung ứng điều lớn nhất thuộc EU cho thị trường Anh.

Các thị trường ngoài EU là nguồn nhập khẩu chính hạt điều vào Vương quốc Anh, trong đó Việt Nam luôn là nhà cung cấp chính, áp đảo và có sự gia tăng đáng kể về khối lượng và giá trị nhập khẩu trong giai đoạn 2018-2022. Ấn Độ là quốc gia có lượng nhập khẩu tương đối vào thị trường Anh, tuy nhiên tỉ trọng ngày càng có xu hướng giảm. Trong năm 2022, thị phần hạt điều nhập khẩu từ Việt Nam đạt 89,2%, còn thị phần của Ấn Độ hiện còn 3,1%. Bên cạnh đó, một số quốc gia khác cũng có thị phần nhất định tại thị trường Anh, như Braxin, Bờ Biển Ngà, Burkina Faso, Ghana, Nigeria, Benin, Mozambique...; trong đó Bờ Biển Ngà là nước có mức tăng trưởng rất cao, năm 2018, Bờ Biển Ngà chưa xuất khẩu hạt điều sang Vương quốc Anh, tuy nhiên đến năm 2022, nước này đã xuất khẩu 1,59 triệu USD, chiếm thị phần 1,09%. Các quốc gia châu Phi còn lại đa phần đều suy giảm khối lượng và giá trị xuất khẩu sang Vương quốc Anh, như Ghana (năm 2018 xuất khẩu 3,66 triệu USD, năm 2022 xuất khẩu giảm còn 341 ngàn USD), Burkina Faso (năm 2018 xuất khẩu 657 ngàn USD, năm 2022 xuất khẩu giảm còn 414 ngàn USD), Tanzania (năm 2018 xuất khẩu 206 ngàn USD, năm 2022 xuất khẩu giảm còn 39 ngàn USD).

Bảng 6: Các nguồn nhập khẩu hạt điều vào Vương quốc Anh

Quốc gia	Năm 2022		Thay đổi trung bình giai đoạn 2018-2022 (%/năm)	
	Khối lượng (tấn)	Trị giá (ngàn USD)	Khối lượng	Trị giá
Thế giới	23128	145465	1,59	-5,62%
Việt Nam	21007	129726	6,22	-1,38%
Hà Lan	632	4561	5,53	-1,93%
Ấn Độ	513	4467	-12,2	-13,62%
Bờ Biển Ngà	276	1593		
Ý	193	1551	-3,43	-10,10%
Bulgaria	129	872		
Đức	94	703	-18,9	-19,39%
Burkina Faso	47	414	-0,81	-7,40%
Ghana	48	341	-17,38	-18,14%
Nigeria	46	266	8,75	-4,44%
Chile	24	170		
Hoa Kỳ	13	169	-14,58	-13,55%
Pháp	23	143	-19,25	-19,65%

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

Ai Cập	14	81		
Thổ Nhĩ Kỳ	17	74	1,25	11,08%
Guinea	16	61		
Na Uy	7	49		
Sri Lanka	3	46		95%
Cộng hòa Ai len	4	41	-16,19	-16,42%
Tanzania	8	39	-11,58	-16,21%
Kenya	1	34		
Thái Lan	1	16	-13,33	-11,11%
Indonesia	1	10		
Trung Quốc	1	9	-19,68	-19,70%
Bắc Macedonia	1	8		
Pakistan		4		
Úc		3		
Togo		3		
Tonga	1	3		
Israel	4	2		-6,67%

Ba Lan		2		-19,54%
Bồ Đào Nha		2		
Chad		1		
Braxin		1		-19,96%
Hy Lạp		1		

Nguồn: Tính toán số liệu từ ITC Trademap

IV. Phân tích thị hiếu, xu hướng tiêu dùng sản phẩm hạt điều tại thị trường Vương quốc Anh

Thị trường hạt điều tại Vương quốc Anh có nhiều nét tương đồng với một số quốc gia nhập khẩu điều lớn tại châu Âu như Đức, Hà Lan, Ý... và nhu cầu hạt điều tại Vương quốc Anh nhìn chung ổn định do chủ yếu tiêu thụ trong nước, tuy nhiên lượng nhập khẩu đôi khi biến động do sản lượng thu hoạch tại một số quốc gia cung cấp chính có sự thay đổi. Những biến động về khối lượng hay trị giá trong nhập khẩu sẽ phần nào bị ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ thu hoạch và tình hình giá cả hơn là những thay đổi về nhu cầu.

Bên cạnh đó, thị trường được kỳ vọng sẽ tăng trưởng ổn định trong thời gian tới, sau giai đoạn khó khăn vừa qua của nền kinh tế Vương quốc Anh hậu COVID-19 khiến người tiêu dùng thắt chặt hầu bao chi tiêu. Quan trọng hơn, những thay đổi trong cách tiêu dùng của người dân Anh, bao gồm nhu cầu ngày càng tăng về các lựa chọn ăn nhẹ lành mạnh, các nguồn protein thực vật có lợi cho sức khỏe giúp mặt hàng hạt điều ngày càng có chỗ đứng trong thực đơn tiêu dùng xanh tại Vương quốc Anh. Người tiêu dùng đang ngày càng nhận thức rõ hơn về lợi ích sức khỏe của các loại hạt. Hạt điều được quảng cáo rộng rãi tại Anh là rất giàu hàm lượng sắt (góp phần tạo

nên hệ miễn dịch khỏe mạnh) và vitamin K (góp phần giúp hệ tạo máu và xương khỏe mạnh).

Động lực khác thúc đẩy việc tiêu thụ hạt điều gia tăng là hương vị ngày càng đa dạng và đáp ứng được yêu cầu của nhiều nhóm đối tượng tiêu dùng tại Anh quốc. Người tiêu dùng tại Anh ngày càng yêu thích hương vị của hạt điều rang muối hay hạt điều bọc vị hấp dẫn hơn so với các loại hạt truyền thống như hạt phỉ (hazelnut), hạnh nhân hay óc chó. Xu hướng tiêu thụ điều hữu cơ, tự nhiên tại Anh cũng ngày càng phát triển.

Phân khúc tiêu thụ hạt điều của người dân Anh gồm:

- Phân khúc hạt

Tại Vương quốc Anh, tiêu thụ hạt điều lớn nhất thuộc phân khúc các loại hạt, chủ yếu là hạt rang muối. Theo Statista, phân khúc các loại hạt tại Vương quốc Anh dự kiến đạt doanh thu 1,56 tỷ USD vào năm 2023, đồng thời thị trường dự kiến đạt tăng trưởng hàng năm vào khoảng 4,99% cho toàn bộ giai đoạn 2023-2028.

Trong phân khúc các loại hạt, có hai xu hướng khác nhau đang ảnh hưởng đến tiêu dùng. Một là phát triển các hương vị rang khác nhau hoặc bọc vị để đa dạng hóa sản phẩm và phù hợp với sở thích khẩu vị khác nhau. Xu hướng khác là ngày càng có nhiều loại hạt điều chưa ướp muối và chưa rang như một sự thay thế lành mạnh hơn cho đồ ăn nhẹ ướp muối.

Vương quốc Anh được coi là thị trường có nhiều đổi mới nhất trong việc tiêu thụ hạt điều tại các quốc gia phát triển. Hạt điều được sử dụng như một món ăn nhẹ rang mặn hoặc được sử dụng rộng rãi với nhiều hương vị khác nhau. Các công ty chế biến thực phẩm ngày càng sử dụng hạt điều nhiều hơn trong các thanh trái cây và hạt chế biến (như sản phẩm của Natural Balance Foods hoặc Primal Pantry), trong các loại bơ hạt (như sản phẩm của Meridian Foods hoặc Biona) hoặc trong sữa hạt (như sản phẩm của Rude Health hoặc Plenish).

- Phân khúc thành phần

Phân khúc chế biến thực phẩm chiếm tỉ trọng thấp trong tiêu thụ hạt điều tại Vương quốc Anh. Những đối tượng sử dụng nguyên liệu hạt điều phổ biến nhất bao gồm:

- Ngành công nghiệp bánh kẹo chủ yếu sử dụng các mảnh và vụn của hạt điều để sản xuất đồ ăn nhẹ sô cô la. Ngoài ra, hạt điều nguyên hạt phủ sô cô la ngày càng được cung cấp như một sản phẩm mới sau khi bán thành công hạnh nhân phủ socola.

- Ngành công nghiệp sản xuất bánh mì sử dụng hạt điều thô và hạt điều nguyên hạt để phết lên bánh quy và bánh ngọt.

- Hạt điều là một sản phẩm đã có phân khúc nhất định và được quảng cáo là một thay thế lành mạnh cho bơ đậu phộng. Ngoài ra, bơ hạt điều được trộn với các thành phần khác để mang đến nhiều hương vị cho người tiêu dùng.

- Ngành công nghiệp ngũ cốc ăn sáng đang phát triển các sản phẩm granola hạt, trong đó thường xuyên sử dụng hạt điều.

- Các thanh protein và hạt trái cây ngày càng được cung cấp nhiều hơn như một sự thay thế cho đồ ăn nhẹ có đường và sô cô la. Hạt điều thường được sử dụng như một thành phần trong các sản phẩm đó như một nguồn protein thực vật.

- Sữa thuần chay sử dụng hạt điều làm nguyên liệu để sản xuất 'sữa' hạt điều, sữa chua và phô mai thuần chay.

- Các phân khúc khác mà hạt điều được sử dụng bao gồm: bữa ăn sẵn và nước sốt, chẳng hạn như pesto, nơi nó được sử dụng như một sự thay thế cho các loại hạt thông đắt tiền hơn.

V. Phân tích các kênh phân phối chính tại thị trường Vương quốc Anh

Vương quốc Anh có hệ thống kênh phân phối và bán hàng phát triển bậc nhất thế giới. Thị trường có sự phân định rõ ràng và có sự tham gia của nhiều công ty trong chuỗi. Nhiều công ty thương mại (trading agents) làm đầu mối nhập khẩu tìm kiếm sản phẩm cho các công ty bán buôn. Các công ty bán buôn sau đó phân phối lại cho các công ty bán lẻ để bán tới tay người tiêu dùng. Trong những năm gần đây các tập đoàn siêu thị tìm đặt hàng trực tiếp từ các nhà máy để đa dạng hóa sản phẩm và kiểm soát chất lượng.

Các nhà nhập khẩu hạt điều chuyên biệt đại diện cho kênh quan trọng nhất đối với hạt điều tại Vương quốc Anh. Ngoài ra còn có một số kênh thay thế, chẳng hạn như đại lý, nhà chế biến thực phẩm hoặc các công ty dịch vụ thực phẩm. Các công ty đóng vai trò quan trọng trong phân khúc hạt điều bao gồm các công ty rang xay và đóng gói. Một số công ty rang xay chuyên bán hạt điều rang muối và tẩm gia vị cho các nhà đóng gói với số lượng lớn. Một số công ty rang xay quan trọng tại Vương quốc Anh là Trigon, The Roasting Company, Sunburst Snacks, The Ludlow Nut Company... bên cạnh nhiều công ty rang xay lớn tại EU như Ireco (Luxembua), Intersnack (Đức/Quốc tế), Max Kiene (Đức) và Trigon (Anh). Nhiều công ty đóng gói có các cơ sở rang trong nhà máy của họ, cho phép họ phát triển các sản phẩm khác nhau mà họ có thể bán trực tiếp cho các phân khúc khách hàng.

(i) Nhà nhập khẩu/nhà bán buôn

Trong hầu hết các trường hợp, nhà nhập khẩu đóng vai trò là người bán buôn. Họ thường bán hạt điều cho các công ty rang chế biến hạt điều và đóng gói để bán cho người tiêu dùng. Một số nhà nhập khẩu cũng có thiết bị chế biến và đóng gói riêng, vì vậy họ cũng có thể cung cấp trực tiếp các kênh bán lẻ và dịch vụ thực phẩm.

Các nhà nhập khẩu thường khá am hiểu thị trường và họ theo dõi chặt chẽ diễn biến của các nước sản xuất hạt điều. Do đó, họ là người liên hệ ưu tiên, vì họ có thể thông báo kịp thời về diễn biến thị trường và đưa ra lời khuyên thiết thực về xuất khẩu. Các nhà nhập khẩu hạt điều thường nhập khẩu các loại hạt ăn được và trái cây sấy khô khác, vì vậy việc cung cấp các sản phẩm khác ngoài hạt điều có thể làm tăng khả năng cạnh tranh của các nhà sản xuất.

Đối với các nhà cung cấp mới, thách thức là thiết lập mối quan hệ lâu dài với các nhà nhập khẩu nổi tiếng, vì họ thường đã làm việc với các nhà cung cấp được chọn. Các nhà nhập khẩu đã thành lập thực hiện kiểm tra và thăm các nước sản xuất một cách thường xuyên. Nhiều người mới tiếp xúc nhận thấy rằng họ phải cung cấp chất lượng tương đương với giá thấp hơn đối thủ cạnh tranh khi bắt đầu mối quan hệ.

Vị trí của nhà nhập khẩu và nhà sản xuất thực phẩm đang bị các nhà bán lẻ tạo áp lực. Các nhu cầu cao hơn do ngành bán lẻ đặt ra quyết định động lực của chuỗi cung ứng từ trên xuống trong chuỗi. Áp lực chuyển thành giá thấp hơn nhưng cũng tạo ra giá trị gia tăng dưới dạng các sản phẩm “bền vững”, “tự nhiên”, “hữu cơ” hoặc “thương mại công bằng”. Do đó, cần có sự minh bạch trong chuỗi cung ứng. Để đạt được điều này, nhiều nhà nhập khẩu đã xây dựng các quy tắc ứng xử của riêng mình và xây dựng mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp ưu tiên của các nước đang phát triển.

(ii) Đại lý/môi giới

Các đại lý tham gia vào việc buôn bán hạt điều thường thực hiện hai loại hoạt động. Các đại lý thường hoạt động như những công ty độc lập thay mặt khách hàng của họ đàm phán và làm trung gian giữa người mua và người bán. Thông thường, họ tính phí hoa hồng từ 2% đến 4% cho các dịch vụ trung gian của họ.

Một hoạt động khác do các bên này thực hiện là cung cấp nhãn hiệu riêng. Đối với hầu hết các nhà cung cấp ở các nước đang

phát triển, việc tham gia vào các thủ tục đấu thầu nhãn hiệu tư nhân khá khe là rất khó khăn. Đối với các dịch vụ này, một số đại lý, hợp tác với các nhà cung cấp hạt điều của họ, tham gia vào các thủ tục thu mua do chuỗi bán lẻ đưa ra.

(iii) Kênh bán lẻ

Các nhà bán lẻ hiếm khi mua trực tiếp từ các nhà xuất khẩu của các nước đang phát triển. Tuy nhiên, một số nhà xuất khẩu (nhà chế biến) ở các nước đang phát triển đóng gói sản phẩm của họ trực tiếp cho nhãn hiệu riêng hoặc thậm chí nhãn hiệu riêng của họ. Gần đây, lĩnh vực bán lẻ ngày càng trở nên phân cực, có sự chuyển dịch sang phân khúc giảm giá hoặc cao cấp. Sự củng cố, bão hòa thị trường, cạnh tranh khốc liệt và giá thấp là những đặc điểm chính của thị trường thực phẩm bán lẻ châu Âu.

Các siêu thị và tập đoàn bán lẻ lớn của Anh Quốc đã và đang chuyển dần sang đặt hàng trực tiếp của nhà sản xuất “uy tín” để đa dạng hóa sản phẩm, tìm kiếm sự sáng tạo, cũng như để kiểm soát tốt hơn nguồn gốc và chất lượng sản phẩm. Hai Tập đoàn bán buôn lớn trong lĩnh vực thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu tại Anh là Costco Wholesale UK và JJ Foodservice.

Các tập đoàn bán lẻ lớn chuyên phân phối thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu có Tesco, Sainbury, Whole Foods, Waitrose, Mark & Spencers, Lidl, Aldi, Morrisons, Asda, Co-op Food.

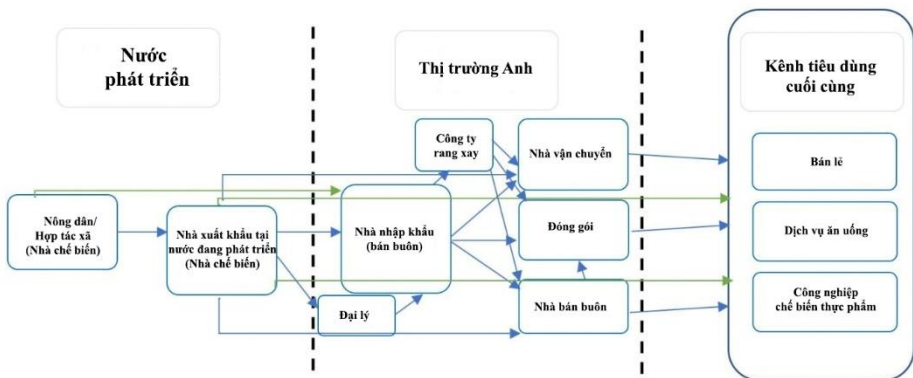
Kể từ giai đoạn dịch COVID-19, doanh số bán hàng trực tuyến tăng đáng kể đối với tất cả các nhà bán lẻ. Người tiêu dùng phải ở trong nhà và tránh ra ngoài mua sắm. Bán hàng trực tuyến đã ảnh hưởng đến hậu cần và hiệu quả giao hàng của các chuỗi bán lẻ lớn. Bán hàng trực tuyến đang là mối đe dọa tiềm tàng đối với các cửa hàng nhỏ.

(iv) Kênh dịch vụ ăn uống

Kênh dịch vụ ăn uống (khách sạn, nhà hàng và cơ sở ăn uống) thường do các nhà nhập khẩu chuyên biệt (nhà bán buôn) cung cấp. Phân khúc dịch vụ thực phẩm thường yêu cầu cụ thể bao bì hạt điều với trọng lượng từ 1kg đến 5kg, khác với yêu cầu đóng gói số lượng lớn hoặc bán lẻ.

Ẩm thực thế giới, thực phẩm lành mạnh và thưởng thức ẩm thực là những động lực chính trong kênh dịch vụ ăn uống ở Anh. Các loại hình kinh doanh phát triển nhanh nhất có xu hướng là thức ăn nhanh mới (lành mạnh), thức ăn đường phố và nhà hàng pop-up, cũng như các nhà hàng phục vụ các món ăn quốc tế và quán bánh mì sandwich.

Bảng 7: Mô hình mạng lưới kênh phân phối hạt điều tại Vương quốc Anh



Các nhà nhập khẩu chuyên ngành dường như là đầu mối liên hệ hữu ích nhất nếu muốn xuất khẩu hạt điều sang thị trường Anh. Điều này đặc biệt phù hợp với các nhà cung cấp mới vì việc cung cấp trực tiếp cho phân khúc bán lẻ là rất khắt khe và đòi hỏi đầu tư đáng kể vào lĩnh vực chất lượng và hậu cần.

Tuy nhiên, đóng gói cho nhãn hiệu riêng có thể là một lựa chọn cho các nhà sản xuất được trang bị tốt và giá cả cạnh tranh. Việc đóng gói nhãn hiệu riêng thường được thực hiện bởi các nhà nhập khẩu ký hợp đồng với các chuỗi bán lẻ ở Anh. Ngoài ra, để có toàn quyền kiểm soát quá trình chế biến, việc rang và đóng gói hạt điều cho phân khúc snack tại Anh trở nên dễ dàng hơn. Khi chi phí lao động ở Vương quốc Anh nói riêng và châu Âu ngày càng tăng, các nhà nhập khẩu hạt điều đôi khi tìm kiếm các hoạt động rang hiệu quả hơn về chi phí, ví dụ như ở Đông Âu hoặc các nước đang phát triển.

Bảng 8: Danh mục các nhà cung cấp sản phẩm hạt điều và sản phẩm liên quan thuộc Hiệp hội thương mại Hạt và Hoa quả khô Vương quốc Anh (NDFTA)

Tên công ty	Website	Đầu mối liên hệ
NHÀ CUNG CẤP HẠT ĐIỀU		
Aldebaran Commodities BV	aldebaran.nl	Nurcan Sayim Trading Manager nurcan@aldebaran.nl 00 31-107620514
Barrow Lane & Ballard Ltd	barrow-lane.co.uk	Max Sondhelm CEO max@barrow-lane.co.uk 2084578120
C G Hacking & Sons Ltd	cghacking.com	Giles Hacking Managing Director ghacking@cghacking.com 442074076451

Community Foods Ltd	communityfoods.co.uk	Joe Erskine Commercial Director - Ingredients Joe.erskine@communityfoods.co.uk 7787432966
Freeworld Trading Ltd	freeworld-trading.co.uk	Ishan Das Director ishan@freeworld-trading.co.uk 1315575600
Humdinger Ltd	humdinger-foods.co.uk	Katia Ziniewicz Senior Category Buyer katia.ziniewicz@zertusuk.com
International Procurement and Logistics Ltd (IPL)	ipl-ltd.com	Darren Cheshire Raw Materials Buyer darren.cheshire@ipl-ltd.com 07557 431890
Natco Foods Ltd	natcofoods.com	Hiro Pahilwani Sales Manager hiro@natcofoods.com 7973839110
Olam Europe BV	olamnet.com	Ümit Ergin General Manager umit.ergin@olamnet.com 31646603302

Pagarani International Ltd	pagarani.co.uk	Mahesh Pagarani Director mahesh@pagarani.co.uk 7561340937
Premier Fruit & Nut Ltd	premierfn.co.uk	Raj Shah Director raj@premierfn.co.uk 07903 733818
R S Tinsley (Liverpool) Ltd	rstinsleynutbrokers.com	Rob Tinsley Managing Director rob@rstinsleynutbrokers.com 792179047
Agrysol Ltd	posocco.co.uk	Simone Posocco Broker simone@posocco.co.uk 7530644258
The Roasting Company Ltd	theroastingcompany.co.uk	Jez Henson Sales Manager Jez.henson@theroastingcompany.co.uk 7917694257
T M DUCHÉ & SONS LIMITED	tmduche.com	Warren Dick Managing Director warren@tmduche.com 7802396015
Vibrant Brands Ltd		Anil Shah Director anil@vibrantfoods.co.uk 7887903492

VOICEVALE LTD	voicevale.com	Roby Danon Managing Director roby@voicevale.com +44 208 371 3600
Whitworths Ltd	whitworths.co.uk	Julie Clarke Head of Sales clarkj@whitworths.co.uk
Derby Ingredients Limited	derbyingredients.com	Leon Seliger COO l.seliger@derbyingredients.com 447907799444
Edible Solutions Ltd	ediblesolutions.co.uk	Sumit Guha Managing Director sumit@ediblesolutions.co.uk 7827999133
Petrow Food Group	petrowfoodgroup.com	Simon Furniss Commercial Manager simon@petrowfoodgroup.com 7435969483
Evolution Foods Ltd	evolutionfoods.co.uk	Russell Tanner Buying Director russell@evolutionfoods.co.uk 1952228600
August Topfer & Co. (GmbH & Co.) KG	atco.de	J. Vincent Rieckmann Managing Director office@atco.de +49 40 32003-0

Elra Foods Trading	elrafoods.com	Ellie Rahbaran ellie@elrafoods.com 447958555283
Western Commodities	westerncommodities.com	Graham Davenport Sales & New Business Development Graham.davenport@westerncommodities.com 07809 123 785
Chelmer Foods Ltd	chelmerfoods.com	Sales Team Sales Team sales@chelmerfoods.com 01376 343500
Falgu & Co Limited	falgucoLtd.co.uk	ALPESH PATEL Director alpesh@falgucoLtd.co.uk 44(0)7728389994
Rhumveld UK Ltd	rhumveld.com	Joe Kilduff/Robin Fitzgibbon Account Manager j.kilduff@rhumveld.com / r.fitzgibbon@rhumveld.com 7473837340
RM Curtis Co & Ltd	rmcurtis.co.uk	Lynne Tempest Sales & Development Director lynne.tempest@rmcurtis.co.uk 7876562090

Nuts2 BV	nuts2.com	Kees Blokland keesmt@globaltrading.nl 653542035
Vonanut UK Ltd	vonanut.com	Ferhat Dolmaci Director ferhat@vonanut.com 7841475213
G Penna Ltd	gpenna.com	Gianpaolo Penna Managing Director gp@gpenna.com 75253605119
ETG (Agri Commodities and Finance FZ-LLC)	etgworld.com	Sandeep Suntha sandeep.suntha@etgworld.com
Terra Nova Trading Inc.	terranovatradinginc.com	Lisa Dalton Trader lisad@terranovatradinginc.com 7501933068
AIB Foods Ltd	aibfoods.co.uk	Khalid Parvez Director khalid@aibfoods.co.uk 447836215161
Zeina Foods	zeinafoods.com	

Trading Training and Consulting Ltd	aneyblaexotict rading.com	
NHÀ CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM HẠT KHÁC		
C G Hacking & Sons Ltd	cghacking.com	Giles Hacking Managing Director ghacking@cghacking.com 442074076451
Olam Europe BV	olamnet.com	Ümit Ergin General Manager umit.ergin@olamnet.com 31646603302
VOICEVALE LTD	voicevale.com	Roby Danon Managing Director roby@voicevale.com +44 208 371 3600
Whitworths Ltd	whitworths.co.uk	Julie Clarke Head of Sales clarkj@whitworths.co.uk
Edible Solutions Ltd	ediblesolution s.co.uk	Sumit Guha Managing Director sumit@ediblesolutions.co.uk 7827999133
Pacific Nut Company Chile S.A.	pacificnut.com	Juan Widmer Market Manager jwidmer@pacificnut.com +56 9 4238 405

Chelmer Foods Ltd	chelmerfoods.com	Sales Team Sales Team sales@chelmerfoods.com 01376 343500
RM Curtis Co & Ltd	rmcurtis.co.uk	Lynne Tempest Sales & Development Director lynne.tempest@rmcurtis.co.uk 7876562090
C G Hacking & Sons Ltd	cghacking.com	Giles Hacking Managing Director ghacking@cghacking.com 442074000000000000
Olam Europe BV	olamnet.com	Ümit Ergin General Manager umit.ergin@olamnet.com 31646603302

VI. Nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh chính mặt hàng hạt điều tại thị trường Vương quốc Anh

Tại thị trường Vương quốc Anh, ngành hạt điều Việt Nam mặc dù luôn chiếm vị trí dẫn đầu về cả sản lượng và kim ngạch xuất khẩu qua nhiều năm, tuy nhiên Việt Nam đang phải chịu sức ép ngày càng tăng từ một số quốc gia châu Phi, Ấn Độ và hạt điều chế biến từ một số quốc gia thuộc EU. Sau đây là tình hình xuất khẩu và đặc điểm sản phẩm điều của một số đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam tại thị trường Anh.

1. Ấn Độ

Với sản lượng 177 nghìn tấn nhân hạt, Ấn Độ là nước sản xuất hạt điều lớn thứ hai niên vụ 2021-2022, sau Tây Phi (chủ yếu là Bờ Biển Ngà), tiếp theo là Campuchia và Đông Phi (chủ yếu là Tanzania). Ngược lại với Việt Nam, Ấn Độ tiêu thụ số lượng lớn hạt điều ngay trong nước. Theo Hội đồng hạt và trái cây sấy khô quốc tế (International Nut and Dried Fruit Council), Ấn Độ tiêu thụ khoảng 30% sản lượng hạt điều nhân sản xuất trong nước. Tiêu thụ nội địa của cả nước tăng 5% vào năm 2021, từ khoảng 275 nghìn tấn lên ước tính 290 nghìn tấn.

Ấn Độ là nước xuất khẩu hạt điều lớn, chiếm hơn 15% thị phần xuất khẩu của thế giới. Trong giai đoạn 2021-2022, xuất khẩu của nước này tăng 7% lên 397 triệu euro (tăng từ 344 triệu euro trong năm 2020-2021). Các thị trường chính của Ấn Độ là Trung Đông (43%, chủ yếu là UAE và Ả Rập Saudi), EU và Anh (29%), tiếp theo là Nhật Bản (13%).

Các cơ sở sản xuất hạt điều của Ấn Độ chủ yếu nằm ở các vùng ven biển, với Maharashtra là khu vực sản xuất hàng đầu. Việc thu hoạch thường diễn ra vào tháng 3, tháng 4 và tháng 5. Mặc dù sản lượng điều Ấn Độ tiếp tục tăng nhưng năng suất và sản lượng vẫn thấp hơn Việt Nam do thường xuyên sử dụng chế biến thủ công.

Không giống như ở Việt Nam, cuộc khủng hoảng COVID-19 đã ảnh hưởng đến vụ thu hoạch ở Ấn Độ. Do các biện pháp phong tỏa, sản lượng thu hoạch giảm 10 nghìn tấn vào năm 2020 nhưng đã phục hồi vào năm 2021.

Việc sản xuất và xuất khẩu hạt điều của Ấn Độ được hỗ trợ bởi Hội đồng xúc tiến xuất khẩu hạt điều Ấn Độ. Chính phủ Ấn Độ hỗ trợ các nỗ lực tăng diện tích sản xuất và trồng lại cây cổ thụ. Năm 2018, Thuế hải quan cơ bản đối với hạt điều thô đã giảm từ 5% xuống 2,5% và Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) cũng giảm từ 12% xuống 5%. Tuy nhiên, năng lực chế biến của Ấn Độ vẫn lớn hơn mức cần thiết để xử lý sản xuất trong nước và số lượng lớn các loại hạt còn nguyên vỏ được nhập khẩu từ các nước châu Phi – Benin, Tanzania, Ghana, Guinea-Bissau, Bờ Biển Ngà và các nước khác.

Bảng 9: Lượng và trị giá xuất khẩu hạt điều từ Ấn Độ sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022

Năm	Lượng (tấn)	Trị giá (ngàn USD)
2013	2616	19,471
2014	2801	20,79
2015	2373	18,706
2016	1493	12,673
2017	2035	21,999
2018	1322	14,001
2019	1151	9,192
2020	628	4,783

2021	537	4,583
2022	513	4,467

Nguồn: Tính toán từ ITC TradeMap

Xuất khẩu hạt điều của Ấn Độ sang thị trường Vương quốc Anh có xu hướng giảm mạnh trong những năm trở lại đây. Năm 2022, Ấn Độ chỉ xuất khẩu hơn 500 tấn, với trị giá đạt gần 4,5 triệu USD, giảm gần 5 lần so với 5 năm trước. Hiện thị phần hạt điều của Ấn Độ tại Vương quốc Anh chỉ chiếm tỉ lệ tương đối nhỏ khi chiếm 2,2% về lượng và 3,1% về trị giá trong tổng nhập khẩu năm 2022 tại Anh.

Mặc dù vậy, giá nhập khẩu hạt điều từ Ấn Độ lại cao hơn giá nhập khẩu từ Việt Nam, thậm chí cao hơn giá trung bình nhập khẩu từ thế giới.

Bảng 10: Giá nhập khẩu trung bình từ Ấn Độ (USD/tấn)

Năm	Giá nhập khẩu trung bình từ Ấn Độ (USD/tấn)
2013	7443
2014	7422
2015	8828
2016	8488
2017	10810
2018	10590
2019	7986

2020	7616
2021	8534
2022	8707

Nguồn: Tính toán từ ITC TradeMap

Ấn Độ có nhiều công ty chế biến và xuất khẩu hạt điều. Nhiều trong số này nằm ở Kollam (quận và thành phố thuộc bang Kerala, Ấn Độ). Theo Hội đồng Xúc tiến Điều Ấn Độ, hơn 90% hạt điều xuất khẩu được chế biến tại Kollam. Hơn 150 công ty được liệt kê trên trang của các nhà chế biến hạt điều Kollam. Ngoài ra, Hội đồng Xúc tiến Điều Ấn Độ còn công bố danh sách dài khoảng 190 nhà xuất khẩu hạt điều.

Olam International là nhà chế biến hạt điều quan trọng ở Ấn Độ. Các nhà xuất khẩu Ấn Độ đáng chú ý khác bao gồm: Công ty hạt điều Basim (với bảy nhà máy và hai trung tâm đóng gói), Fernandes Brothers (một trong những nhà xuất khẩu hàng đầu, hoạt động trong nhiều thập kỷ), Bola Surendra Kamath & Sons (một nhà xuất khẩu lớn cũng nhập khẩu hạnh nhân và quả hồ trăn sang Ấn Độ) và các sản phẩm nông nghiệp của Paranjape.

Xu hướng chính ở Ấn Độ là đầu tư vào các cơ sở chế biến hoàn toàn tự động. Tuy nhiên, hầu hết hạt điều ở Ấn Độ đều được bóc vỏ bằng máy vận hành bằng bàn đạp. Tuy vậy, nhiều cơ sở chế biến đang chuyển dần sang dây chuyền xử lý tự động. Ngoài ra, có một sự phân hóa khá rõ nét trong ngành điều Ấn Độ, hạt vỡ thường được tiêu thụ nội địa, trong khi sản phẩm nguyên hạt chất lượng cao được dùng cho xuất khẩu.

2. Bờ Biển Ngà

Bờ Biển Ngà là nước sản xuất hạt điều thô, nguyên vỏ số một thế giới, sản xuất ước tính khoảng 1 triệu tấn (200 nghìn tấn nhân) trong vụ mùa 2021-2022. Bờ Biển Ngà không có đủ năng lực chế biến để tách vỏ nên nước này xuất khẩu phần lớn hạt điều, giống như các nước châu Phi khác, dưới dạng hạt còn nguyên vỏ sang Việt Nam và Ấn Độ. Tuy nhiên, Bờ Biển Ngà hiện nhận được hỗ trợ trong nước và quốc tế (bao gồm cả từ CBI) và đầu tư vào năng lực chế biến. Bên cạnh đầu tư trong nước, các công ty nước ngoài cũng đầu tư vào chế biến hạt điều ở Bờ Biển Ngà (ví dụ từ Việt Nam).

Hiện nay, xu hướng nhiều công ty chế biến tại Vương quốc Anh xây dựng vùng trồng, cung cấp công nghệ và kỹ thuật canh tác trực tiếp cho nông hộ sản xuất hạt điều tại Bờ Biển Ngà nói chung và một số quốc gia châu Phi khác nói riêng tạo ra áp lực cạnh tranh nhất định cho ngành hạt điều Việt Nam, không những tại thị trường Anh mà còn các thị trường tiêu thụ chất lượng cao tại EU nói chung trong thời gian tới.

Xuất khẩu hạt điều có vỏ từ Bờ Biển Ngà sang châu Âu tăng từ 1,3 nghìn tấn năm 2017 lên 8 nghìn tấn vào năm 2021. Thị trường xuất khẩu chính của nước này ở châu Âu là Bỉ, Ý, Đức, Vương quốc Anh và Hà Lan.

Ủy ban Bông và Điều (Conseil du Coton et de l'Anacarde) quản lý việc sản xuất và tiếp thị hạt điều cũng như thúc đẩy chế biến ở Bờ Biển Ngà. Chính phủ hỗ trợ đầu tư vào chế biến thông qua các khoản trợ cấp khác nhau. Ví dụ, gần đây có thông báo rằng các nhà chế biến hạt điều ở Bờ Biển Ngà sẽ được miễn thuế hải quan và thuế giá trị gia tăng đối với thiết bị chế biến được mua trong 5 năm tới.

Đại dịch COVID-19 không ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất hạt điều trong năm 2020 và 2021. Thách thức chính là vấn đề hậu cần và giao hàng chậm trễ.

Lượng và trị giá xuất khẩu hạt điều từ Bờ Biển Ngà hiện chiếm tỉ lệ nhỏ tại thị trường Vương quốc Anh, khi lượng xuất khẩu hàng năm chiếm khoảng 200 tấn, với trị giá hơn 1 triệu USD vào thị trường, tức là chỉ chiếm dưới 1% dung lượng thị phần tại Anh. Tuy nhiên kể từ thời điểm 2018 đến nay, xuất khẩu hạt điều, đặc biệt là hạt điều nguyên vỏ từ Bờ Biển Ngà có xu hướng tăng dần đều qua các năm. So sánh sản lượng và trị giá xuất khẩu của Bờ Biển Ngà năm 2022 đã tăng lần lượt 27 lần và 11 lần so với năm 2019.

Bảng 11: Lượng và trị giá xuất khẩu hạt điều từ Bờ Biển Ngà sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022

Năm	Lượng (tấn)	Trị giá (ngàn USD)
2013	225	1390
2014	349	1737
2015	74	435
2016	11	86
2017	32	285
2018	0	0
2019	16	144
2020	48	256
2021	179	1083
2022	276	1593

Nguồn: Tính toán từ ITC TradeMap

Với đặc điểm là hạt điều nguyên vỏ chưa chế biến, nên giá nguyên liệu nhập khẩu từ Bờ Biển Ngà tương đối thấp, và thường có sự biến thiên thiếu nhất quán.

Bảng 12: Giá nhập khẩu trung bình từ Bờ Biển Ngà (USD/tấn)

Năm	Giá nhập khẩu trung bình từ Bờ Biển Ngà (USD/tấn)
2013	6178
2014	4977
2015	5878
2016	7818
2017	8906
2018	–
2019	9000
2020	5333
2021	6050
2022	5771

Nguồn: Tính toán từ ITC TradeMap

Olam International là nhà chế biến hạt điều lớn nhất ở Châu Phi. Ngoài Olam, còn có nhiều doanh nghiệp điều nhân khác đang tăng cường xuất khẩu sang Vương quốc Anh.

Bờ Biển Ngà – Olam là nhà chế biến lớn nhất với công suất chế biến hơn 40.000 tấn/năm. Các nhà chế biến lớn khác bao gồm CILAGRI, SITA, FMA và Cajou des Savanes (CASA)...

3. Burkina Faso

Canh tác hạt điều ở Burkina Faso tăng lên kể từ năm 2000 nhờ kế hoạch của chính phủ nhằm thúc đẩy phát triển ngành điều, với diện tích hiện nay vào khoảng trên một triệu cây điều. Hiện nay, diện tích gieo trồng khoảng 330.000 ha, với tổng sản lượng trên 100.000 tấn. Phần lớn nông dân trồng điều thuộc các hiệp hội, tổ nhóm, hợp tác xã nông thôn. Khoảng 45.000 hộ gia đình tham gia trồng hạt điều, 97% trong số đó nằm ở các vùng Cascades, Sud-Ouest, Hauts-Bassins và Centre-Ouest. Năm 2021, tổng lượng xuất khẩu hạt điều nguyên vỏ để chế biến ước đạt 131 nghìn tấn. Năm 2021, thị trường xuất khẩu điều nhân nguyên vỏ chủ yếu là Singapore (65,2 nghìn tấn) và Ấn Độ 47,6 nghìn tấn).

Năm 2021, Burkina Faso xuất khẩu 14,8 nghìn tấn nhân điều trên toàn thế giới, trong đó châu Âu là thị trường xuất khẩu chính, tiếp theo là Mỹ. Burkina Faso xuất khẩu 12,7 nghìn tấn sang châu Âu trong năm 2021, tăng so với 1,8 nghìn tấn năm 2020. Tại châu Âu, thị trường chính của hạt điều từ Burkina Faso năm 2021 là Bỉ (8.976 tấn) và Đức (2.607 tấn), tiếp theo là Hà Lan (734 tấn), Pháp (261 tấn) và Ý (91 tấn).

Việc sản xuất hạt điều ở Burkina Faso được hỗ trợ bởi Liên minh các nhà sản xuất hạt điều quốc gia (UNPA), Hiệp hội các nhà chế biến quốc gia và Liên minh các nhà xuất khẩu hạt điều quốc gia. Ngoài ra, Burkina Faso còn nằm trong các hoạt động của Liên minh Điều Châu Phi (ACA), ComCashew và Self Help Africa.

Tại thị trường Vương quốc Anh, hạt điều từ Burkina Faso mới bắt đầu phát sinh kim ngạch kể từ năm 2015 trở lại đây, với sản lượng và trị giá xuất khẩu tăng đều đến năm 2020, sau đó giảm đột ngột.

Tương tự như Bờ Biển Ngà, thị phần của hạt điều từ Burkina Faso rất nhỏ, chiếm dưới 1% dung lượng thị trường và có sự biến thiên phụ thuộc nhiều vào nhu cầu nhập khẩu từ một số thương nhân trực tiếp đầu tư công nghệ và vùng trồng tại quốc gia này.

Bảng 13: Lượng và trị giá xuất khẩu hạt điều từ Burkina Fasso sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022

Năm	Lượng (tấn)	Trị giá (ngàn USD)
2013	0	0
2014	0	0
2015	0	0
2016	33	274
2017	68	770
2018	49	657
2019	68	602
2020	117	947
2021	17	154
2022	47	414

Nguồn: Tính toán từ ITC TradeMap

Điểm đáng chú ý là giá nhập khẩu trung bình hạt điều xuất xứ từ Burkina Faso sang Vương quốc Anh có giá cao hơn đáng kể so với hạt điều từ Bờ Biển Ngà. Điều này có thể lý giải phần lớn do chi phí vận chuyển từ quốc gia này cao hơn so với Bờ Biển Ngà, do không có

biển nên phải mất thêm chi phí di chuyển nội địa trên 1.000 km ra cảng phía Nam của Bờ Biển Ngà.

Bảng 14: Giá nhập khẩu trung bình từ Burkina Faso (USD/tấn)

Năm	Giá nhập khẩu trung bình từ Burkina Faso (USD/tấn)
2013	—
2014	—
2015	—
2016	8303
2017	11323
2018	13408
2019	8852
2020	8094
2021	9059
2022	8808

Nguồn: Tính toán từ ITC TradeMap

Giống như tại các quốc gia châu Phi khác, OLAM là nhà chế biến quan trọng ở Burkina Faso. Đơn vị chế biến lớn nhất trong nước là Anatrans, tiếp theo là một số công ty tư nhân khác. Nhà nhập khẩu và bán buôn sản phẩm hữu cơ là Gebana, có trụ sở chính tại Thụy Sĩ, đã hoạt động ở Burkina Faso được 12 năm nhưng gần đây bị phá sản.

Tuy nhiên, vào tháng 11 năm 2019, Gebana đã thông báo về việc khôi phục công ty và bắt đầu hoạt động sản xuất mới.

4. Ngành hạt điều chế biến của CHLB Đức và Hà Lan

Hà Lan là nước nhập khẩu hạt điều lớn nhất châu Âu, chiếm 29% tổng lượng nhập khẩu của châu Âu. Trong 5 năm qua, nhập khẩu hạt điều của Hà Lan biến động nhưng đến năm 2021 đạt đỉnh 63 nghìn tấn về số lượng, tương đương giá trị 376 triệu euro. Hà Lan đóng vai trò quan trọng là trung tâm thương mại ở châu Âu khi gần 70% tổng lượng hạt điều nhập khẩu được tái xuất khẩu sang các nước châu Âu khác. Đức là điểm đến hàng đầu của Hà Lan tái xuất hạt điều, nhập khẩu khoảng 18 nghìn tấn mỗi năm. Một điểm đến lớn khác cho việc tái xuất hạt điều của Hà Lan là Pháp, quốc gia đã nhập khẩu hơn 5 nghìn tấn vào năm 2021.

Thị trường hạt điều Hà Lan tương đối tập trung và chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu từ Việt Nam và Ấn Độ. Về giá trị, 82% hàng nhập khẩu của Hà Lan đến từ Việt Nam vào năm 2021, tiếp theo là Ấn Độ (8%) và Bồ Đào Nha (2%). Nhập khẩu từ Châu Phi tương đối nhỏ nhưng tiếp tục tăng vào năm 2021. Năm 2021, ba nhà cung cấp hàng đầu Châu Phi cho Hà Lan là Bồ Đào Nha (1.372 tấn), Ghana (706 tấn) và Burkina Faso (649 tấn).

Bảng 15: Lượng, trị giá và giá trung bình xuất khẩu hạt điều chế biến từ Hà Lan sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022

Năm	Lượng (tấn)	Trị giá (ngàn USD)	Giá nhập khẩu trung bình từ Hà Lan (USD/tấn)
2013	1332	10910	8190
2014	746	5659	7585

2015	1170	7619	6511
2016	1331	7845	5894
2017	741	7118	9605
2018	495	5049	10200
2019	962	8153	8475
2020	2317	18143	7830
2021	3521	24032	6825
2022	632	4561	7216

Nguồn: Tính toán từ ITC TradeMap

Đức là nước nhập khẩu hạt điều lớn thứ hai châu Âu. Tổng giá trị nhập khẩu của Đức là 360 triệu euro vào năm 2021, chiếm 28% tổng giá trị nhập khẩu của EU. Nhập khẩu của Đức tăng về lượng 2,4% hàng năm từ năm 2017 đến năm 2021, đạt 59 nghìn tấn vào năm 2021. Trong cùng thời gian đó, giá trị nhập khẩu hạt điều giảm 7,1% mỗi năm, cho thấy giá nhập khẩu giảm.

Đức cũng là nước trung chuyển lớn cho hạt điều nhập khẩu. Khoảng 35% tổng lượng hạt điều nhập khẩu được tái xuất từ Đức sang các thị trường châu Âu khác. Hoạt động tái xuất được thực hiện bởi các thương nhân và đại lý chuyên doanh, nhiều trong số đó có trụ sở tại Hamburg (cảng chính của Đức). Năm 2021, các thị trường mục tiêu chính để tái xuất khẩu của Đức là Luxembourg (14%), Pháp (12%), Vương quốc Anh (9%) và Ba Lan và Slovakia (mỗi nước 8%).

Bảng 16: Lượng, trị giá và giá trung bình xuất khẩu hạt điều chế biến từ CHLB Đức sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022

Năm	Lượng (tấn)	Trị giá (ngàn USD)	Giá nhập khẩu trung bình từ CHLB Đức (USD/tấn)
2013	750	7163	9550
2014	1127	10568	9377
2015	827	7662	9264
2016	1233	12657	10265
2017	1820	21124	11606
2018	1757	22970	13073
2019	2245	24268	10809
2020	2112	20487	9700
2021	2202	19207	8722

Nguồn: Tính toán từ ITC TradeMap

5. Phân tích các đối thủ cạnh tranh và đánh giá

Nhìn chung, các quốc gia sản xuất hạt điều thô từ châu Phi và Ấn Độ hiện nay không phải là đối thủ cạnh tranh lớn với Việt Nam, có khả năng thay đổi thị phần trong trung hạn tại thị trường hạt điều ở Vương quốc Anh. Ngoài lượng và trị giá xuất khẩu thấp, kim ngạch nhập khẩu hàng năm vào thị trường Anh từ các nước này không ổn định, thường phụ thuộc vào thương nhân hoặc nhà đầu tư trực tiếp tại nước đó.

Tuy nhiên, xu hướng từ Nông trại đến Bàn ăn (Farm to Fork), Thương mại công bằng (Fair Trade) đặt ra viễn cảnh ngày càng nhiều doanh nghiệp tại Vương quốc Anh nói riêng và châu Âu nói chung mong muốn tối ưu hóa chuỗi sản xuất, giảm bớt các khâu trung gian, qua đó đầu tư vùng nguyên liệu, chuyển giao khoa học công nghệ và nhập khẩu trực tiếp hạt điều thô từ châu Phi vào Vương quốc Anh để gia công, chế biến. Về ngắn hạn, xu hướng này chưa thể ảnh hưởng trực tiếp đến vị thế của ngành điều Việt Nam tại thị trường, tuy nhiên cũng cần thấy rõ phần nào nguy cơ cho nhiều doanh nghiệp bị loại bỏ khỏi chuỗi cung ứng nếu không có sự chuyển đổi theo hướng phát triển xanh, bền vững.

Qua phân tích tình hình sản xuất hạt điều chế biến từ các nhà cung ứng từ Hà Lan và Đức, có thể thấy khâu chế biến giúp gia tăng giá trị lớn cho sản phẩm. Các quốc gia kể trên (ngoài ra còn có thêm Luxembourg, Ý, Pháp, Bỉ...) mặc dù không canh tác hạt điều, nhưng với ngành công nghiệp chế biến phát triển, các nước này nhập khẩu hạt điều từ quốc gia trồng (trong đó có Việt Nam) rồi chế biến, qua đó thu được lượng lớn doanh thu. Qua đây có thể đưa ra khuyến nghị không mới nhưng luôn cần thiết cho các doanh nghiệp trong nước, cần gia tăng hàm lượng chế biến, nâng cao giá trị và vị trí trong chuỗi cung ứng hạt điều khi tham gia xuất khẩu vào châu Âu nói chung và Vương quốc Anh nói riêng.

Ngoài ra, người tiêu dùng Vương quốc Anh có xu hướng lựa chọn các gói hạt tổng hợp để đảm bảo cân bằng dinh dưỡng tuyệt đối và ngon miệng, dễ ăn. Nhiều sản phẩm sản xuất tại Vương quốc Anh, hoặc nhập khẩu vào Vương quốc Anh đã đi theo hướng trộn hạt điều với hạt hạnh nhân, hạt mắc ca, hạt điều Brazil; hoặc trộn hạt điều với trái cây khô như dừa sấy, thanh long sấy, nho và blueberry sấy... Để thấy rõ xu hướng này trong cơ cấu sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam, có thể xem xét 02 mã HS là: 20081912 (*Dừa, hạt điều, quả hạch Brazil, quả cau "trầu", hạt cola và hạt mắc ca, bao gồm cả hỗn hợp chứa các loại hạt này >= 50% tính theo trọng lượng, đã được chế biến hoặc bảo quản, đóng gói sẵn có trọng lượng tịnh > 1 kg (không bao gồm bảo quản bằng đường)*) và 20081992 (*Dừa, hạt điều, quả hạch Brazil, quả cau "trầu", hạt cola và hạt mắc ca, bao gồm cả hỗn hợp chứa các loại hạt này >= 50% trọng lượng, đã được chế biến hoặc bảo quản, đóng gói sẵn có trọng lượng tịnh <= 1 kg*).

Bảng 17: Nhập khẩu mã HS20081912 và 20081992 từ Việt Nam và thế giới của Vương quốc Anh giai đoạn 2016 – 2022 (đơn vị: ngàn USD)

Mã HS	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Nhập khẩu mã HS 20081912 từ Việt Nam	0	57	87	58	713	4,541	6,785
Nhập khẩu mã HS 20081912 từ thế giới	6,432	5,218	6,226	5,930	6,522	8,759	11,310

Nhập khẩu mã HS 20081992 từ Việt Nam	0	0	0	5	3	228	1,827
Nhập khẩu mã HS 20081992 từ thế giới	14,3 42	16,5 12	16,9 15	16,5 70	13,8 45	10,839	14,90 1

Nguồn: Tính toán từ số liệu ITC TradeMap

Có thể thấy, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm hạt tổng hợp có hạt điều từ Việt Nam sang Vương quốc Anh tăng rất mạnh trong 3 năm gần đây. Đây là dấu hiệu đáng mừng, vừa chứng tỏ khả năng thích ứng và tiếp cận thị trường của người tiêu dùng bản địa tốt hơn từ doanh nghiệp Việt Nam, vừa là chỉ dấu tốt cho thấy hạt điều chế biến sâu đã đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu khắt khe từ thị trường, qua đó chiếm lĩnh thị phần khá tốt (năm 2022, thị phần mã HS 20081992 của Việt Nam là 60%, thị phần mã HS 20081992 là 12%), trực tiếp ra tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm hạt điều xuất khẩu.

CHƯƠNG II: CÁC NỘI DUNG CAM KẾT LIÊN QUAN TRONG HIỆP ĐỊNH UKVFTA

I. Phân tích các cam kết về thuế quan

Với 9 điều khoản; 01 Phụ lục sửa đổi một số điều của lời văn UKVFTA; 01 thư song phương trao đổi giữa Việt Nam và UK; 01 Nghị định thư về quy tắc xuất xứ và các Bản Chú giải. Hiệp định đã có hiệu lực tạm thời từ 23h tối 31/12/2020 (tức 6h sáng ngày 01/01/2021 theo giờ Việt Nam), và chính thức có hiệu lực từ 01/05/2021, với những cam kết đáng chú ý

Hai bên thỏa thuận cắt giảm ngay 65% số dòng thuế khi hiệp định UKVFTA có hiệu lực. Điều này đồng nghĩa với việc tăng lên tới 99% số dòng thuế được cắt giảm sau từ 6-9 năm. Việc cắt giảm thuế khẩu đối với các sản phẩm như quần áo, vải và giày dép - có nghĩa là khách hàng và doanh nghiệp đều được hưởng lợi từ giá cả thấp hơn. Thuế quan sẽ được giảm theo lộ trình quy định như nhau các khoản cắt giảm hàng năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực.

Với những cam kết như vậy, các nhà xuất khẩu của Vương quốc Anh hay của Việt Nam đều được hưởng lợi, cụ thể là:

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Vương quốc Anh vào Việt Nam:

- 48,5% số dòng thuế được xóa bỏ vào ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- 91,8% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ vào ngày 01 tháng 01 năm 2027;
- 98,3% số dòng thuế được xóa bỏ từ ngày 01 tháng 01 năm 2029;
- 1,7% số dòng thuế được tự do hóa một phần thông qua hạn ngạch thuế quan (lượng hạn ngạch là phù hợp với các cam kết WTO của Việt Nam và các thuế trong hạn ngạch sẽ được xóa bỏ vào năm 2031) hoặc không được hưởng ưu đãi

• Đối với hàng hóa nhập khẩu vào Vương quốc Anh từ Việt Nam:

• 85,6% số dòng thuế được xóa bỏ vào ngày 01 tháng 01 năm 2021;

• 99,2% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ vào ngày 01 tháng 01 năm 2027;

• 0,8% số dòng thuế được tự do hóa một phần thông qua hạn ngạch thuế quan (với thuế suất ưu đãi đối với các sản phẩm trong hạn ngạch là 0%)

Trong UKVFTA, cam kết về thuế quan của Vương quốc Anh đối với mặt hàng hạt điều nhập khẩu từ Việt Nam như sau:

Cam kết về thuế quan đối với mặt hàng hạt điều trong UKVFTA được nêu tại:

- Lời văn của chương 2: Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa: Phần này bao gồm các quy tắc chung liên quan tới thuế quan, áp dụng chung cho cả Vương quốc Anh và Việt Nam

- Các phụ lục 2-A của chương 2 – Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan, trong đó:

• Tiểu phụ lục 2-A-1: Biểu thuế nhập khẩu của Vương quốc Anh

• Tiểu phụ lục 2-A-2: Biểu thuế của Việt Nam

Cam kết thuế quan của các sản phẩm rau quả trong UKVFTA được thể hiện bằng các ký hiệu chữ và số đi kèm, với ý nghĩa cụ thể như sau:

Cam kết thuế quan của các sản phẩm rau quả trong UKVFTA được thể hiện bằng các ký hiệu chữ và số đi kèm, với ý nghĩa cụ thể như sau:

Bảng 18: Ký hiệu cam kết thuế quan UKVFTA

Ký hiệu	Giải thích
A	Xóa bỏ thuế ngay sau khi UKVFTA có hiệu lực
B3	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 4 năm kể từ khi UKVFTA có hiệu lực
B5	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 6 năm kể từ khi UKVFTA có hiệu lực
B7	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 8 năm kể từ khi UKVFTA có hiệu lực

Trong UKVFTA, Vương quốc Anh cam kết xóa bỏ ngay thuế quan đối với mặt hàng hạt điều tươi của Việt Nam, bao gồm: hạt điều tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ (HS 08013100, 08013200).

Bên cạnh đó, các sản phẩm hạt đã chế biến, trong đó có hạt điều nhập khẩu từ Việt Nam (mã HS 200819) cũng được Vương quốc Anh cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế quan kể từ khi Hiệp định chính thức có hiệu lực. Cụ thể:

Bảng 19: Các mặt hàng hạt điều xóa bỏ lập tức thuế quan theo UKVFTA

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Thuế suất cơ sở	Danh mục
2008 19 11	Hạt nhiệt đới; hỗn hợp chứa 50% trở lên hạt nhiệt đới và hoa quả nhiệt đới,	7	A

	tính theo trọng lượng		
2008 19 13	Hạnh nhân và quả hồ trăn rang	9	A
2008 19 19	Loại khác	11,2	A
	Đóng gói sẵn có trọng lượng tịnh không quá 1 kg		
2008 19 91	Hạt nhiệt đới; hỗn hợp chứa 50% trở lên hạt nhiệt đới và hoa quả nhiệt đới, tính theo trọng lượng	8	A
	Loại khác		
	Hạt rang		
2008 19 93	Hạnh nhân và quả hồ trăn	10,2	A
2008 19 95	Loại khác	12	A
2008 19 99	Loại khác	12,8	A

II. Phân tích các cam kết về quy tắc xuất xứ

Quy định về Quy tắc xuất xứ trong UKVFTA tương tự với EVFTA.

Hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam theo Hiệp định UKVFTA cũng sẽ dùng chung mẫu C/O EUR.1 được quy định trong Hiệp định UKVFTA và Thông tư 02/2021/TT-BCT.

Đối với quy tắc cộng gộp: hai bên cam kết cơ chế cộng gộp xuất xứ mở rộng cho phép hàng hóa của hai bên được sử dụng nguyên liệu có xuất xứ từ các nước thành viên EU (cũng như Công quốc Andorra và Cộng hòa San Marino) để sản xuất ra sản phẩm cuối cùng xuất khẩu sang nước bên kia và được hưởng thuế suất ưu đãi của Hiệp định UKVFTA. Hai bên nhất trí sẽ tiến hành rà soát cơ chế này vào năm thứ 3 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Cam kết về xuất xứ trong UKVFTA đối với mặt hàng hạt điều được quy định tại Nghị định thư 1 – Quy định hàng hóa có xuất xứ và phương thức hợp tác quản lý hành chính. Nghị định thư này gồm 2 phần nội dung chính:

- Phần lời văn: Bao gồm các nguyên tắc chung về quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ và
- 08 Phụ lục: Bao gồm các cam kết chi tiết hoặc hướng dẫn cụ thể một số nội dung liên quan ở phần Lời văn (mẫu Chứng nhận xuất xứ, các giải thích bổ sung...). Trong đó có Phụ lục II – Danh mục công đoạn gia công và chế biến – đây chính là Danh mục về quy tắc xuất xứ riêng cho từng nhóm hàng hóa (trong đó có mặt hàng hạt điều).

Lưu ý: Khi đọc Phụ lục II – Danh mục Công đoạn Gia công hoặc Chế biến của Nghị định thư về QTXX đối với từng nhóm sản phẩm cụ thể của Nghị định thư 1, cần đọc Phụ lục I – Định nghĩa và chú giải cho Phụ lục II để hiểu được các từ ngữ và quy định trong Phụ lục II. Các loại tiêu chí xuất xứ của UKVFTA về bản chất thì giống các FTA đã

có của Việt Nam nhưng ngôn ngữ thể hiện và một số nội dung mới hoặc khác so với các FTA đã có.

Quy tắc xuất xứ đối với sản phẩm hạt điều trong UKVFTA cụ thể như sau:

Đối với hạt điều đã hoặc chưa bóc vỏ, tiêu chí xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định UKVFTA là xuất xứ thuần túy, đồng thời trọng lượng đường không có xuất xứ được sử dụng không vượt quá 20% trọng lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, Hiệp định UKVFTA quy định công đoạn tách vỏ hạt là công đoạn gia công đơn giản, sẽ không được tính đến khi xét xuất xứ của sản phẩm. Như vậy, trường hợp nhập khẩu hạt điều chưa bóc vỏ từ Cam-pu-chia về Việt Nam sau đó thực hiện bóc vỏ và xuất khẩu sang Vương quốc Anh thì hạt điều đã bóc vỏ này không được coi là có xuất xứ theo UKVFTA. Hạt điều đã hoặc chưa bóc vỏ đều phải có xuất xứ thuần túy tại Việt Nam thì mới được coi là đáp ứng tiêu chí xuất xứ theo UKVFTA. Đối với hạt điều chế biến, Hiệp định UKVFTA cho phép sử dụng nguyên liệu hạt điều không có xuất xứ ngoài Vương quốc Anh và Việt Nam với điều kiện nguyên liệu đường không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm.

III. Cam kết về chứng nhận xuất xứ

Theo UKVFTA, Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng cơ chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hoặc cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi thấy thích hợp, áp dụng đối với tất cả các hàng hóa, trong đó có mặt hàng hạt điều.

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ là cơ chế mới với Việt Nam. So với cơ chế cấp giấy chứng nhận truyền thống, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ được đánh giá là thuận lợi hơn, giúp doanh nghiệp xuất khẩu giảm được thủ tục xin chứng nhận xuất xứ, từ đó giảm chi phí thời gian, tiền bạc, nhân lực cho thủ tục này.

Giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng Việt Nam xuất khẩu sang Vương quốc Anh

Mẫu giấy chứng nhận xuất xứ UKVFTA

Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) UKVFTA có mẫu EUR.1 UK, theo quy định trong UKVFTA, mẫu này áp dụng chung cho cả hàng hóa xuất khẩu từ Vương quốc Anh và Việt Nam. Tuy nhiên, do Vương quốc Anh không áp dụng cơ chế cấp chứng nhận xuất khẩu bởi cơ quan có thẩm quyền mà áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất khẩu bởi nhà xuất khẩu có đăng ký (vẫn áp dụng hệ thống REX (Registered Exporters System) sau khi rời EU), mẫu EUR.1 UK trên thực tế chỉ áp dụng đối với hàng xuất khẩu từ Việt Nam đi Vương quốc Anh.

Mẫu EUR.1 UK được quy định tại Phụ lục VI - Mẫu C/O mẫu EUR.1 đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam trong UKVFTA theo Thông tư 02/2021/TT-BCT. Thông tin khai báo trên mẫu EUR.1 UK được cho là đơn giản hơn so với mẫu C/O trong các FTA mà Việt Nam đã ký kết:

- Một số thông tin nhà xuất khẩu được phép lựa chọn khai báo hoặc không khai báo trên C/O mẫu EUR.1 UK (ví dụ nhà nhập khẩu, hành trình lô hàng, số hóa đơn thương mại...)
- Một số thông tin không bắt buộc thể hiện trên EUR.1 UK (như tiêu chí xuất xứ, mã số HS của hàng hóa...). Đây là một điểm khác so với các mẫu C/O theo các FTA khác của Việt Nam (các FTA này đều yêu cầu khai mã HS và tiêu chí xuất xứ của hàng hóa).
- Thời hạn hiệu lực của C/O EUR.1 UK là 12 tháng kể từ ngày phát hành.

Thời điểm cấp C/O mẫu EUR.1

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang Vương quốc Anh, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ cấp C/O mẫu EUR.1 UK

sớm nhất có thể từ ngày xuất khẩu hàng hóa (ngày tàu chạy theo kê khai) và không quá ba ngày làm việc kể từ sau ngày này.

Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thể được cấp sau khi xuất khẩu nhưng chỉ trong một số trường hợp như quy định cụ thể tại Điều 17 Nghị định thư. Giấy này có thể được cấp lại trong trường hợp bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng.

Thời điểm nộp C/O

UKVFTA không có quy định cụ thể về thời điểm nộp C/O, mà cho phép từng Bên (Việt Nam/Vương quốc Anh) quy định phù hợp theo pháp luật của mình. Trên thực tế:

- Đối với hàng hóa Vương quốc Anh nhập khẩu vào Việt Nam: theo quy định hiện hành của Việt Nam (Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ Tài chính), thời điểm nộp C/O của hàng hóa nhập khẩu từ một nước có thỏa thuận ưu đãi thuế quan với Việt Nam là tại thời điểm làm thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu, và có thể nộp muộn không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

- Đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Vương quốc Anh: Vương quốc Anh cho phép nộp C/O cho cơ quan hải quan của Vương quốc Anh để hưởng ưu đãi thuế quan sau thời điểm nhập khẩu hàng hóa vào Vương quốc Anh. Theo thông tin từ phía EU thì thời hạn cho phép nộp sau này ít nhất là 2 năm.

MẪU C/O MẪU EUR.1 ĐỐI VỚI

HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TỪ VIỆT NAM TRONG UKVFTA

(ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong UKVFTA)

MOVEMENT CERTIFICATE		
1. Exporter (Name, full address, country)	EUR.1 No:.....	
	See notes overleaf before completing this form.	
	2. Certificate used in preferential trade between United Kingdom	
3. Consignee (Name, full address, country) (Optional)	and	
	Socialist Republic of Viet Nam	
	4. Country, group of countries or territory in which the products are considered as originating	5. Country, group of countries or territory of destination
6. Transport details (Optional)	7. Remarks	
8. Item number; Marks and numbers; Number and kind of packages ⁽¹⁾ ; Description of goods	9. Gross mass (kg) or other measure (litres, m ³ , etc.)	10. Invoices (Optional)

(1) If goods are not packed, indicate number of articles or state "in bulk" as appropriate.		
11. CUSTOMS OFFICE (UK) or ISSUING AUTHORITIES (VN) ENDORSEMENT Declaration certified Export document⁽²⁾ Form No Of Customs office/Issuing authority Stamp Issuing country or territory Place and date (Signature) (2) Complete only where the regulations of the exporting country or territory require.	12. DECLARATION BY THE EXPORTER I, the undersigned, declare that the goods described above meet the conditions required for the issue of this certificate. Place and date (Signature)	

13. REQUEST FOR VERIFICATION, to Verification of the authenticity and accuracy of this certificate is requested. Stamp (Place and date) (Signature)	14. RESULT OF VERIFICATION Verification carried out shows that this certificate⁽¹⁾ was issued by the customs office (UK) or issuing authority (VN) indicated and that the information contained therein is accurate. ☐ does not meet the requirements as to authenticity and accuracy (see remarks appended). Stamp (Place and date) (Signature)
--	--

Tự chứng nhận xuất xứ:

Điều 24 và 25 của Thông tư số 02/2021/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa (XXHH) trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) đã đưa ra những quy định về tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa từ Vương quốc Anh và Việt Nam.

Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ theo quy định do nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định của Vương quốc Anh sau khi Vương Quốc Anh thông báo với Việt Nam về cơ chế chứng nhận đối với hàng

hóa phát hành đối với lô hàng có trị giá bất kỳ; hoặc nhà xuất khẩu bất kỳ phát hành đối với lô hàng không quá 6.000 EUR.

Đối với hàng hóa từ Vương quốc Anh

Điều 24 Thông tư 02/2021/TT-BCT quy định, nhà xuất khẩu được phép tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (XXHH) khi hàng hóa có xuất xứ từ Vương quốc Anh và đáp ứng quy định khác của UKVFTA.

Thuật ngữ “chứng từ thương mại khác” nêu tại Khoản 2 Điều 24 có thể là phiếu gửi hàng, hóa đơn chiếu lệ hoặc phiếu đóng gói. Chứng từ vận tải như vận tải đơn hoặc vận tải đơn hàng không được coi là chứng từ thương mại khác. Cụ thể, nhà xuất khẩu tự chứng nhận XXHH trên hóa đơn, phiếu giao hàng hoặc chứng từ thương mại khác có đủ thông tin về hàng hóa, bằng cách đánh máy, đóng dấu hoặc in nội dung lời văn khai báo XXHH trên chứng từ. Nhà xuất khẩu sử dụng mẫu lời văn khai báo xuất xứ bằng một trong các phiên bản ngôn ngữ được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này và phù hợp với quy định pháp luật của Vương quốc Anh. Trường hợp nhà xuất khẩu khai báo bằng cách viết tay, lời văn khai báo được viết bằng mực và chữ cái in hoa.

Nội dung tự chứng nhận xuất xứ không được thực hiện trên một mẫu riêng biệt. Nội dung tự chứng nhận xuất xứ được phép thực hiện trên một trang khác của chứng từ thương mại với điều kiện nhận biết được trang đó là một phần của chứng từ thương mại.

Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ phải có chữ ký viết tay của nhà xuất khẩu. Tuy nhiên, nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định Vương quốc Anh được phép không ký tên với điều kiện nhà xuất khẩu cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu văn bản cam kết rằng, nhà xuất khẩu chịu trách nhiệm toàn bộ về chứng từ chứng nhận XXHH.

Chứng từ tự chứng nhận XXHH có thể phát hành sau khi xuất khẩu hàng hóa với điều kiện được xuất trình tại nước thành viên nhập

khẩu không muộn hơn 2 năm hoặc theo quy định của nước thành viên nhập khẩu kể từ khi hàng hóa được đưa vào lãnh thổ nước thành viên nhập khẩu.

Đối với hàng hóa từ Việt Nam

Điều 25 của Thông tư 02/2021/TT-BCT Bộ Công Thương quy định về tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa từ Việt Nam với 7 nội dung, bao gồm: Nhà xuất khẩu tự chứng nhận XXHH theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 19 Thông tư này khi hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam và đáp ứng quy định khác của U VKFTA.

Nhà xuất khẩu tự chứng nhận XXHH trên hóa đơn, phiếu giao hàng hoặc chứng từ thương mại khác có đủ thông tin về hàng hóa, bằng cách đánh máy, đóng dấu hoặc in nội dung lời văn khai báo XXHH trên chứng từ. Nhà xuất khẩu sử dụng mẫu lời văn khai báo xuất xứ bằng một trong các phiên bản ngôn ngữ được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp nhà xuất khẩu khai báo bằng cách viết tay, lời văn khai báo được viết bằng mực và chữ cái in hoa.

Thuật ngữ “chứng từ thương mại khác” nêu tại khoản 2 Điều 25 có thể là phiếu gửi hàng, hóa đơn chiếu lệ hoặc phiếu đóng gói. Chứng từ vận tải như vận tải đơn hoặc vận đơn hàng không không được coi là chứng từ thương mại khác.

Nội dung tự chứng nhận XXHH không được thực hiện trên một mẫu riêng biệt. Nội dung tự chứng nhận xuất xứ được phép thực hiện trên một trang khác của chứng từ thương mại với điều kiện nhận biết được trang đó là một phần của chứng từ thương mại.

Nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ nêu tại khoản 1 Điều 25 nộp chứng từ chứng minh XXHH cũng như việc tuân thủ quy định khác của Thông tư này theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ có thể phát hành sau khi xuất khẩu hàng hóa với điều kiện được xuất trình tại nước thành viên

nhập khẩu không muộn hơn 2 năm hoặc theo quy định của nước thành viên nhập khẩu kể từ khi hàng hóa được đưa vào lãnh thổ nước thành viên nhập khẩu.

Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày phát hành chứng từ chứng nhận xuất xứ, nhà xuất khẩu nêu tại khoản 1 Điều này khai báo, đăng tải chứng từ tự chứng nhận XXHH và chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu theo quy định từ điểm c đến điểm h khoản 1 Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn của Bộ Công Thương.

IV. Phân tích các cam kết liên quan đến SPS

Trong UKVFTA, liên quan tới các biện pháp SPS với hàng nhập khẩu, có một số cam kết đáng chú ý:

- Biện pháp SPS phải được áp dụng thống nhất đối với toàn bộ lãnh thổ của Bên xuất khẩu (ngoại trừ hàng hóa từ các vùng có nguy cơ).

Đối với Việt Nam, nghĩa vụ này được hiểu là thủ tục kiểm soát về SPS của Việt Nam đối với hàng Vương quốc Anh nhập khẩu phải được áp dụng thống nhất, dù hàng hóa đó là đến từ lãnh thổ của nước thành viên nào trong Vương quốc Anh (trừ khi liên quan tới khu vực dịch bệnh).

- Biện pháp SPS phải có căn cứ khoa học, phù hợp với rủi ro có liên quan, ít hạn chế thương mại nhất có thể; được áp dụng công bằng, không phân biệt đối xử, minh bạch.

- Bên xuất khẩu phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu nhập khẩu của Bên nhập khẩu.

- Bên nhập khẩu có quyền thực hiện kiểm tra nhập khẩu theo mức độ rủi ro về SPS của hàng nhập khẩu nhưng phải thông tin đầy đủ về tần suất kiểm tra và điều chỉnh tần suất cho phù hợp.

- Về các loại sâu bệnh: Việt Nam và Vương quốc Anh phải thiết lập và cập nhật danh sách các loại sâu bệnh được kiểm soát và cung cấp các danh sách này cho Bên kia, chỉ áp dụng SPS với các loại sâu bệnh thuộc diện phải kiểm soát mà Bên nhập khẩu quan ngại.

UKVFTA có một số cam kết về các vấn đề SPS cụ thể, áp dụng chung cho các sản phẩm liên quan, trong đó có mặt hàng hạt điều như sau:

4.1. Cam kết về quyền áp dụng biện pháp SPS theo khu vực địa lý

Theo UKVFTA, Việt Nam và Vương quốc Anh được quyền áp dụng các biện pháp SPS riêng theo phân vùng địa lý tùy thuộc nguy cơ dịch bệnh và sâu bệnh.

Cụ thể, đối với hàng hóa nhập khẩu, nếu trên lãnh thổ Bên xuất khẩu có vùng nguy cơ dịch bệnh cao, có vùng nguy cơ thấp và có vùng không có nguy cơ trong cùng một thời điểm thì Bên nhập khẩu sẽ có quyền chủ động phân vùng địa lý theo nguy cơ dịch bệnh, áp dụng các biện pháp SPS khác nhau đối với hàng hóa nhập khẩu xuất phát từ các vùng có nguy cơ khác nhau của Bên xuất khẩu.

Đối với hàng hóa của mình xuất khẩu đi, Việt Nam/ Vương quốc Anh cũng có quyền áp dụng các biện pháp SPS khác nhau đối với các vùng địa lý khác nhau theo nguy cơ dịch bệnh này.

Việc xác định tính chất của mỗi vùng (của cả nước nhập khẩu và nước xuất khẩu) phải căn cứ vào Hiệp định SPS của WTO, các tiêu chuẩn, khuyến nghị liên quan của Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC), Tổ chức Thú y Thế giới (OIE).

Trường hợp Bên nhập khẩu phân vùng địa lý để áp dụng biện pháp SPS đối với hàng hóa nhập khẩu thì cần cân nhắc cả cách phân vùng nguy cơ dịch bệnh của Bên xuất khẩu; trường hợp không đồng ý với cách phân vùng của Bên xuất khẩu thì phải tạo điều kiện để hai Bên tham vấn về các bằng chứng liên quan.

4.2. Cam kết về cơ quan có thẩm quyền về SPS của Việt Nam và Vương quốc Anh

UKVFTA có một số cam kết xác định rõ phân quyền quản lý SPS ở mỗi Bên như sau:

Cơ quan quản lý SPS của Việt Nam

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về các biện pháp SPS sau: (i) Đối với hàng nhập khẩu: Giám sát, kiểm soát, ngăn chặn các loại dịch bệnh, sâu bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến con người, động thực vật và nền kinh tế;

(ii) Đối với hàng xuất khẩu: Thanh tra, kiểm dịch và phát hành giấy chứng nhận bảo đảm đáp ứng các SPS của EU;

- Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, tùy thuộc chức năng của mình, chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm sử dụng cho người, bao gồm: (i) Đối với thực phẩm nhập khẩu, thực hiện việc giám sát, kiểm soát, ban hành các SPS và thủ tục chứng nhận SPS, tiến hành quy trình đánh giá rủi ro của sản phẩm, kiểm tra các cơ sở sản xuất về việc tuân thủ các SPS của Việt Nam; (ii) Đối với thực phẩm xuất khẩu, kiểm tra và cấp chứng nhận;

Cơ quan quản lý SPS của Vương quốc Anh

Cục Thú y và Trồng trọt, trực thuộc Bộ Môi trường, Thực phẩm và Các Vấn đề Nông thôn (DEFRA) chịu trách nhiệm về các biện pháp SPS; phối hợp với Cục Tiêu chuẩn Thực phẩm trong vấn đề bảo vệ sức khỏe của cây trồng và vật nuôi vì lợi ích của người tiêu dùng, môi trường và nền kinh tế Vương quốc Anh.

4.3. Cam kết về việc miễn thanh tra doanh nghiệp

Theo quy định về SPS hiện tại của EU, đối với một số sản phẩm nông sản thực phẩm, đặc biệt là nhóm thủy sản, cơ sở sản xuất muốn được xuất khẩu sản phẩm đi EU thì phải được kiểm tra, xác minh và chấp thuận bởi EU là đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất của EU (gọi là thủ tục thanh tra doanh nghiệp). Để tạo thuận lợi cho thủ tục này, UKVFTA có cam kết về việc miễn thủ tục thanh tra của Bên nhập khẩu đối với các cơ sở sản xuất đã đủ tiêu chuẩn theo chứng nhận từ cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu.

Phụ lục Chương SPS của UKVFTA có quy định cụ thể về quy trình để thiết lập danh sách các cơ sở xuất khẩu được công nhận theo cam kết nói trên.

Đối với Việt Nam quy trình này sẽ như sau:

Về việc thiết lập danh sách:

- Trên cơ sở yêu cầu của EU, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ lập và gửi cho EU danh sách các cơ sở sản xuất mà Việt Nam xác nhận là đã đáp ứng các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của EU;

- Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách mà Việt Nam gửi, EU sẽ phê chuẩn danh sách mà không trực tiếp sang Việt Nam thanh tra doanh nghiệp – thời hạn này có thể kéo dài thêm tối đa là 30 ngày nữa.

Để có tên trong danh sách này, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh liên quan phải đáp ứng các điều kiện:

- Về hàng hóa sản xuất: Phải là loại hàng hóa đã được phía EU cho phép nhập khẩu và đã được cấp các chứng nhận phù hợp (nếu có yêu cầu về chứng nhận);

- Về cơ sở sản xuất: Phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận và bảo đảm là đã đáp ứng các điều kiện, yêu cầu của EU.

Phía EU cũng có quyền:

- Từ chối yêu cầu nhập khẩu của cơ sở sản xuất đã có tên trong danh sách với điều kiện phải thông báo cho Việt Nam về các căn cứ, lý do từ chối;

- Tiến hành thanh tra xác minh cả cơ quan quản lý Việt Nam chịu trách nhiệm lập danh sách (về tổ chức, cơ cấu, cách thức kiểm soát của cơ quan này) lẫn cơ sở sản xuất có tên trong danh sách (kiểm tra đại diện). Sau khi thanh tra xác minh có kết quả, danh sách này có thể sẽ phải điều chỉnh lại.

Cơ sở sản xuất có tên trong danh sách được phép xuất khẩu sang EU có thể bị đưa ra khỏi danh sách nếu:

- Cơ quan có thẩm quyền phía Việt Nam kiểm tra, xác định cơ sở sản xuất đó không còn đáp ứng các điều kiện, yêu cầu quy định;

- Kết quả thanh tra xác minh của cơ quan có thẩm quyền phía EU cho thấy doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh không còn đáp ứng các điều kiện, yêu cầu quy định.

4.4. Cam kết về công nhận biện pháp SPS tương đương giữa Việt Nam và EU

Liên quan tới các biện pháp SPS, công nhận tương đương được hiểu là việc nước nhập khẩu công nhận rằng biện pháp SPS của nước xuất khẩu có hiệu quả tương đương với biện pháp SPS của mình. Nếu biện pháp SPS được công nhận tương đương, hàng nhập khẩu sẽ chỉ phải làm thủ tục kiểm soát SPS tại nước xuất khẩu mà không phải làm lại thủ tục này khi đến cảng nước nhập khẩu, tạo điều kiện thuận lợi rất lớn cho người xuất nhập khẩu.

UKVFTA không đạt được cam kết nào bắt buộc việc công nhận tương đương này mà chỉ nêu cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc công nhận tương đương, nếu có. Cụ thể:

- Với tư cách là Bên xuất khẩu, Việt Nam hoặc Vương quốc Anh đều có quyền yêu cầu Bên kia (Bên nhập khẩu) công nhận tương đương một hoặc một số biện pháp SPS nhất định;

- Bên nhập khẩu phải bắt đầu thủ tục tham vấn về công nhận tương đương trong vòng 03 tháng kể từ khi nhận được yêu cầu này (ngắn hơn so với thời hạn mà WTO quy định là 6 tháng); việc xem xét tính tương đương cần được tiến hành nhanh chóng, đặc biệt đối với các sản phẩm đã từng nhập khẩu từ Bên xuất khẩu; Bên nhập khẩu cần xem xét đầy đủ yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật của Bên xuất khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc công nhận tương đương;

- Trong khi Bên nhập khẩu đang cân nhắc xem xét công nhận tính tương đương, việc nhập khẩu sản phẩm liên quan sẽ vẫn được tiến hành bình thường, không bị ngừng hoặc hoãn lại vì lý do này.

4.5. Cam kết về các biện pháp SPS khẩn cấp

Do gắn với các vấn đề về dịch tễ vốn không phải luôn luôn dự đoán trước được, bên cạnh các biện pháp SPS có tính ổn định (ví dụ dư lượng kháng sinh thủy sản, yêu cầu an toàn thực phẩm với sản phẩm đóng hộp...), có nhiều biện pháp SPS bất thường, khẩn cấp, gắn với các dịch bệnh bất ngờ.

UKVFTA có các cam kết riêng về các biện pháp SPS khẩn cấp này, với mục tiêu vừa bảo đảm khả năng phản ứng nhanh với các trường hợp rủi ro cao về dịch tễ nhưng đồng thời tránh hiện tượng lạm dụng, hạn chế tối đa các tác động không cần thiết đối với thương mại.

Cụ thể, theo UKVFTA, Bên nhập khẩu có quyền áp dụng các biện pháp SPS khẩn cấp cần thiết để bảo vệ sức khỏe tính mạng con người, động thực vật mà không cần báo trước. Tuy nhiên việc áp

dụng biện pháp khẩn cấp này phải được tính toán để mức độ ảnh hưởng tới thương mại là thấp nhất có thể và Bên nhập khẩu trong vòng 24 giờ phải thông báo cho nước xuất khẩu về biện pháp này. Nếu Bên xuất khẩu có yêu cầu thì phải thực hiện tham vấn về tình trạng khẩn cấp liên quan trong vòng 10 ngày kể từ khi có thông báo.

4.6. Cam kết riêng cho Việt Nam về hỗ trợ kỹ thuật và hưởng linh hoạt về SPS

UKVFTA có ghi nhận một số cam kết riêng, linh hoạt hơn cho phía Việt Nam, theo đó:

(i) Vương quốc Anh cam kết sẽ có hỗ trợ kỹ thuật cho phía Việt Nam để tuân thủ các quy định SPS của Vương quốc Anh

(ii) Đối với các biện pháp SPS mới ban hành:

Vương quốc Anh có nghĩa vụ phải cân nhắc đến nhu cầu đặc biệt của phía Việt Nam trong việc duy trì xuất khẩu sang Vương quốc Anh các sản phẩm liên quan tới các biện pháp SPS mới này.

Nếu nhận thấy biện pháp SPS khó đáp ứng, Việt Nam có thể yêu cầu Ủy ban SPS hỗn hợp theo Hiệp định này tham vấn và quyết định về một trong ba giải pháp linh hoạt sau:

- Cho một khoảng thời gian quá độ để Việt Nam tuân thủ biện pháp này;

- Vương quốc Anh công nhận một biện pháp SPS tương đương thay thế;

- Vương quốc Anh dành hỗ trợ kỹ thuật để giúp Việt Nam dần đáp ứng được biện pháp này.

V. Các cam kết về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)

Trong thương mại quốc tế, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (technical barriers to trade, gọi tắt là TBT) là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu và/ hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó.

Đối với cam kết về TBT, UKVFTA chủ yếu bao gồm các cam kết chung hợp tác, minh bạch hóa trong lĩnh vực hàng rào kỹ thuật, để có thể xuất khẩu vào Vương quốc Anh, hàng hóa phải tuân thủ các nguyên tắc TBT trong quá trình chế biến, đóng gói sản phẩm và bảo vệ môi trường. Trong UKVFTA, các cam kết TBT có khả năng ảnh hưởng đến các mặt hàng hạt điều là các quy định về đánh dấu và ghi nhãn hàng hóa.

5.1. Quy định về Đánh dấu và Ghi nhãn hàng hóa trong UKVFTA

Vương quốc Anh không cấm hay hạn chế các nước trong việc ban hành các quy định về Đánh dấu và ghi nhãn trên hàng hóa. Tuy nhiên, việc ban hành các quy định này không được tạo ra các rào cản không cần thiết cho thương mại quốc tế. EVFTA có một số cam kết về ghi nhãn và đánh dấu trên hàng hóa, đáng chú ý có các cam kết về:

- Thông tin bắt buộc phải có trên dấu, nhãn hàng hóa chỉ bao gồm các thông tin có ý nghĩa đối với người tiêu dùng/ người sử dụng sản phẩm, hoặc thông tin về sự phù hợp của sản phẩm với các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc;

- Trừ trường hợp vì lợi ích công cộng, nếu hàng hóa đã đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc liên quan thì không bắt buộc phải đăng ký hay xin phê duyệt nhãn hoặc dấu của hàng hóa đó trước khi lưu hành trên thị trường;

- Phải cho phép thực hiện gắn, bổ sung nhãn mác tại một địa điểm được chấp thuận trên lãnh thổ nước nhập khẩu (ví dụ kho ngoại quan tại cửa khẩu đến), tuy nhiên có thể yêu cầu giữ (không gỡ bỏ) nhãn cũ trên sản phẩm;

- Cho phép ghi thông tin bằng các ngôn ngữ bổ sung khác ngoài ngôn ngữ theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc bổ sung các thuật ngữ, chữ tượng hình, biểu tượng hoặc hình ảnh được chấp thuận quốc tế và các thông tin khác ngoài thông tin yêu cầu bởi nước nhập khẩu;

- Khuyến khích việc chấp thuận các loại dấu, nhãn mác không cố định, có thể tách/bóc ra khỏi hàng hóa hoặc các dạng nhãn mác đi kèm các tài liệu liên quan khác mà không gắn trực tiếp vào hàng hóa.

5.2. Các cam kết về hải quan và thuận lợi hóa thương mại

UKVFTA có một chương riêng về hải quan và tạo thuận lợi thương mại (chương 4) và một Nghị định thư (nghị định thư 2) về hợp tác hành chính giữa Việt Nam và EU trong lĩnh vực hải quan. Các cam kết đáng chú ý liên quan tới doanh nghiệp nằm ở chương 4, với phạm vi sâu hơn, cụ thể hơn so với nhiều FTA trước đây của Việt Nam (trừ CPTPP). Sau đây là một số cam kết đáng chú ý về hải quan và tạo thuận lợi hóa thương mại trong EVFTA:

Cam kết chung

Liên quan tới thủ tục xuất nhập khẩu và hải quan, EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU bảo đảm nguyên tắc chung sau:

Quy tắc và thủ tục hải quan phải đảm bảo:

- Chỉ nhằm mục tiêu bảo vệ thương mại hợp pháp và chống các hành vi gian lận, bất hợp pháp hoặc gây thiệt hại

- Tránh tạo gánh nặng không cần thiết hoặc phân biệt đối xử giữa các chủ thể kinh doanh

- Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các chủ thể có mức độ tuân thủ cao

- Biện pháp xử lý vi phạm hải quan cần đảm bảo: (i) Tương đương với vi phạm; (ii) Không phân biệt đối xử và (iii) Không làm chậm trễ việc giải phóng hàng một cách bất hợp lý

- Bảo đảm rà soát các thủ tục, quy định để tăng tốc độ giải phóng và thông quan hàng

- Đơn giản hóa, tiêu chuẩn hóa dữ liệu và hồ sơ

Các yêu cầu chung về đơn giản hóa thủ tục hải quan:

- Phải quy định các biện pháp đơn giản hóa thủ tục hải quan minh bạch, hiệu quả để giảm chi phí và tăng tính dự đoán

- Chỉ sử dụng một văn bản hành chính (giấy hoặc điện tử) duy nhất đối với hàng hóa làm thủ tục hải quan

- Phải áp dụng các kỹ thuật hải quan hiện đại (đánh giá rủi ro, hậu kiểm)

- Nhanh chóng xây dựng và sử dụng các hệ thống trao đổi điện tử từ các dữ liệu giữa các doanh nghiệp, cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan khác

Các cam kết về một số vấn đề cụ thể:

Xác định trước: Nếu doanh nghiệp có yêu cầu (bằng văn bản) về việc xác định trước về phân loại hàng hóa, thuế quan hoặc bất kỳ vấn đề nào trước khi hàng được nhập khẩu, Cơ quan hải quan của nước nhập khẩu phải trả lời (bằng văn bản) về yêu cầu của doanh nghiệp đó. Kết quả xác định trước này cũng phải được công bố công khai (tùy thuộc vào quy định về bảo mật của mỗi bên), ví dụ trên trang mạng chính thức.

Phương pháp quản lý rủi ro:

Phương pháp quản lý thiết kế dựa trên mức độ rủi ro (chỉ tập trung kiểm soát hàng hóa có nguy cơ cao mà không phải kiểm soát toàn bộ các lô hàng) phải được áp dụng:

- Trong các thủ tục kiểm tra và giải phóng hàng, kiểm tra sau thông quan

- Liên quan tới tất cả các yêu cầu, thủ tục kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và chuyển tải hàng hóa

Không bắt buộc sử dụng đại lý hải quan: Không yêu cầu việc bắt buộc sử dụng đại lý hải quan tại các quy định và thủ tục hải quan, tuy nhiên phải áp dụng các nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, hợp lý khi cấp phép cho đại lý hải quan.

Thủ tục khiếu nại:

- Đối tượng: các quyết định của Hải quan và cơ quan khác liên quan tới việc xuất nhập khẩu hoặc quá cảnh hàng hóa

- Yêu cầu: Thủ tục hiệu quả, nhanh, không phân biệt đối xử, dễ tiếp cận để bảo đảm quyền khiếu nại các quyết định này.

Tóm lại, UKVFTA bao gồm nhiều cam kết liên quan đến thủ tục xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa tại biên giới, trong đó có nhiều nội dung đã được quy định trong pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên các nội dung đáng chú ý nêu trên là các cam kết rất có lợi cho doanh nghiệp.

CHƯƠNG III: CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN CỦA VƯƠNG QUỐC ANH ĐỐI VỚI MẶT HÀNG HẠT ĐIỀU

I. Phân tích về thủ tục hải quan

Sau quá trình Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh châu Âu (EU), về bản chất, Vương quốc Anh cơ bản vẫn áp dụng các quy trình và thủ tục nhập khẩu hàng hóa tương tự như của EU. Tuy nhiên, một số thủ tục, giấy phép, tiêu chuẩn chất lượng mang tên gọi khác, hoặc có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế. Ngoài ra, cần lưu ý đến việc lưu chuyển hàng hóa giữa Đại Anh (Great Britain bao gồm England, Wales, Scotland) và Bắc Ai-len hoặc từ EU sang Bắc Ai-len.

Sau đây là tóm tắt các bước nhập khẩu hàng hóa từ các quốc gia ngoài lãnh thổ EU vào Vương quốc Anh.

1. Chuẩn bị nhập khẩu

1.1. Đăng ký Số đăng ký và định danh chủ thể kinh doanh (EORI)

Số EORI của Vương quốc Anh là mã số định danh trong mọi thủ tục hải quan khi trao đổi thông tin với cơ quan Hải quan và chỉ hợp lệ tại Vương quốc Anh. Sau Brexit, Cơ quan Hải quan Vương quốc Anh (HMRC) chính thức cấp EORI cho các doanh nghiệp xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa vào Vương quốc Anh. Như vậy, để có thể nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam vào Anh, nhà nhập khẩu phải đăng ký số EORI và phải trích dẫn số EORI trên tờ khai hải quan của mình.

Tất cả các số EORI của Vương quốc Anh đều bắt đầu bằng mã GB, theo sau là số đăng ký thuế VAT của Vương quốc Anh (VRN) và ba số 0 ở cuối. Cụ thể thứ tự sẽ là: GB + VRN + 000. Nếu doanh nghiệp không có mã số VAT ở Anh thì hệ thống sẽ chỉ định các số khác.

Đơn đăng ký số EORI của Vương quốc Anh được thực hiện trực tuyến thông qua cổng thông tin HMRC. Doanh nghiệp sẽ cần ID

và mật khẩu tại Cổng Chính phủ. Nếu chưa có, doanh nghiệp có thể tạo tài khoản tại thời điểm đăng ký EORI (địa chỉ đăng ký: <https://www.tax.service.gov.uk/customs-registration-services/eori-only/register/vat-group>).

Thông tin chi tiết về thủ tục yêu cầu cấp số EORI xem tại đường dẫn: <https://www.gov.uk/eori/apply-for-eori>

1.2. Đăng ký dịch vụ khai báo hải quan (Custom Declaration Service - CDS)

Với mặt hàng hạt điều nhập khẩu vào Vương quốc Anh, nếu là lần đầu kinh doanh tại thị trường, doanh nghiệp phải tiến hành đăng ký khai báo hải quan tại địa chỉ: <https://www.gov.uk/guidance/get-access-to-the-customs-declaration-service>.

Việc đăng ký này giúp doanh nghiệp nộp tờ khai hải quan qua phần mềm, nhận báo cáo thuế VAT nhập khẩu được hoãn nộp hoặc nhận giấy chứng nhận để làm thủ tục hoàn thuế, cũng như nộp thuế hải quan và thuế VAT nhập khẩu.

Các giấy tờ cần thiết để tiến hành đăng ký:

- Số EORI;
- Số tham chiếu người nộp thuế duy nhất (Unique Taxpayer Reference - UTR). Có thể tìm kiếm số này tại địa chỉ: <https://www.gov.uk/find-utr-number>;
- Địa chỉ doanh nghiệp đăng ký trong hồ sơ hải quan;
- Số Bảo hiểm Quốc gia (nếu là cá nhân hoặc thương nhân cá thể);
- Ngày bắt đầu đăng ký kinh doanh.

1.3. Xác định diện nhập khẩu của mặt hàng hạt điều

Nhập khẩu các loại hạt, trong đó có hạt điều vào Vương quốc Anh phải đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm và trải qua các thủ tục tương tự như thực phẩm được sản xuất tại Vương quốc Anh. Thông thường, doanh nghiệp không cần giấy chứng nhận y tế (Health Certificate) để nhập khẩu hạt điều, trừ khi sản phẩm phải tuân thủ Quy trình kiểm soát khẩn cấp sẽ được nêu rõ tại phần dưới.

1.4. Xác định nhà cung cấp phần mềm để thực hiện CDS

Từ ngày 30 tháng 3 năm 2024, CDS trở thành nền tảng khai báo hải quan duy nhất của Vương quốc Anh, thay thế cho Dịch vụ Xử lý hàng hóa Xuất Nhập khẩu (CHIEF) (việc khai báo nhập khẩu qua CHIEF đã kết thúc từ ngày 30/9/2022, và khai báo xuất khẩu qua CHIEF sẽ kết thúc vào ngày 3-/3/2024). Tất cả các doanh nghiệp xuất nhập khẩu cần phải khai báo hàng hóa thông qua nền tảng CDS. Sự khác nhau giữa hai nền tảng, cụ thể có thể xem tại đường dẫn: <https://www.gov.uk/government/publications/customs-declaration-service-communication-pack/key-differences-between-chief-and-the-customs-declaration-service--2>

Do vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp cần tìm kiếm nhà phát triển phần mềm cung cấp phần mềm khai báo tới cơ quan hải quan của Vương quốc Anh. Danh sách các nhà phát triển phần mềm đã đăng ký với HMRC có thể xem tại đường dẫn:

<https://www.gov.uk/guidance/list-of-software-developers-providing-customs-declaration-support#software-developer-services>

1.5. Phân loại hàng hóa

Xác định phân loại (HS) cho hàng hóa là một bước rất quan trọng để xác định thuế quan nhập khẩu đối với hàng hóa đó. Việt Nam hiện đang áp dụng hệ thống HS chi tiết đến 8 số theo Hệ thống

hài hòa thuế quan của ASEAN (AHTN). Trong khi đó, Vương quốc Anh áp dụng hệ thống HS chi tiết đến 10 số.

Doanh nghiệp có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin về mã HS, thuế nhập khẩu từ các nước, các loại thuế nội địa và các biện pháp kiểm soát đối với mặt hàng hạt điều nói riêng và các mặt hàng xuất khẩu sang Vương quốc Anh nói chung bằng cách truy cập vào trang web của Hệ thống Biểu thuế trực tuyến tích hợp của Vương quốc Anh tại đường dẫn:

https://www.trade-tariff.service.gov.uk/find_commodity;
sau đó gõ từ khóa “cashew” vào thanh tìm kiếm.

Các mã HS của mặt hàng hạt điều tại thị trường Vương quốc Anh:

0801310000: Hạt điều chưa tách vỏ;

0801320000: Hạt điều đã tách vỏ;

0811903100: Hạt điều đông lạnh.

1.6. Xác định các loại thuế phí

Hệ thống thuế tại Vương quốc Anh bao gồm thuế nhập khẩu, thuế doanh nghiệp, VAT và thuế thu nhập (PAYE). Nếu một doanh nghiệp có thu nhập ở một quốc gia và đóng trụ sở ở một quốc gia khác thì doanh nghiệp đó có thể phải trả thuế ở cả hai quốc gia. Vương quốc Anh và Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần năm 1994. Hiệp định tránh đánh thuế hai lần này sẽ (a) miễn, giảm số thuế phải nộp tại Việt Nam cho các đối tượng là công dân Anh và ngược lại; hoặc (b) khấu trừ thuế mà người Anh cư trú tại Việt Nam đã nộp tại Anh vào số thuế phải nộp tại Việt Nam và ngược lại. Ngoài ra, Hiệp định còn tạo khuôn khổ pháp lý cho việc hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các cơ quan thuế Việt Nam với cơ quan thuế Vương quốc Anh trong công tác quản lý thuế nhằm ngăn ngừa việc trốn thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản.

Các điều kiện miễn giảm thuế có thể được tìm thấy trong Hiệp định tránh đánh thuế hai lần Việt Nam – Vương quốc Anh trong đường link sau đây:

<https://www.gov.uk/government/publications/vietnam-tax-treaties>.

Ngoài ra, một số trường hợp còn phải chịu thuế lợi tức, thuế đánh trên cổ tức, thuế đánh trên thu nhập từ bằng sáng chế phát minh (withholding tax) hay thuế môn bài (Stamp Duty Land Tax).

Thuế nhập khẩu đối với sản phẩm hạt điều từ Việt Nam

Theo Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA), mặt hàng hạt điều có thuế suất 0% được áp dụng ngay từ khi Hiệp định chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2021.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp trước khi xuất khẩu sang thị trường Anh cũng có thể cân nhắc thuê cá nhân hoặc doanh nghiệp giúp giải quyết các thủ tục hải quan vốn tương đối phức tạp. Ba đối tượng chính có thể đảm nhiệm công việc này là: dịch vụ giao nhận vận tải (Freight Forwarder), đại lý hải quan hoặc môi giới, công ty chuyển phát nhanh.

Đối với dịch vụ giao nhận vận tải, doanh nghiệp có thể tìm thêm thông tin tại trang web của Hiệp hội Vận tải hàng hóa quốc tế Anh (<https://bifa.org/>) hoặc Viện Xuất khẩu (<https://www.export.org.uk/>).

Danh sách đăng ký đối với các đại lý hải quan hoặc môi giới, công ty chuyển phát nhanh hoạt động tại Vương quốc Anh có thể xem tại: <https://www.gov.uk/guidance/list-of-customs-agents-and-fast-parcel-operators>

2. Thủ tục hải quan

Theo quy định, các hàng hóa bên ngoài EU khi được nhập khẩu phải khai báo hải quan. Thủ tục hải quan là thủ tục theo đó hàng hóa được trả ra khi hoàn tất khai báo nhập khẩu đi kèm với các chứng từ liên quan và nộp đầy đủ thuế và các nghĩa vụ hải quan khác cho cơ quan hải quan.

Tùy thuộc vào loại hàng hóa nhập khẩu vào Vương quốc Anh, cơ quan hải quan sở tại sẽ yêu cầu các loại giấy phép và chứng từ khác nhau, Đối với mặt hàng hạt điều, thông thường sẽ cần các chứng từ cơ bản sau:

2.1. Chứng từ bắt buộc

Hóa đơn thương mại (**Commercial Invoice**)

Hóa đơn thương mại bao gồm tất cả các thông tin cơ bản liên quan đến lô hàng, thông thường bao gồm những thông tin như sau: Tên và địa chỉ người bán, Tên và địa chỉ của người nhận hàng, Ngày tháng giao dịch, Số hóa đơn, Nước đi, Nước đến, Số lượng, Đơn vị trọng lượng, Giá trị đơn vị, Số lượng gói, Đơn giá, Tổng giá trị lô hàng, Mã hàng/Mã HS, Incoterms.

Tờ khai nhập khẩu (Import Declaration)

Với sản phẩm hạt điều nhập khẩu lần đầu vào Vương quốc Anh, doanh nghiệp cần phải nộp tờ khai nhập khẩu đầy đủ hoặc bản rút gọn nếu đã đăng ký và được HMRC cho phép. Tờ khai cần có các nội dung sau: mã thủ tục hải quan; mã hàng hóa; số tham chiếu duy nhất của lô hàng: là số tham chiếu chính liên kết các tờ khai trong Dịch vụ Khai báo Hải quan (CDS); điểm khởi hành và điểm đến; người nhận hàng và người gửi hàng; chủng loại, số lượng và bao bì hàng hóa; phương thức vận chuyển và chi phí; tiền tệ và phương pháp định giá; các loại giấy chứng nhận và giấy phép.

Tờ khai nhập khẩu cần được nộp thông qua nền tảng CDS.

Vận đơn (Bill of Lading/Airway Bill)

Vận đơn (Bill of Lading - đối với vận tải đường biển/đường bộ hoặc Airway Bill - vận chuyển hàng không) được các công ty vận tải phát hành như một giấy biên nhận rằng hàng hóa đã được nhận và nằm dưới sự quản lý của họ. Vận đơn nêu chi tiết về chủng loại, số lượng và điểm đến của hàng hóa trong lô hàng.

Chứng từ này rất quan trọng đối với hải quan vì nó xác nhận người gửi hàng là chủ sở hữu hàng hóa, trong khi người vận chuyển đang sở hữu hàng. Vận đơn phải được giao cho người nhận khi nhận hàng để chứng minh rằng họ hiện là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với các lô hàng giữa Vương quốc Anh và các quốc gia ngoài EU, Vận đơn phải ghi rõ chi tiết về tổng giá trị của lô hàng để hải quan có thể tính các khoản thuế và VAT cần phải trả. Đối với các lô hàng từ các quốc gia EU, thông tin này cần phải được nộp riêng cho đại lý hải quan.

Phiếu đóng gói (Packing list)

Là một chứng từ thương mại kèm theo hóa đơn thương mại và chứng từ vận tải, cung cấp thông tin về mặt hàng nhập khẩu và chi tiết đóng gói của từng lô hàng.

Về cơ bản, phiếu đóng gói làm cho quy trình hải quan trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn nhiều, điều này giúp giảm thời gian thực hiện chuỗi cung ứng và tăng hiệu quả kinh doanh.

Giấy chứng nhận vệ sinh IPAFFS

Với việc Vương quốc Anh không còn nằm trong EU, hệ thống TRACES để xác nhận hàng nhập khẩu không còn được sử dụng nữa. Hiện nay, TRACES đã được thay thế bằng IPAFFS (Import of products, animals, food, and feed system - Hệ thống nhập khẩu sản phẩm, động vật, thực phẩm và thức ăn chăn nuôi), được sử dụng để xác nhận một số hàng hóa từ cả các nước EU và ngoài EU.

Các sản phẩm sau cần phải thông báo trước qua IPAFFS: Động vật sống, Sản phẩm có nguồn gốc từ mềm, Phụ phẩm động vật, Thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguy cơ cao không có nguồn gốc động vật (HRFNAO), Sản phẩm có nguồn gốc động vật (POAO), Thực phẩm tổng hợp, Cây trồng và sản phẩm từ cây trồng.

Tuy nhiên, có một số trường hợp ngoại lệ đối với các sản phẩm từ Cộng hòa Ai-len. Để biết thêm thông tin về IPAFFS, bao gồm cả phương thức đăng ký, xem thêm tại đường dẫn: <https://www.gov.uk/guidance/import-of-products-animals-food-and-feed-system>

Đối với mặt hàng hạt điều nhập khẩu vào Vương quốc Anh, thông thường cơ quan hải quan không yêu cầu cung cấp IPAFFS, trừ trường hợp sản phẩm nằm trong nhóm Kiểm soát Khẩn cấp (Emergency Control) đối với một số hạn chế nhập khẩu (xem ở phần dưới).

2.2. Các chứng từ cần thiết

Mẫu C88 (C88 Form)

Mẫu này chỉ dành cho vận chuyển hàng hóa liên quan đến EU. Đây là biểu mẫu hải quan chính thức cho việc di chuyển giữa EU và Vương quốc Anh. Mẫu này được sử dụng làm bằng chứng cho thấy hàng hóa có thể di chuyển hợp pháp giữa các khối thương mại, chứa nhiều thông tin chi tiết quan trọng liên quan đến lô hàng cho các cơ quan hải quan.

Không giống như hóa đơn thương mại, mẫu C88 là cố định. Chi tiết tờ khai cần do bên bán cung cấp.

Tham chiếu về di chuyển hàng hóa (Goods Movement Reference – GMR)

GMR chỉ cần thiết đối với các chuyển hàng vận chuyển bằng đường bộ đến Vương quốc Anh từ EU, đang vận chuyển qua một cảng

sử dụng GVMS (Goods Vehicle Movement Service - Dịch vụ Vận chuyển Phương tiện Hàng hóa).

Thương nhân nhận được GMR thông qua việc đăng ký GVMS, tại đường dẫn: <https://www.gov.uk/guidance/register-for-the-goods-vehicle-movement-service>

Sau khi đăng ký, người bán có thể tạo GMR để gửi cho đơn vị vận chuyển để có thể nhận hàng qua cảng.

Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin – C/O)

Khi người nhập khẩu yêu cầu hoặc quy định bắt buộc đối với một số mặt hàng nhất định. Các hàng hoá được hưởng GSP phải có giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A “C/O form A”. Đối với xuất khẩu hàng hóa theo UKVFTA cần chứng nhận xuất xứ C/O EUR1. UK.

Giấy phép nhập khẩu (Import License)

Theo quy định của Vương quốc Anh, giấy phép nhập khẩu là cần có đối với hầu hết các mặt hàng nông sản, thực phẩm, sắt, thép, nhôm, vũ khí, hóa chất, dược phẩm.

Khai báo hàng hóa nguy hiểm (Dangerous Goods Declaration – DGD)

Chỉ cần khai báo DGD nếu hàng hóa có yếu tố nguy hiểm. Mẫu này được yêu cầu để xác nhận rằng quy định về hàng hóa nguy hiểm đã được tuân thủ hay chưa và lô hàng được dán nhãn tương ứng không. DGD phải được khai báo bởi người bán.

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate)

Khi các sản phẩm như trái cây tươi, rau quả và các nguyên liệu thực vật khác nhập khẩu vào Vương quốc Anh, cần phải có giấy chứng nhận kiểm dịch. Giấy chứng nhận này xác nhận rằng sản phẩm rời khỏi nước xuất khẩu trong tình trạng khỏe mạnh. Cơ quan có

thẩm quyền của nước xuất khẩu phải kiểm tra sản phẩm để đảm bảo rằng sản phẩm không có côn trùng và dịch bệnh.

3. Quy trình sau khi hàng được thông quan

3.1. Vận chuyển hàng hoá quá cảnh

- Hàng hóa phải được kê khai trong tờ khai quá cảnh, địa điểm nơi hàng được chuyển đến phải được kê khai chính xác;

- Hàng hoá phải có cùng số lượng, mô tả và tình trạng như trên tờ khai;

- Phải có các chứng từ, tài liệu thích hợp đi theo hàng;

- Thời gian vận chuyển, lúc đến, lúc xuất hàng chu chuyển qua các quốc gia phải đúng theo tiến độ; Hệ thống quản lý vận chuyển hàng quá cảnh bằng máy tính (New Computerised Transit System-NCTS) được áp dụng bắt buộc đối với phần lớn các hoạt động vận chuyển trong EU và các nước quá cảnh. Giấy tờ quá cảnh chỉ được chấp nhận cho khách du lịch tư nhân (có hàng hóa vượt quá định mức cho phép) và trong quá trình kinh doanh liên tục.

Ủy ban Biên giới Vương quốc Anh (UKBA) chịu trách nhiệm đảm bảo biên giới, kiểm soát di cư, quản lý kiểm soát biên giới và thực thi các quy định về nhập cư và hải quan. Nhân viên UKBA tiến hành kiểm tra hàng hóa, cùng với các phương pháp khác, để phát hiện những người nhập cảnh lậu. Người lái xe và các công ty vận tải phải bảo vệ phương tiện để ngăn mọi người vào Anh mà không thông qua các biện pháp kiểm soát nhập cư thích hợp. Nếu xe bị phát hiện chứa những người nhập cư lậu, người lái xe có thể bị phạt và phương tiện có thể bị tạm giữ.

3.2. Sắp xếp trạm kiểm tra hàng hóa

Doanh nghiệp cần chọn nơi có thể kiểm tra hàng hóa cho những mặt hàng như thực vật hoặc động vật hoặc một số sản phẩm khác theo yêu cầu.

Cần cho Trạm kiểm tra biết khi nào hàng hóa đến nơi. Có thể phải trả một khoản phí cho việc kiểm tra.

3.3. Nộp tờ khai

Hầu hết các tờ khai được nộp dưới dạng điện tử thông qua hệ thống Xử lý Hàng hóa Xuất nhập khẩu (Customs Handling of Import and Export Freight-CHIEF) tại thời điểm hàng hóa nhập cảng vào Anh, trừ khi hàng vào kho tạm thời.

3.4. Nộp thuế VAT và thuế nhập khẩu

Nếu có tài khoản hoãn thuế (duty deferment account), doanh nghiệp có thể thanh toán sau 30 ngày.

3.5. Nhận hàng hóa

Hàng hóa có thể bị giữ ở biên giới đối với các trường hợp sau:

- Chưa thanh toán đúng số tiền thuế hoặc VAT
- Không có giấy phép nhập khẩu phù hợp
- Sản phẩm không đạt chất lượng khi kiểm tra
- Hàng được gửi cùng với một lô hàng đã bị giữ lại

Doanh nghiệp có thể sử dụng hệ thống kế toán linh hoạt (the flexible accounting system) để nộp thuế khi hàng hóa chuyển qua biên giới nếu:

- Sẵn sàng thanh toán bằng thẻ, séc hoặc chuyển khoản ngân hàng;
- Thanh toán qua hệ thống Direct Trader Input-DTI.

II. Yêu cầu về chất lượng

Các tiêu chuẩn của Vương quốc Anh cơ bản vẫn dựa trên nền tảng của EU, vốn được xây dựng theo tiêu chuẩn của Ủy ban Kinh tế Liên hợp quốc về châu Âu (UNECE) và Tiêu chuẩn Codex (Codex Alimentarius).

Các loại nông sản, thực phẩm, bao gồm cả hạt điều phải tuân thủ các tiêu chuẩn thị trường chung. Các sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn của UNECE sẽ được coi là phù hợp với các tiêu chuẩn thị trường.

Các tiêu chuẩn thị trường bao gồm nhiều quy định liên quan đến chất lượng tối thiểu, phân loại, kích cỡ, đóng gói và dán nhãn. Ngoài ra, cũng yêu cầu có chứng nhận hợp chuẩn được cấp bởi cơ quan kiểm nghiệm được công nhận chính thức.

Đối với các sản phẩm không được quy định theo tiêu chuẩn thị trường của Vương quốc Anh thì tiêu chuẩn Liên hợp quốc sẽ được áp dụng. Nếu hàng hóa là sản phẩm hữu cơ thì phải tuân thủ các quy định của thị trường về sản phẩm hữu cơ.

Chất lượng của nhân hạt điều được xác định bởi tỷ lệ sản phẩm bị lỗi, theo số lượng hoặc trọng lượng, kích thước, hình dạng và màu sắc của sản phẩm.

Ngành công nghiệp chế biến đã xác định một số tiêu chí chất lượng nhưng một số trong số này, chẳng hạn như mùi vị và hương vị mang tính chủ quan và không dễ xác định dựa trên các đặc tính vật lý.

Các tiêu chí quan trọng nhất được sử dụng để xác định chất lượng của hạt điều như sau:

+ Phân hạng: Vương quốc Anh không có tiêu chuẩn chính thức về phân hạng hạt điều. Tuy nhiên, phân hạng UNECE được sử dụng rộng rãi trên thị trường. Theo cách phân hạng này, hạt điều được chia

thành ba loại chính: Extra Class, Class I và Class II, theo tỉ lệ nhân điều lỗi cho phép và màu sắc của vỏ nhân.

+ Phân loại: Vương quốc Anh chưa chính thức xác định phân loại cho hạt điều. Phân loại được sử dụng thường xuyên nhất, cũng xuất phát từ tiêu chuẩn UNECE, tương ứng với các tiêu chuẩn hạt điều của Hoa Kỳ. Theo tiêu chuẩn của Hoa Kỳ, toàn bộ nhân được phân loại dựa trên số lượng hạt điều trong một pound (0,454 kg) hoặc trong một kg - ví dụ: 210 hạt trên một pound tương đương với 465 hạt trên một kg. Hạt vỡ được xếp hạng theo đường kính của các mảnh vỡ.

+ Kiểu dáng và màu nhân điều: Trên thực tế, chất lượng và giá cả thường được xác định dựa trên các đặc tính của hạt điều, từ đó kết hợp kiểu dáng (nguyên hạt, tách hạt hoặc hạt vỡ) với phân loại và kiểu dáng cũng như màu nhân điều. Nhân có thể trắng, bị cháy xém hoặc sẫm màu ở một mức độ nào đó trong quá trình chế biến.

III. Vệ sinh an toàn thực phẩm

Tất cả các sản phẩm hạt điều lưu hành tại thị trường Anh phải tuân theo các quy định pháp luật của nước sở tại về vệ sinh an toàn thực phẩm. Việc không tuân thủ có thể dẫn đến việc ngừng nhập khẩu tạm thời hoặc bị tăng tần suất kiểm tra đối với mặt hàng khi nhập khẩu vào Vương quốc Anh, vốn đã bị nước này áp dụng lên một số mặt hàng nông sản có xuất xứ từ Việt Nam trong thời gian qua.

Các quy định của Vương quốc Anh về vệ sinh thực phẩm dựa trên quy tắc ban hành cũ của EU, tuy nhiên sau Brexit nước này cập nhật thêm một số nội dung mới, bao trùm tất cả các công đoạn sản xuất, chế biến, phân phối và đưa ra thị trường đối với tất cả thực phẩm dùng cho người.

Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm mà Vương quốc Anh đang áp dụng:

Bộ luật An toàn Thực phẩm ban hành năm 1990, cung cấp khuôn khổ pháp lý về thực phẩm và quy định các vi phạm liên quan đến an toàn, chất lượng và ghi nhãn.

Luật Thực phẩm (Sửa đổi sau Brexit) ban hành năm 2019 quy định các nguyên tắc và yêu cầu chung của luật thực phẩm.

Quy định về An toàn và Vệ sinh Thực phẩm (tại England) ban hành năm 2013, bãi bỏ và ban hành lại với một số thay đổi nhỏ đối với Quy định Vệ sinh Thực phẩm (tại England) ban hành năm 2006 và một số điều khoản của Quy định chung về Thực phẩm năm 2004.

Ngoài các quy định nêu trên, các loại hạt nói chung và hạt điều nói riêng nằm trong nhóm 14 sản phẩm có thể gây dị ứng cho người tiêu dùng. Theo Bộ Luật An toàn Thực phẩm 1990 và Luật Thực phẩm (Sửa đổi) 2019, thương nhân có trách nhiệm đảm bảo rằng người tiêu dùng thực phẩm sử dụng sản phẩm an toàn có chất lượng đảm bảo với những gì họ kỳ vọng.

Doanh nghiệp cung cấp sản phẩm phải biết về việc sử dụng các chất gây dị ứng trong thực phẩm chế biến và thông báo việc sử dụng tới khách hàng. Từ tháng 10 năm 2021, phương thức cung cấp thông tin ghi nhãn chất gây dị ứng đã thay đổi. Thực phẩm phải có nhãn ghi danh sách đầy đủ các thành phần gây dị ứng.

Đối với các yêu cầu về vệ sinh và an toàn thực phẩm, doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm ở nước thứ ba cần tôn trọng các quy tắc sau đây:

- Nghĩa vụ chung đối với người điều hành trong việc giám sát an toàn thực phẩm của sản phẩm và quy trình;
- Các điều khoản vệ sinh chung và các yêu cầu chi tiết;
- Yêu cầu vệ sinh đối với một số sản phẩm nhất định;
- Các quy trình dựa trên nguyên tắc HACCP6;
- Đăng ký cơ sở.

Tài liệu tham chiếu của EU trong hướng dẫn của FSA

FSA hiện cập nhật tất cả các tài liệu tham chiếu của EU để phản ánh chính xác tình trạng luật đó, còn hiệu lực, ban hành mới hay đã được sửa đổi kể từ khi Giai đoạn chuyển tiếp Brexit kết thúc vào cuối năm 2020.

Ngoài Bắc Ai-len, mọi tham chiếu liên quan đến Quy định của EU cần được hiểu là luật của EU được giữ lại và vẫn đang được áp dụng tại Vương quốc Anh. Toàn bộ các văn bản pháp luật được giữ lại của EU có thể xem tại đường dẫn: <https://webarchive.nationalarchives.gov.uk/eu-exit/>

Do vậy, khi nghiên cứu về một vấn đề liên quan đến luật pháp nói chung và quy định trong lĩnh vực thực phẩm nói riêng, cần xem xét các quy định cũ của EU và nội dung mới (nếu có) do Vương quốc Anh ban hành sau Brexit. Các luật mới của Vương quốc Anh có thể xem tại đường dẫn: legislation.gov.uk

Tại Bắc Ai-len, luật của EU sẽ tiếp tục được áp dụng đối với phần lớn nội dung liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, như được liệt kê trong Nghị định thư Bắc Ai-len: <https://www.gov.uk/government/publications/new-protocol-on-ireland-northern-ireland-and-political-declaration>; và luật của EU được giữ lại sẽ không áp dụng cho Bắc Ai-len trong những trường hợp này.

IV. Quản lý ô nhiễm, ngăn ngừa nhiễm khuẩn trong hạt điều

Quy định của Ủy ban Châu Âu đặt ra mức tối đa đối với một số chất gây ô nhiễm trong sản phẩm thực phẩm. Sau Brexit, Vương quốc Anh đã ban hành các Quy định về Quản lý ô nhiễm trong Thực phẩm (Sửa đổi) vào năm 2019 (chi tiết tại đường dẫn: <https://www.legislation.gov.uk/ukxi/2019/639/contents/made?view=plain>).

Quy định này được cập nhật thường xuyên và ngoài các giới hạn đặt ra cho thực phẩm nói chung, một số giới hạn cụ thể áp dụng cho các chất gây ô nhiễm trong các sản phẩm cụ thể, bao gồm cả hạt điều. Các yêu cầu phổ biến nhất liên quan đến chất gây ô nhiễm trong sản phẩm hạt điều liên quan đến tồn dư của độc tố như nấm mốc, dư lượng thuốc trừ sâu, vi sinh vật và kim loại nặng.

4.1. Độc tố nấm mốc

Các độc tố nấm mốc được quan tâm nhất từ góc độ an toàn thực phẩm bao gồm:

Aflatoxin (B1, B2, G1, G2 và M1);

Ochratoxin A;

Độc tố patulin do nấm mốc *Fusarium* tạo sinh, bao gồm fumonisins (B1, B2 và B3);

Trichothecenes (chủ yếu là nivalenol, deoxynivalenol, độc tố T-2 và HT-2);

Zearalenone;

Chất độc ergot alkaloid, citrinin, sterigmatocystin và chất độc xen kẽ.

Mức tối đa (Maximun levels - ML) được quy định trong:

Quy định của EU 1881/2006 đối với nước Anh (England) và xứ Wales: <https://www.legislation.gov.uk/eur/2006/1881/contents>

Quy định của EU 1881/2006 đối với Bắc Ai-len: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/ALL/?uri=CELEX%3A32006R1881>

Sự hiện diện của độc tố nấm mốc (đặc biệt là aflatoxin) là lý do chính khiến các loại hạt có thể bị cấm trên thị trường châu Âu. Hàm lượng aflatoxin B1 trong hạt điều không được vượt quá 5 µg/kg và tổng hàm lượng aflatoxin (B1, B2, G1 và G2) không được vượt quá 10 µg/kg. Tuy nhiên, tỷ lệ nhiễm aflatoxin trong hạt điều thấp hơn so với các loại hạt khác, chẳng hạn như lạc. Hầu hết các chuyên gia đều cho rằng, nhưng không phải tất cả, aflatoxin không phải là vấn đề lớn trong sản xuất hạt điều. Nguyên nhân chính là do vỏ của hạt điều có chứa cardol, chất ức chế sự phát triển của aflatoxin.

Để đảm bảo rằng các mẫu thử đại diện cho toàn bộ lô thực phẩm - các quy định về lấy mẫu và phân tích để kiểm soát ML đối với độc tố nấm mốc đã được ban hành. Điều này được quy định tại:

Quy định 401/2006 của EU đối với nước Anh (England) và xứ Wales: <https://www.legislation.gov.uk/eur/2006/401/contents>

Quy định 401/2006 của EU đối với Bắc Ai-len: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/ALL/?uri=CELEX%3A32006R0401>

Các quy định về lấy mẫu và phân tích chỉ áp dụng đối với các cơ quan thực thi pháp luật, bao gồm chính quyền địa phương, cơ quan y tế cảng và các nhà phân tích công. Tuy nhiên, các đơn vị kinh doanh thực phẩm phải biết các quy định này khi tiến hành kiểm tra thẩm định.

Một lời khuyên đối với các công ty sản xuất và chế biến hạt điều là nên sử dụng phòng thí nghiệm được công nhận để phân tích độc tố nấm mốc. Thông tin thêm về các phòng thí nghiệm được công nhận có thể được tìm thấy trên trang web Dịch vụ Chứng nhận của Vương quốc Anh: <https://www.ukas.com/>

Yêu cầu cụ thể đối với kiểm soát các loại độc tố nấm mốc nguy hại nhất có thể xem tại đường dẫn:

<https://www.food.gov.uk/sites/default/files/media/document/ochratoxinacop.pdf>

<https://www.food.gov.uk/sites/default/files/media/document/fusariumcop.pdf>

<https://www.food.gov.uk/sites/default/files/media/document/mycotoxinacop2007.pdf>

Điều kiện đặc biệt về nhập khẩu

Mức dư lượng tối đa với độc tố nấm mốc được áp dụng cho các loại thực phẩm cụ thể dù chúng được nhập khẩu hay sản xuất trong nước. Người tiêu dùng được bảo vệ bởi các điều kiện nhập khẩu đặc biệt đối với một số loại thực phẩm từ một số quốc gia nơi nguy cơ ô nhiễm aflatoxin tăng cao. Do đó, những thực phẩm này sẽ phải được kiểm tra bổ sung và phải kèm theo tài liệu cụ thể chứng minh việc tuân thủ các quy định có liên quan. Các tài liệu bổ sung bao gồm giấy chứng nhận phân tích và giấy chứng nhận vệ sinh do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp.

Các thông tin liên quan đến biện pháp kiểm soát nhập khẩu thực phẩm có nguy cơ cao vào Anh và xứ Wales hoặc vào Bắc Ireland có thể tham khảo tại đường dẫn:

<https://www.food.gov.uk/business-guidance/importing-high-risk-food-and-feed-into-gb>

<https://www.food.gov.uk/business-guidance/high-risk-food-of-non-animal-origin>

Quy tắc thực hành (Code of practice) đối với fusarium và ochratoxin A

FSA phát triển hai quy tắc thực hành cụ thể cho nước Anh, xứ Wales và Bắc Ai-len để giảm độc tố nấm mốc fusarium và ochratoxin

A trong ngũ cốc và một tờ rơi tóm tắt các quy tắc thực hành này cho nông dân trồng ngũ cốc.

Các quy tắc thực hành này của Vương quốc Anh dựa trên một bộ nguyên tắc chung để giảm thiểu lượng độc tố nấm mốc trong ngũ cốc.

Thông tin cụ thể có thể tham khảo tại đường dẫn:

<https://www.food.gov.uk/sites/default/files/media/document/fusariumcop.pdf>

4.2. Dư lượng thuốc trừ sâu

Vương quốc Anh thiết lập mức dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu có trong và trên các sản phẩm thực phẩm. Sản phẩm chứa hàm lượng dư lượng thuốc trừ sâu cao hơn mức cho phép sẽ bị loại bỏ khỏi thị trường. Tuy nhiên thực tế cho thấy, hiếm khi gặp phải dư lượng thuốc trừ sâu quá mức trong buôn bán hạt điều. Điều này là do phần vỏ có thể tích tụ MRL sẽ bị loại bỏ thông qua quá trình tách vỏ trước khi hạt được nhập khẩu vào Vương quốc Anh.

Vương quốc Anh thường xuyên công bố danh sách các loại thuốc trừ sâu được phép sử dụng tại thị trường. Danh sách này được cập nhật thường xuyên. Tính đến tháng 12/2023, hiện có 632 loại thuốc trừ sâu trong danh sách này, chi tiết có thể tìm kiếm tại đường dẫn: <https://secure.pesticides.gov.uk/>

Tính từ thời điểm Brexit đến nay, Vương quốc Anh đã đặt ra thêm hoặc sửa đổi ngưỡng MRL cho các loại thuốc trừ sâu sau đây:

Ghi chú: (*) biểu thị giới hạn xác định dư lượng

Tên loại thuốc trừ sâu	MRL (mg/kg)	Văn bản quy định	Ngày có hiệu lực
2,5-dichlorobenzoic acid methylester (sum of 2,5-dichlorobenzoic acid and its ester expressed as 2,5-dichlorobenzoic acid methylester)	0.01 *	Commission Regulation 1176/2019	31/01/2020
Acetamiprid	0.07	GB MRL 2022/005	14/06/2022
Amitrole	0.02 *	Commission Regulation 1792/2019	18/05/2020
Azoxystrobin	0.01	GB MRL 2023/015	27/09/2023
Bifenazate (sum of bifenazate plus bifenazate-diazene expressed as bifenazate)	0.2	Commission Regulation 1565/2020	17/11/2020
Bispyribac (sum of bispyribac, its salts and its esters, expressed as bispyribac)	0.01 *	Commission Regulation 973/2019	04/01/2020
Boscalid	0.05 *	GB MRL 2022/005	14/06/2022
Carbendazim and benomyl (sum of benomyl and	0.1 *	GB MRL 2022/005	14/02/2022

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

carbendazim expressed as carbendazim)			
chlorate	0.1	Commission Regulation 749/2020	28/06/2020
Chlormequat (sum of chlormequat and its salts, expressed as chlormequat-chloride)	0.01 *	GB MRL 2023/003	10/02/2023
Chlorothalonil	0.01 *	GB MRL 2022/012	05/03/2023
Chlorpyrifos	0.01 *	Commission Regulation 1085/2020	13/11/2020
Chlorpyrifos-methyl	0.01 *	Commission Regulation 1085/2020	13/11/2020
NEW: Cinmethylin	0.01 *	GB MRL 2022/008	10/06/2022
cyantraniliprole	0.04	GB MRL 2023/005	09/03/2023
Cyazofamid	0.02 *	Commission Regulation 856/2020	09/07/2020

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

Cyflufenamid (sum of cyflufenamid (Z-isomer) and its E-isomer, expressed as cyflufenamid)	0.01 *	GB MRL 2023/010	06/06/2023
Cypermethrin (cypermethrin including other mixtures of constituent isomers (sum of isomers))	0.05 *	GB MRL 2022/005	14/06/2022
Cyprodinil	0.04	GB MRL 2023/014	28/07/2023
Denatonium benzoate (sum of denatonium and its salts, expressed as denatonium benzoate)	0.01 *	Commission Regulation 973/2019	04/01/2020
Difluoroacetic acid (DFA)	0.02 *	GB MRL 2022/005	14/06/2022
NEW: Fenbuconazole (sum of constituent enantiomers)	0.01 *	Commission Regulation 1559/2019	07/04/2020
Fenoxycarb	0.01 *	Commission Regulation 973/2019	04/01/2020
Fenpyroximate	0.05	Commission Regulation 856/2020	09/07/2020

Fipronil (sum fipronil + sulfone metabolite (MB46136) expressed as fipronil)	0.005 *	Commission Regulation 1792/2019	18/05/2020
Flonicamid (sum of flonicamid, TFNA and TFNG expressed as flonicamid)	0.06 *	GB MRL 2022/015	22/09/2022
Fludioxonil	0.01 *	GB MRL 2023/013	18/07/2023
Flupyradifurone	Flupyradifurone	GB MRL 2022/005	14/06/2022
Flupyrsulfuron-methyl	Flupyrsulfuron-methyl	Commission Regulation 1792/2019	18/05/2020
Fluquinconazole	Fluquinconazole	Commission Regulation 1559/2019	07/04/2020
Flurochloridone (sum of cis- and trans- isomers)	Flurochloridone (sum of cis- and trans- isomers)	Commission Regulation 973/2019	04/01/2020
Flutianil	0.01 *	GB MRL 2022/018	14/10/2022
Flutriafol	0.02 *	GB MRL 2022/001	28/01/2022
Fluxapyroxad	0.04	GB MRL 2022/005	14/06/2022

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

Fosetyl-AI (sum of fosetyl, phosphonic acid and their salts, expressed as fosetyl)	500.0	GB MRL 2023/009	06/06/2023
Glyphosate	0.1 *	GB MRL 2022/005	14/06/2022
Imazalil (any ratio of constituent isomers)	0.01 *	Commission Regulation 856/2020	09/07/2020
Imazosulfuron	0.02 *	Commission Regulation 1792/2019	18/05/2020
Isofetamid	0.01 *	GB MRL 2022/005	14/06/2022
NEW: Isoflucypram	0.01 *	GB MRL 2023/017	04/10/2023
Kresoxim-methyl	0.01 *	Commission Regulation 856/2020	09/07/2020
Lambda-cyhalothrin (includes gamma-cyhalothrin) (sum of R,S and S,R isomers)	0.01 *	GB MRL 2023/002	10/02/2023
Lufenuron (any ratio of constituent isomers)	0.01 *	Commission Regulation 856/2020	09/07/2020

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

Mandestrobin	0.01 *	GB MRL 2022/005	14/06/2022
Mandipropamid (any ratio of constituent isomers)	0.01 *	GB MRL 2023/016	27/09/2023
Mefentrifluconazole	0.01 *	GB MRL 2023/001	19/01/2023
Metalaxyl including other mixtures of constituent isomers including metalaxyl-M (sum of isomers)	0.01 *	GB MRL 2022/013	06/09/2022
Methiocarb (sum of methiocarb and methiocarb sulfoxide and sulfone, expressed as methiocarb)	0.03 *	GB MRL 2022/016	24/04/2023
Omethoate	0.01 *	GB MRL 2021/003	05/01/2022
Oxathiapiprolin	0.01 *	GB MRL 2023/012	29/06/2023
Penthiopyrad	0.05	GB MRL 2022/005	14/06/2022
NEW: Prochloraz (sum of prochloraz, BTS 44595 (M201-04) and BTS 44596 (M201-03), expressed as prochloraz)	0.03 *	Commission Regulation 192/2020	04/09/2020

Prohexadione (prohexadione (acid) and its salts expressed as prohexadione-calcium)	0.01 *	GB MRL 2021/006	27/07/2021
Propiconazole (sum of isomers)	0.01 *	GB MRL 2022/016	24/04/2023
Prothioconazole (prothioconazole-desthio (sum of isomers))	0.02 *	GB MRL 2022/010	01/09/2022
Pymetrozine	0.02 *	GB MRL 2022/016	24/04/2023
Pyraclostrobin	0.02 *	GB MRL 2022/005	14/06/2022
Pyridaben	0.05	Commission Regulation 1565/2020	17/11/2020
Pyriofenone	0.01 *	Commission Regulation 856/2020	09/07/2020
Pyriproxyfen	0.05 *	Commission Regulation 856/2020	09/07/2020
Quizalofop (sum of quizalofop, its salts, its esters (including propaquizafop))	0.01 *	Commission Regulation 973/2019	04/01/2020

and its conjugates, expressed as quizalofop (any ratio of constituent isomers))			
Spirotetramat and its 4 metabolites BYI08330-enol, BYI08330-ketohydroxy, BYI08330-monohydroxy, and BYI08330 enol-glucoside, expressed as spirotetramat	0.5	GB MRL 2022/005	14/06/2022
Sulfoxaflor (sum of isomers)	0.02 *	GB MRL 2022/004	23/05/2022
Sulfuryl fluoride	10.0	Commission Regulation 839/2008	01/09/2008
Tebufenozide	0.01 *	Commission Regulation 973/2019	04/01/2020
NEW: Tolfenpyrad	0.01 *	GB MRL 2022/005	14/06/2022
Tolyfluanid (Sum of tolyfluanid and dimethylaminosulfotoluidide expressed as tolyfluanid)	0.02 *	Commission Regulation 624/2017	26/04/2017
Triclopyr	0.01 *	GB MRL 2023/006	14/03/2023
Valifenalate	0.01 *	GB MRL 2022/005	14/06/2022

4.3. Kim loại nặng

Hiện nay, Vương quốc Anh áp dụng quy định mức cadmium tối đa cho hạt điều (và tất cả các loại hạt cây khác ngoại trừ hạt thông) là 0,20 mg/kg trọng lượng ướt.

4.4. Vi sinh vật gây ô nhiễm

Sự hiện diện của vi khuẩn salmonella và E. coli ở mức rất thấp trong thực phẩm ăn liền hoặc chế biến sẵn, bao gồm cả hạt điều, là nguyên nhân quan trọng gây bệnh do tiêu dùng thực phẩm. Các nhà chế biến hạt cây nên coi salmonella và E. coli là những rủi ro chính đối với sức khỏe cộng đồng trong kế hoạch phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP).

V. Truy xuất nguồn gốc

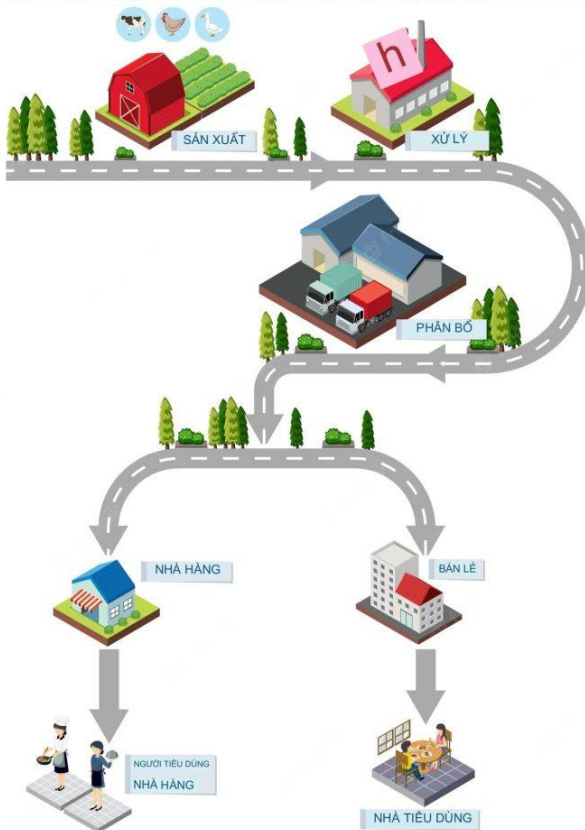
Lợi ích của việc truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng thực phẩm là có thể giúp các nhà sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với các sản phẩm nông nghiệp nói chung và hạt điều nói riêng với chất lượng cao và bền vững. Khi người tiêu dùng sẵn sàng trả giá cao cho các sản phẩm thực phẩm bền vững, có nguồn gốc rõ ràng, các nhà cung cấp sẵn sàng đầu tư vào việc củng cố chuỗi cung ứng của họ và phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc mạnh mẽ có thể giảm thiểu một số tác động của việc chi phí đầu vào tăng cao. Hơn nữa, hệ thống truy xuất nguồn gốc có thể giúp giảm lãng phí thực phẩm và cải thiện tính bền vững tổng thể bằng cách cho phép quản lý hàng tồn kho hiệu quả hơn và giảm khả năng sản xuất thừa.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc tại Vương quốc Anh cho phép xác định nguồn gốc của sản phẩm thực phẩm, giám sát quá trình xử lý và chế biến thực phẩm cũng như theo dõi quá trình phân phối sản phẩm. Ngược lại, điều này giúp giảm nguy cơ bùng phát bệnh do thực phẩm, cho phép thu hồi sản phẩm nhanh chóng và hiệu quả, đồng

thời thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn chuỗi cung ứng, từ đó cải thiện niềm tin của người tiêu dùng.

Quy định chung về Luật Thực phẩm (Quy định của Ủy ban châu Âu EC số 178/2002) được luật hóa tại Vương quốc Anh thông qua Quy định về An toàn và Vệ sinh Thực phẩm (tại nước Anh) năm 2013 yêu cầu các cam kết liên quan tới các công đoạn sản xuất, chế biến và phân phối để đảm bảo truy xuất nguồn gốc thực phẩm từ khâu sản xuất ban đầu đến người tiêu dùng cuối cùng.

CHUỖI SẢN XUẤT THỰC PHẨM



Để đáp ứng các yêu cầu này, các nhà điều hành kinh doanh thực phẩm (“FBO”), là người chịu trách nhiệm đảm bảo các yêu cầu của Luật Thực phẩm, kiểm soát toàn bộ các hoạt động trong phạm vi kinh doanh, phải có khả năng xác định tất cả mọi cá nhân tham gia vào quá trình cung cấp thực phẩm, đối với thực phẩm chế biến từ động vật hoặc bất kỳ chất nào dự định đưa vào thực phẩm chế biến, FBO phải có sẵn hệ thống và thủ tục cho phép cung cấp thông tin này cho tới FSA (Food Standards Agency – Cục Tiêu chuẩn Thực phẩm).

Thực phẩm được đưa ra thị trường hoặc có khả năng được đưa ra thị trường phải được dán nhãn hoặc nhận dạng đầy đủ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy xuất nguồn gốc, thông qua các tài liệu hoặc thông tin liên quan.

FBO nên xem xét hướng dẫn của FSA về thực hành tốt nhất (FSA’s guidance on best practice) trong việc phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

(<https://www.food.gov.uk/sites/default/files/media/document/food-traceability-withdrawals-and-recalls-guidance.pdf>).

Để đảm bảo việc theo dõi nguyên liệu thô và thành phần từ chuỗi cung ứng đến thành phẩm, FSA đưa ra khuyến nghị:

- Sử dụng một mã định danh lô hàng duy nhất cho tất cả các gói của một lô hàng cụ thể, ghi lại thông tin về sản xuất và chất lượng, đồng thời liên kết mã lô hàng với tất cả các nguyên liệu thô được sử dụng trong quá trình sản xuất;

- Duy trì thông tin truy xuất nguồn gốc về thời hạn sử dụng của thực phẩm cộng thêm tối thiểu 12 tháng;

- Đánh giá hàng năm về hệ thống truy xuất nguồn gốc hoặc sớm hơn nếu có thay đổi đáng kể trong doanh nghiệp, chẳng hạn như thay đổi nhà cung cấp.

VI. Các yêu cầu về bao gói và nhãn mác

Nhãn mác cho thực phẩm phải đảm bảo tính xác thực của thực phẩm (thực phẩm khớp với mô tả). Việc ghi nhãn được quy định để bảo vệ người tiêu dùng. Sản phẩm khác nhau có yêu cầu nhãn mác khác nhau.

6.1. Nhãn mác cho thực phẩm đóng gói sẵn

- Tên thực phẩm: Trên bao bì phải ghi rõ tên thực phẩm.
- Danh mục thành phần thực phẩm: Nếu sản phẩm có hai hoặc nhiều thành phần (bao gồm nước và phụ gia), phải liệt kê tất cả. Các thành phần phải được liệt kê theo thứ tự trọng lượng, với thành phần chính trước theo khối lượng đã được sử dụng để làm thực phẩm.
- Thông tin về khả năng gây dị ứng: Các chất gây dị ứng trong thực phẩm phải được liệt kê theo quy định.
- Khai báo định lượng thành phần: Cần cung cấp tỷ lệ phần trăm của các thành phần cụ thể có trong thực phẩm.
- Khối lượng hay số lượng của thực phẩm phải theo đúng quy định. Điều kiện bảo quản và thời hạn sử dụng: Nhãn thực phẩm phải được ghi rõ "sử dụng tốt nhất trước ngày ... tháng ... năm..." hoặc "thời hạn : ngày... tháng... năm..." để biết rõ thực phẩm có thể giữ được bao lâu và cách bảo quản như thế nào.
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất, nhà đóng gói hoặc nhà phân phối phải được ghi trên nhãn hàng.
- Quốc gia xuất xứ hoặc nơi xuất xứ: Nhãn hàng phải ghi rõ nguồn gốc thực phẩm và nguồn gốc của các thành phần chính nếu xuất xứ nguyên liệu khác với nơi sản xuất thành phẩm.
- Hướng dẫn cách chế biến và nấu món ăn.
- Thông tin về thành phần dinh dưỡng phải được trình bày rõ ràng.

- Một số các yêu cầu khác ví dụ như hàm lượng đường trong sản phẩm.

- Cách hiển thị thông tin bắt buộc trên bao bì và nhãn.

Kích thước phông chữ phải theo đúng tiêu chuẩn.

Các chi tiết bắt buộc phải được chỉ ra bằng từ và số, hoặc cũng có thể được hiển thị bằng cách sử dụng chữ tượng hình và biểu tượng theo quy định.

- Thông tin thực phẩm bắt buộc phải:

Dễ nhìn;

Rõ ràng, dễ đọc và khó xóa;

Không được che giấu, che khuất.

6.2. Nhãn mác cho thực phẩm

Yêu cầu ghi nhãn:

- Tên của thực phẩm;

- Các chất gây dị ứng có trong thực phẩm;

- Thành phần định lượng;

- Một số yêu cầu khác như: bao bì đóng gói phải bằng vật liệu không gây ô nhiễm và để tại nơi không có nguy cơ bị ô nhiễm.

Bên cạnh đó, với các sản phẩm có chứa chất gây dị ứng, cần phải lưu ý đến quy định ghi nhãn riêng, tham khảo Hướng dẫn ghi nhãn dị ứng theo yêu cầu của Hiệp hội bán lẻ Anh:

<http://www.foodlaw.rdg.ac.uk/pdf/uk-12024-BRC-FDF-Allergen-Labeling.pdf>

VII. Quy định về sản phẩm hữu cơ và kiểm soát đối với thực phẩm biến đổi gen

7.1. Quy định về sản phẩm hữu cơ

Nếu đối tác tại Vương quốc Anh nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ (sản phẩm nông nghiệp sống hoặc chưa qua chế biến, nông sản đã qua chế biến để sử dụng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi và vật liệu nhân giống sinh dưỡng và hạt giống để trồng trọt) từ các nước thứ ba, doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ các quy định về sản phẩm hữu cơ tại trang web của Bộ Môi trường, Thực phẩm và các Vấn đề Nông thôn (DEFRA).

Để bán sản phẩm hạt điều hữu cơ tại Vương quốc Anh, hạt điều phải được trồng bằng phương pháp sản xuất hữu cơ theo luật pháp có liên quan của Vương quốc Anh. Các cơ sở trồng trọt và chế biến phải được cơ quan chứng nhận công nhận kiểm tra trước khi được phép sử dụng logo hữu cơ của Vương quốc Anh trên các sản phẩm của mình, cũng như logo của cơ quan ban hành tiêu chuẩn hữu cơ.

Các giấy tờ bắt buộc phải có khi nhập khẩu sản phẩm hữu cơ vào Vương quốc Anh:

- Giấy chứng nhận kiểm tra (certificate of inspection – COI) đối với mỗi lô hàng¹;

¹ Lô hàng là một lô sản phẩm được vận chuyển và xử lý dưới dạng một đơn vị. Ví dụ:

một container hạt điều chưa bóc vỏ từ Việt Nam;

200 tấn hạt điều bóc vỏ, được vận chuyển trên cùng một tàu hàng và được xử lý bởi cùng một đơn vị vận hành

- Kiểm tra xem cơ quan kiểm soát của đối tác tại quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu có nằm trong danh sách đăng ký sản phẩm hữu cơ không phải của Vương quốc Anh hay không (tại đường dẫn: <https://www.gov.uk/government/publications/organic-registers-lists-of-third-countries-or-territories-control-bodies-and-control-authorities>)

Doanh nghiệp phải được cấp giấy chứng nhận bởi cơ quan kiểm soát sản phẩm hữu cơ của Vương quốc Anh nếu sản xuất, sơ chế, lưu trữ, nhập khẩu, xuất khẩu hoặc bán các sản phẩm hữu cơ tại Vương quốc Anh.

Bạn có thể quyết định đăng ký với cơ quan kiểm soát nào dựa trên vị trí và nhu cầu kinh doanh của bạn.

Danh mục các cơ quan chức năng kiểm soát thực phẩm hữu cơ tại Vương quốc Anh xem tại đường dẫn:

<https://www.gov.uk/guidance/organic-food-uk-approved-control-bodies>

Việc quyết định đăng ký với cơ quan kiểm soát nào phụ thuộc vào vị trí và nhu cầu kinh doanh của công ty.

Các cơ quan kiểm soát hữu cơ được phê duyệt có thể:

chứng nhận doanh nghiệp và sản phẩm hữu cơ của doanh nghiệp;

tư vấn về thủ tục xuất nhập khẩu thực phẩm hữu cơ;

kiểm tra các doanh nghiệp được chứng nhận là hữu cơ ít nhất mỗi năm một lần - việc này có thể liên quan đến lấy mẫu và thử nghiệm các sản phẩm hữu cơ của doanh nghiệp;

phê duyệt ghi nhãn hữu cơ của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cũng có thể báo cáo các vấn đề nghi ngờ đối với sản phẩm hữu cơ để cơ quan kiểm soát tiến hành điều tra.

7.2. Kiểm soát đối với thực phẩm biến đổi gen (GMO)

Để bảo vệ sức khỏe con người và môi trường cũng như đảm bảo cho lựa chọn của người tiêu dùng, Vương quốc Anh ban hành luật pháp nghiêm ngặt về kiểm soát việc cố ý sử dụng các thực phẩm biến đổi gen (GMO).

Đối với các thực phẩm biến đổi gen sử dụng cho mục đích nghiên cứu, một số văn bản quy phạm pháp luật sau đây tại Vương quốc Anh có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này: Đạo luật về Bảo vệ Môi trường năm 1990, tại Mục 111 và 112; Quy định về Thực phẩm Biến đổi gen năm 2002.

Danh sách tất cả các sản phẩm biến đổi gen được phép sử dụng tại Vương quốc Anh cho hoạt động nghiên cứu có thể tham khảo tại đường dẫn:

<https://www.gov.uk/government/collections/genetically-modified-organisms-applications-and-consents>

Đối với các hoạt động thử nghiệm, tiếp thị, thương mại thực phẩm biến đổi gen, doanh nghiệp cần liên hệ trực tiếp và xin cấp phép từ các cơ quan có liên quan tại Vương quốc Anh, cụ thể như sau:

Nước Anh – Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Các Vấn đề Nông thôn (DEFRA) gm-regulation@defra.gov.uk

Bắc Ai-len – Bộ Nông nghiệp, Môi trường và Các Vấn đề Nông thôn (DAERA) biodiversity.policy@daera-ni.gov.uk

Scotland – Chính phủ Scotland
GMInspectorate@sasa.gov.scot

Xứ Wales – Chính phủ Xứ Wales plant.health@gov.wales

VIII. Yêu cầu bổ sung về tính bền vững, thương mại công bằng

8.1. Xu hướng tìm nguồn cung ứng bền vững

Chứng nhận bền vững trong buôn bán các loại hạt ăn được từng được sử dụng để nhắm vào các thị trường ngách, thị trường cao cấp (chẳng hạn như FairTrade), nhưng hiện nay các tuyên bố và chứng nhận về tính bền vững là một trong những xu hướng chính trên thị trường phổ thông. Dù đã rời khỏi Liên minh châu Âu, tuy nhiên Vương quốc Anh hiện vẫn tiếp tục những mục tiêu đầy tham vọng về phát triển xanh và tăng trưởng bền vững, khi hiện là quốc gia đi đầu nhóm G7 trong cam kết và triển khai “net zero”. Trong lĩnh vực cung ứng bền vững về thực phẩm, vào tháng 6 năm 2022, Chính phủ Anh đã công bố Chiến lược lương thực, trong đó đặt ra tầm nhìn về một lĩnh vực nông nghiệp-thực phẩm thịnh vượng, đảm bảo nguồn cung cấp thực phẩm an toàn, trong đó cấu phần quan trọng là Chiến lược từ trang trại đến bàn ăn (Farm to Fork) và Chiến lược đa dạng sinh học (Biodiversity Strategy). Cả hai chính sách đều ảnh hưởng đến sản xuất và thương mại lương thực – thực phẩm. Các khía cạnh liên quan đến việc tìm nguồn cung ứng hạt điều và các loại hạt khác từ các nước đang phát triển bao gồm: giảm sử dụng thuốc trừ sâu, tăng sản xuất hữu cơ và chuyển sang vật liệu đóng gói bền vững.

Trong lĩnh vực thương mại các loại hạt ăn được, nhiều thương nhân lớn đã tham gia Sáng kiến Hạt điều bền vững (Sustainable Cashew Nuts) – là một phần trong Sáng kiến “FAIRER” của hệ thống nhà phân phối Aldi, với mục tiêu thúc đẩy điều kiện làm việc công bằng cũng như sản xuất thân thiện với môi trường trong quá trình trồng và chế biến các loại hạt, trong đó có hạt điều; tăng cường khả năng truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thô và cải thiện sinh kế cũng như điều kiện làm việc cho người lao động trong chuỗi cung ứng hạt. Sáng kiến hợp tác với các nhà cung cấp, các sáng kiến của nhiều bên liên quan, các tổ chức chứng nhận và chuyên gia trong ngành để tập

trung giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý bền vững, tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc, nhân quyền và an toàn thực phẩm. Thông tin cụ thể có thể xem tại: <https://www.aldi.co.uk/corporate/partnerships/cashew-coast>

Bằng cách tham gia vào các sáng kiến bền vững, nhà cung cấp tại các nước đang phát triển có thể trở nên cạnh tranh hơn trên thị trường châu Âu. Việc đánh giá rủi ro giúp các công ty tập trung vào những mức độ rủi ro bền vững cấp bách nhất. Các công ty có thể đạt được lợi thế cạnh tranh quan trọng bằng cách quan tâm đến nông dân và cải thiện sinh kế của họ.

Để duy trì nguồn cung và giá cả ổn định khi tìm nguồn cung ứng hạt điều, nhiều công ty tại Vương quốc Anh đã bắt đầu đầu tư vào địa điểm sản xuất tại các nước đang phát triển. Những khoản đầu tư này có khả năng tăng lên trong thời gian tới, với xu hướng đặc biệt là vào một số quốc gia tại Tây Phi. Mục đích của những khoản đầu tư này là để phát triển ngành công nghiệp chế biến và trở nên ít phụ thuộc hơn vào nguồn cung tại châu Á, trong đó đặc biệt là Việt Nam và Ấn Độ, vì việc mua hạt điều châu Phi sang châu Á để chế biến được coi là không bền vững theo chiến lược Farm to Fork. Các công ty thương mại có trách nhiệm xã hội tổ chức các hội thảo ở Châu Phi về thực hành sản xuất tốt, tính bền vững và chất lượng sản phẩm cũng như thiết lập quan hệ đối tác lâu dài.

8.2. Thương mại công bằng

Tại thị trường Vương quốc Anh, chứng nhận Thương mại công bằng (Fair Trade) ngày càng trở nên phổ biến và là một trong những chỉ dấu cho người tiêu dùng bền vững tại thị trường quyết định lựa chọn sản phẩm sản xuất tại các quốc gia đang phát triển. Nhãn dán chứng nhận Fairtrade có nghĩa là sản phẩm đã được kiểm tra để đảm bảo rằng sản phẩm được sản xuất với điều kiện làm việc an toàn, bảo vệ môi trường, sinh kế bền vững và có quỹ phát triển cộng đồng.

Khi nhận thức về đạo đức ngày càng tăng, người mua hàng và doanh nghiệp đối tác tại Vương quốc Anh đang dần tìm kiếm các lựa chọn hạt bền vững hơn để bảo vệ cộng đồng nông dân đang canh tác các loại cây trồng, vốn thâm dụng lao động này. Theo Fairtrade, trung bình một người nông dân trồng điều chỉ kiếm được 3 USD/ngày.

Sản phẩm được sản xuất, chế biến, thương mại hóa theo các điều kiện Fairtrade giúp nông dân trồng hạt có thêm tiếng nói và quyền lợi hơn trong chuỗi cung ứng cũng như thu nhập công bằng hơn.

Đồng thời, mạng lưới của Fairtrade trong lĩnh vực sản xuất hạt, có trụ sở tại Châu Phi, Châu Á, Châu Mỹ Latinh và Caribe, đào tạo các hợp tác xã về thực hành canh tác bền vững và sử dụng nước. (Tiêu chuẩn Fairtrade cấm chặt phá các khu rừng được bảo vệ để canh tác cây trồng và tất cả nông dân sản xuất theo tiêu chuẩn Fairtrade phải đáp ứng các điều kiện về môi trường nhất định được thiết kế để giảm thuốc trừ sâu, sử dụng nước không hiệu quả và phá rừng.)

Theo thống kê, tại thị trường Anh, nhu cầu tiêu dùng đối với các loại hạt có chứng nhận Fairtrade tăng lên đáng kể, với khối lượng bán ra vào năm 2022 tăng 60% so với cùng kỳ năm trước. Dữ liệu người tiêu dùng cho thấy khoảng 69% người mua hàng có nhiều khả năng mua các loại hạt có chứng nhận Fairtrade hơn các sản phẩm không có chứng nhận (8%).

Các loại hạt với nhãn Fairtrade có trong tất cả các sản phẩm, từ đồ nướng, đồ ăn nhẹ, bánh kẹo, ngũ cốc, mỹ phẩm, dầu, các sản phẩm làm đẹp và tóc. Tại thị trường Anh, các sản phẩm hạt điều chế biến gắn nhãn Fairtrade được bày bán phổ biến tại các hệ thống siêu thị, các nhà bán lẻ và thương hiệu lớn, chẳng hạn như Tesco, Waitrose, Traidcraft, Ben & Jerry's, Liberation Nuts, Pakka và Zaytoun.

Bên cạnh đó, vấn đề đạo đức trong mua bán các sản phẩm Fairtrade cũng được đặt lên cao trong thời gian gần đây. Theo bản

công bố tiêu chuẩn Fairtrade đối với các loại hạt dành cho các tổ chức và thương nhân sản xuất nhỏ có đề cập cụ thể về chuẩn mực này trong trồng và chế biến hạt điều. Để sử dụng logo Fairtrade, các nhà sản xuất hạt điều phải đảm bảo sức khỏe và sự an toàn cho lực lượng lao động, trong đó lưu ý đến các loại chất lỏng độc hại trong quá trình khai thác điều và đây cũng là một loại cây trồng thâm dụng nguồn nước rất lớn. Cụ thể là “Người lao động trong các đơn vị chế biến phải được bảo vệ đầy đủ khỏi chất lỏng từ hạt điều”, và “Quần áo bảo hộ và các loại dầu phải do người sử dụng lao động cung cấp.”

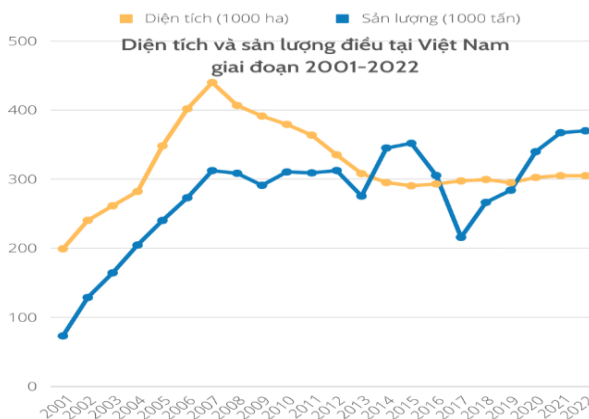
CHƯƠNG IV. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU CỦA VIỆT NAM VÀ THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU SANG VƯƠNG QUỐC ANH

I. Tình hình sản xuất và chế biến hạt điều của Việt Nam

1. Tình hình sản xuất

Việt Nam là quốc gia sản xuất, chế biến và cung ứng điều nhân lớn hàng đầu thế giới. Sản lượng và năng suất điều tăng trưởng tích cực trong những gần đây. Theo Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas), năm 2023, tổng diện tích trồng điều cả nước đạt khoảng 320.000 ha, giảm 2.300 ha so với năm 2022. Tuy nhiên, sản lượng dự kiến đạt 345.000 tấn, tăng 3.300 tấn. Năng suất bình quân đạt 1,15 tấn/ha, tăng 30 kg/ha. Năng suất bình quân trồng điều ở Việt Nam cao hơn 2 lần so với mức bình quân của thế giới, cao hơn cả Braxin và Ấn Độ.

Bảng 20: Năng xuất và sản lượng điều của Biệt Nam 2001 - 2022



Nguồn: Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nhận định về thị trường điều và một số loại hạt (hạnh nhân, dẻ cười, óc chó, mắc ca...) cạnh tranh với điều, theo Vinacas, giai đoạn 2023-2024, tiêu thụ các loại hạt trên phạm vi toàn cầu có xu hướng chậm lại. Tuy nhiên, năng suất, sản lượng thu hoạch hầu hết các loại hạt nhìn chung ổn định.

Có thể nói, hạt điều chất lượng cao Việt Nam là một trong số những tiêu chí giúp hạt điều nước ta nhận được sự yêu chuộng đến từ nhiều quốc gia khác nhau. Cụ thể hóa, hạt điều Việt Nam có mùi vị đặc trưng thơm nồng, vị béo ngậy, bùi bùi. Chất lượng hạt điều nổi tiếng nhất trong nước tại “thủ phủ” điều Bình Phước, vốn nổi tiếng thế giới với vị ngậy, béo, bùi mặc dù kích thước nhỏ hơn so với một số giống điều chất lượng cao khác trên thế giới (như điều A cò (điều cao sản) Campuchia. Bên cạnh hạt điều Bình Phước, hạt điều Đồng Nai cũng là một trong những niềm tự hào của nước ta về chất lượng khi sản lượng đầu ra vừa nhiều vừa đảm bảo chất lượng 3 tốt của hạt điều: tốt vị- tốt hương- tốt hạt.

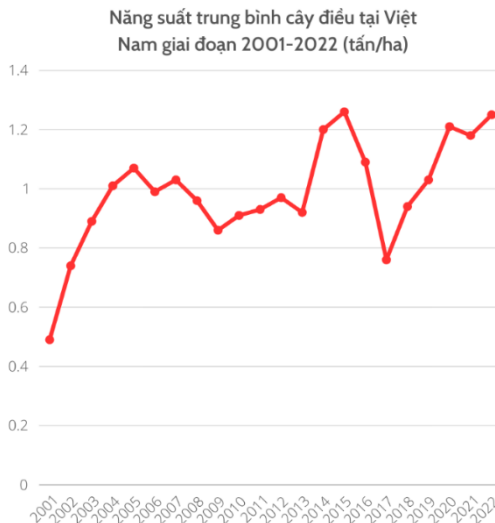
Việt Nam thực hiện các chương trình trồng mật độ cao, canh tác thương mại và hạt giống để đảm bảo năng suất cao. Ngành điều Việt Nam phát triển nhanh chóng do sự phát triển của công nghệ trong nước nhằm cắt giảm chi phí sản xuất và đảm bảo chất lượng. Việc Việt Nam tập trung vào công nghệ chế biến tiên tiến và cải tiến cơ giới hóa toàn bộ quá trình chế biến hạt điều đã dẫn đến tăng tỷ suất lợi nhuận bằng cách tiết kiệm lao động và mang lại sự nhất quán và khả năng cạnh tranh về chi phí.

Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, hiện nay đã và đang có rất nhiều DN kinh doanh, sản xuất điều tiến hành áp dụng công nghệ tự động hóa, công nghệ cao trong chuỗi quy trình sản xuất thành phẩm. Nhiều DN đã vay vốn chính sách và lấy tiền vốn của công ty để tân trang lại hệ thống vật tư phục vụ sản xuất như máy rang, tách hạt điều tự động, máy bắn màu.. điều này nhằm hạn chế sự lao động của sức người, tiết kiệm thời gian và chi phí sản xuất về

lâu về dài. Đây cũng chính là động thái cho thấy ngành điều Việt Nam đang chú trọng công nghệ trong tất cả các khâu, nhằm cho ra năng suất và sản lượng điều cao nhất phục vụ xuất khẩu.

Nhiều địa phương triển khai các mô hình thâm canh, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến nông dân như tỉa cành, tạo tán, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, giúp cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Vì vậy, nhiều hộ trồng điều có quy mô lớn thực hiện thâm canh tốt, chăm sóc đúng quy trình, đạt năng suất từ 30 đến 35 tạ/ha, cá biệt có nơi đạt từ 35 đến 50 tạ/ha, qua đó đưa năng suất cây điều của Việt Nam tăng trưởng tốt trong thời gian qua.

Bảng 21: Năng suất trung bình cây điều tại Việt Nam 2001 – 2022

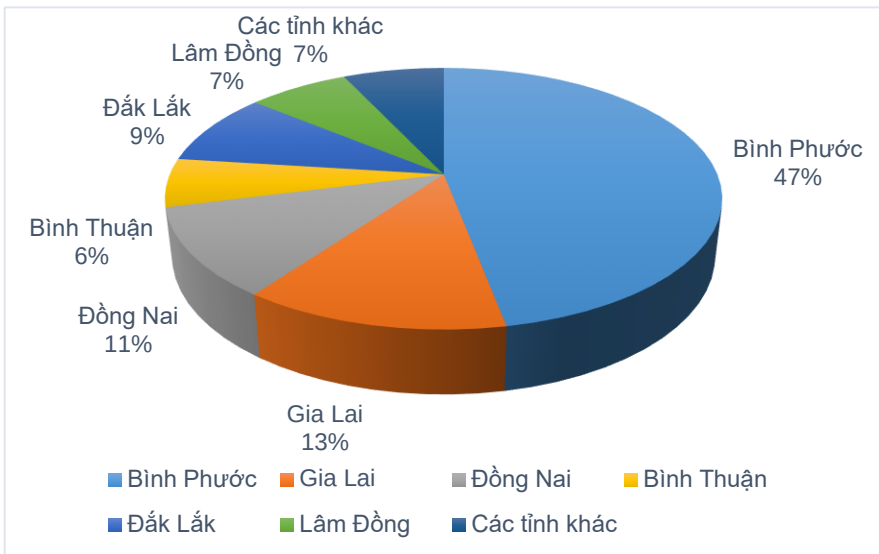


Nguồn: Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chiếm gần 50% diện tích và hơn 54% sản lượng điều của cả nước, Bình Phước được xem là “thủ phủ” của cây điều Việt Nam. Diện

tích cây điều toàn tỉnh Bình Phước hiện nay khoảng 170.000 ha, với sản lượng 243.000 tấn/năm. Điều Bình Phước cũng được đánh giá cao về chất lượng. Hiện nay, tỉnh Bình Phước cũng đã từng bước thành lập các hợp tác xã sản xuất nguyên liệu điều với chỉ dẫn địa lý được chứng nhận để cung cấp nguyên liệu đồng bộ cho thị trường; hình thành cụm ngành chế biến điều; tập trung thu hút chế biến sâu để đa dạng hóa sản phẩm. Đồng thời, đổi mới công nghệ chế biến bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; tăng cường cơ giới hóa trong sản xuất và chế biến điều thô. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đang đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ để tự động hóa chế biến hạt điều và chế biến chuyên sâu đem lại giá trị cao. Hiện nay trên địa bàn có 1.416 cơ sở chế biến điều, lớn nhất cả nước. Mỗi năm ngành công nghiệp chế biến điều của Bình Phước đóng góp từ 27-45% tổng kim ngạch xuất khẩu. Năm 2022, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu sản phẩm hạt điều của Bình Phước đạt 1,045 tỷ USD.

Bảng 22: Diện tích trồng điều của cả nước chia theo địa phương (đơn vị: %)



Nguồn: Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT

Sau chế biến, sản phẩm hạt điều của tỉnh Bình Phước xuất khẩu đến hơn 100 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới như châu Âu, Mỹ, Nhật, Australia, Trung Quốc..., chiếm khoảng 70% thị phần xuất khẩu của ngành điều thế giới, góp phần tạo công ăn việc làm thường xuyên cho khoảng 80.000 lao động tại các cơ sở chế biến hạt điều và lao động thu hái tại vườn.

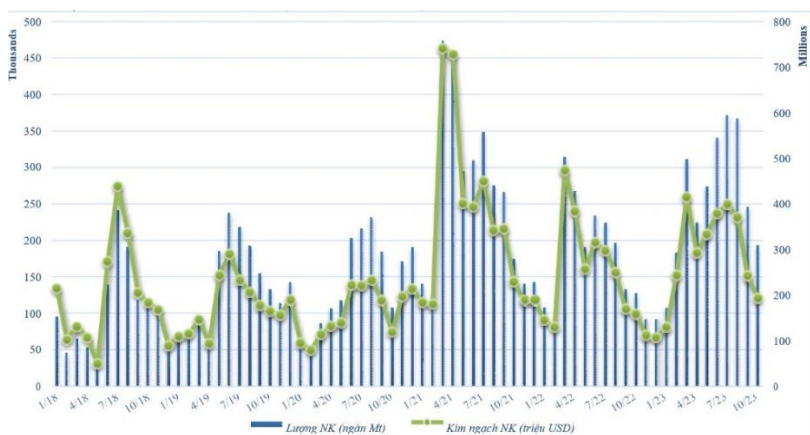
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã phê duyệt quy hoạch điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển ngành điều đến năm 2025 tầm nhìn 2030. Mục tiêu mà Bình Phước đặt ra là năm 2020 đến năm 2030, diện tích điều của tỉnh đạt từ 175.000-179.000ha, năng suất tăng từ 1,5 tấn/ha lên 2,1 tấn/ha; sản lượng từ 243.000 tấn năm 2020 lên 352.000 tấn vào năm 2030; giữ nguyên công suất chế biến hạt điều 500.000 tấn/năm; trong số đó chế biến sâu từ 10.000 tấn (năm 2020) lên 30.000 tấn vào năm 2030.

2. Tình hình chế biến

Năng lực chế biến điều ở Việt Nam rất lớn, nguồn cung hạt điều thô nội địa không đáp ứng đủ nhu cầu, do đó Việt Nam phải nhập khẩu hạt điều thô nguyên vỏ chủ yếu từ châu Phi. Lợi thế chính của các nước chế biến hạt điều hàng đầu như Việt Nam là sử dụng thiết bị tự động. Thông thường, một công nhân có thể cắt tơi 40 kg hạt trong mỗi ca hàng ngày, trong khi công suất chế biến của máy tự động có thể lên đến hơn 100 kg mỗi giờ. Kỹ thuật chế biến có tỷ lệ thu hồi nhân nguyên của Việt Nam đạt 85%-90%, trong khi Braxin và Ấn Độ chỉ đạt khoảng 60%.

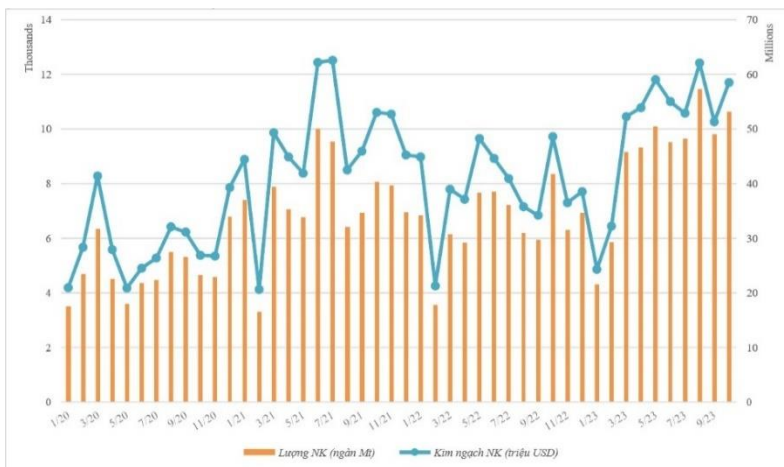
Theo Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas), cả nước có trên 3.000 cơ sở chế biến điều, trong đó, chỉ riêng Bình Phước, thủ phủ ngành điều Việt Nam, đã có tới 1.400 cơ sở. Số lượng nhà máy chế biến điều ở Việt Nam phát triển rất nhanh, hiện có khoảng 500 nhà máy chế biến điều có tổng công suất đạt hơn 4 triệu tấn (quy theo nguyên liệu hạt điều thô), bằng 50% tổng sản lượng điều thô toàn cầu.

Bảng 23: Khối lượng và kim ngạch nhập khẩu điều thô của Việt Nam (HS: 08013100) giai đoạn từ tháng 1/2018 đến tháng 10/2023



Nguồn: Vinacas

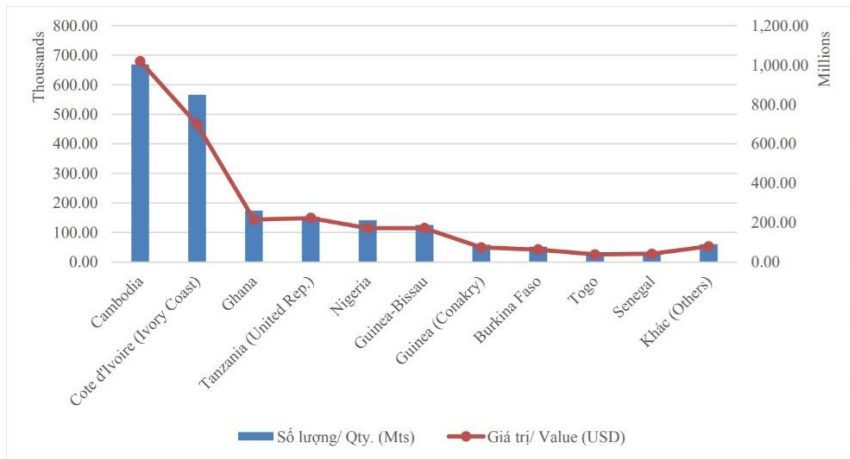
Bảng 24: Khối lượng và kim ngạch nhập khẩu điều nhân (vỏ lụa, nhân trắng) của Việt Nam (HS: 08013100, 08013200) giai đoạn từ tháng 1/2018 đến tháng 10/2023



Nguồn: Vinacas

Để tận dụng nhiều cơ sở tách vỏ, Việt Nam nhập khẩu hạt điều nguyên vỏ từ Bờ Biển Ngà, Campuchia, Tanzania, Ghana, Nigeria và các nước sản xuất khác. Dự kiến, nhập khẩu các loại hạt nguyên vỏ của Việt Nam từ Bờ Biển Ngà sẽ giảm dần do đầu tư vào các cơ sở chế biến ở nước này.

Bảng 25: Nhập khẩu điều thô từ các quốc gia của Việt Nam trong năm 2022



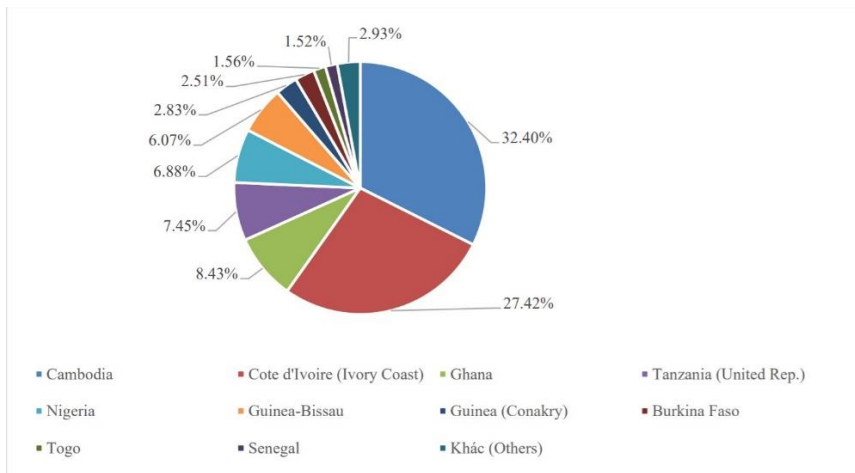
Nguồn: Vinacas

Tuy nhiên, nhập khẩu từ Campuchia hiện đang có xu hướng tăng. Các nhà chế biến Việt Nam đang ngày càng đầu tư nhiều hơn vào sản xuất các loại hạt còn nguyên vỏ của Campuchia. Bên cạnh đó, trong giai đoạn đại dịch COVID-19, tác động của đại dịch dẫn đến sự tăng cao cước phí vận chuyển điều thô từ châu Phi về Việt Nam, nhiều doanh nghiệp buộc phải chuyển hướng sang nhập khẩu điều thô từ Campuchia. Tuy nhiên, giai đoạn 2020-2021, thực tế lượng điều thô nhập khẩu vào Việt Nam từ Campuchia ở mức cao kỷ lục, mặc dù từ năm 2022 có chiều hướng giảm, tuy nhiên điều này vẫn làm dấy lên nỗi quan ngại và nghi ngờ khi tổng sản lượng nhập khẩu điều thô của Việt Nam quá nhiều, trong đó có vấn đề gian lận xuất xứ, khi điều thô

châu Phi “đội lốt” điều Campuchia để được hưởng thuế suất ưu đãi 0%.

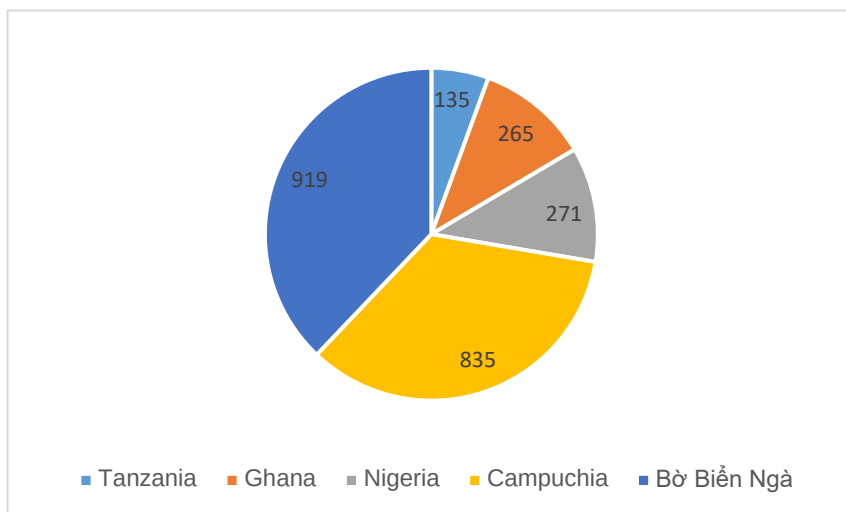
Hầu hết hạt điều có vỏ (nhân) do Việt Nam sản xuất được xuất khẩu, chỉ khoảng 5% được tiêu thụ trong nước. Trong chuỗi giá trị hạt điều toàn cầu, Việt Nam chủ yếu vẫn xuất khẩu điều nhân sơ chế giá trị thấp, khoảng 10 USD/kg, trong khi nhân điều thành phẩm đến tay người tiêu dùng ở các nước khoảng 30 USD/kg. Như vậy, Việt Nam chỉ chiếm khoảng 30% trong chuỗi giá trị ngành điều.

Bảng 26: Tỷ trọng nhập khẩu điều thô từ các thị trường của Việt Nam năm 2022 (Đơn vị: %)



Trong năm 2023, cơ cấu thị trường nhập khẩu điều năm nay có sự thay đổi. Việt Nam giảm nhập từ Campuchia và Tanzania nhưng tăng nhập từ Bờ Biển Ngà, Nigeria và Ghana.

Bảng 27: Nguồn nhập khẩu hạt điều chính cho Việt Nam 11 tháng đầu năm 2023 (triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cụ thể, lượng điều nhập khẩu từ Bờ Biển Ngà lên tới 850.000 tấn, giá trị đạt 919,3 triệu USD, tăng gần 87% về lượng và hơn 56% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

Ngược lại, điều nhập từ Campuchia giảm gần 14% về lượng và hơn 23% về giá trị, xuống còn 613.000 tấn, với khoảng 835 triệu USD. Dù giảm, Campuchia vẫn là thị trường cung cấp điều thô lớn thứ hai cho Việt Nam.

Năm nay, Việt Nam tăng nhập hạt điều thô do nguồn cung nội địa thấp, chỉ đáp ứng được khoảng 30% công suất chế biến. Hiện diện tích trồng điều của Việt Nam chỉ khoảng 300.000 ha. Ngoài ra, năm nay giá hạt điều nhập khẩu giảm mạnh nên doanh nghiệp tăng mua số lượng lớn.

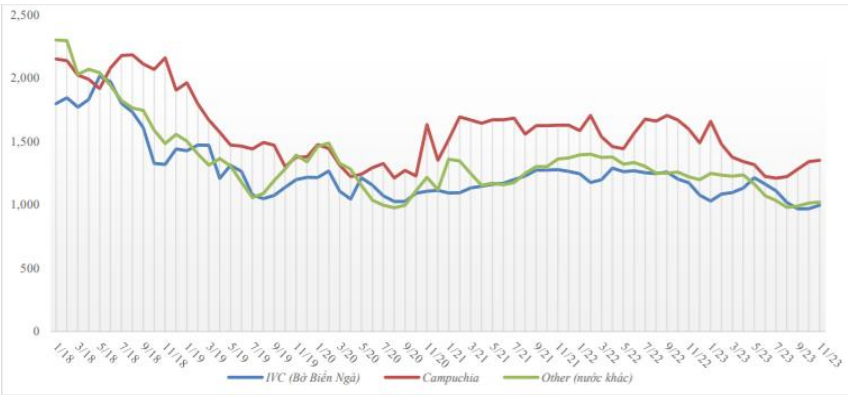
Giá nhập khẩu bình quân của các thị trường

Sau giai đoạn đạt đỉnh về giá nhập khẩu điều thô, từ đầu năm 2023 đến nay, giá nhập khẩu bình quân từ một số thị trường nguyên liệu chính của Việt Nam có xu hướng giảm tương đối mạnh. Theo đó, tính trung bình 11 tháng năm 2023, giá điều thô nhập khẩu từ Bờ Biển Ngà đạt 1.064,54 USD/tấn, giảm 13,67% so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, giá nguyên liệu nhập khẩu chất lượng cao nhất từ Campuchia đạt mức 1.357,36 USD/tấn, cũng giảm trung bình 15,13% so với năm trước. Một số thị trường nhập khẩu khác chứng kiến biên độ giảm giá còn cao hơn, đạt giá nhập khẩu trung bình là 1.082,61 USD/tấn, giảm 17,71%.

Bảng 28: Giá nhập khẩu bình quân hạt điều của các thị trường 11 tháng đầu năm 2023

Tháng/ Month	Bờ Biển Ngà/ IVC		Cambodia		Các nước khác/ Others	
	Giá NK (USD)	So cùng kỳ 2022 (%)	Giá NK (USD)	So cùng kỳ (%)	Giá NK (USD)	So cùng kỳ (%)
1	1,028.94	-17.30%	1,658.29	4.69%	1,246.38	-10.58%
2	1,084.30	-7.76%	1,476.97	-13.36%	1,234.23	-11.78%
3	1,095.96	-8.50%	1,374.55	-10.55%	1,224.62	-10.79%
4	1,131.50	-12.14%	1,339.28	-8.18%	1,235.04	-10.29%
5	1,213.31	-3.81%	1,315.70	-8.70%	1,163.76	-11.81%
6	1,162.57	-8.29%	1,222.61	-21.81%	1,072.34	-19.60%
7	1,109.57	-11.35%	1,210.04	-27.79%	1,032.60	-20.66%
8	1,016.91	-18.36%	1,220.58	-26.47%	978.80	-21.59%
9	967.54	-23.05%	1,280.90	-24.84%	988.98	-20.76%
10	968.69	-19.41%	1,339.54	-19.72%	1,012.76	-19.48%
11	996.06	-15.11%	1,350.25	-15.40%	1,019.75	-16.40%
Tr. bình:	1,064.54	-13.67%	1,357.36	-15.13%	1,082.61	-17.71%

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |



Nguồn: Vinacas

Bảng 29: Xếp hạng thị trường nhập khẩu điều thô vào Việt Nam theo các tháng năm 2023

Tháng/ Month	SL thị trường/ Numbers	Số lượng NK/ Volume (Mts.)		Top 10 thị trường NK lớn nhất/ Top 10 largest import markets
		Max	Min	
1	14	49,282.18	212.12	Tanzania, IVC, Nigeria, Guinea Bissau, Senegal, Ghana, Guinea Conakry, Indonesia, Cambodia, Benin
2	14	82,233.72	50.000	Cambodia, Tanzania, Guinea Bissau, Guinea Conakry, IVC, Mozambique, Benin, Nigeria, Ghana, Senegal
3	15	233,050.80	20.21	Cambodia, Tanzania, Mozambique, Guinea Bissau, IVC, Guinea Conakry, Ghana, Benin, Nigeria, Indonesia
4	15	165,769.99	0.003	Cambodia, Ghana, IVC, Mozambique, Guinea Bissau, Guinea Conakry, Nigeria, Tanzania, Burkina Faso, Senegal
5	13	104,915.80	215.46	IVC, Cambodia, Ghana, Nigeria, Togo, Guinea, Burkina Faso, Mozambique, Guinea Bissau, Senegal
6	16	114,509.99	27.20	IVC, Nigeria, Ghana, Cambodia, Burkina Faso, Togo, Guinea (Conakry), Guinea Bissau, Mozambique, Senegal
7	15	156,615.39	0.021	IVC, Nigeria, Ghana, Burkina Faso, Togo, Cambodia, Guinea Conakry, Senegal, Mozambique, Guinea Bissau
8	14	182,977.87	12.56	IVC, Nigeria, Ghana, Guinea Conakry, Burkina Faso, Senegal, Cambodia, Togo, Guinea Bissau, Gambia
9	15	128,469.61	199.80	IVC, Guinea Bissau, Nigeria, Guinea Conakry, Senegal, Ghana, Burkina Faso, Togo, Cambodia, Mali
10	17	88,664.72	15.876	IVC, Guinea-Bissau, Nigeria, Senegal, Guinea Conakry, Ghana, Indonesia, Benin, Togo, Mali, Cambodia
11	15	68,788.40	4.46	IVC, Guinea Bissau, Ghana, Nigeria, Senegal, Indonesia, Guinea Conakry, Cambodia, Gambia, Mali
Tr. bình năm		125,025.32	68.88	

(*)[Unknown] Điều thô NK không ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ,...

Nguồn: Vinacas

Một số hạn chế, khó khăn trong sản xuất hiện nay

Mặc dù hầu hết các nhà máy chế biến điều Việt Nam đều được cơ giới hóa, tuy nhiên mức độ chưa được đồng bộ và hiệu quả chưa cao. Các công đoạn sử dụng nhiều nhân công như cắt tách vỏ cứng, bóc vỏ lụa, phân loại chưa được tự động hóa hoàn toàn trong chu trình chế biến. Đồng thời nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu vận hành hiệu quả hệ thống máy móc hiện đại dẫn đến lãng phí. Cùng với đó, diện tích trồng điều còn manh mún, nhỏ lẻ nên khó áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

Bảng 30: Khối lượng, trị giá và thị phần nhập khẩu điều thô từ các thị trường của Việt Nam năm 2022

TT/ S/n	NƯỚC XUẤT KHẨU/ IMPORT ORIGINS	LƯỢNG/ VOLUME (Mts.)	TRỊ GIÁ/ VALUE (USD)	THỊ PHẦN/ SHARE (%)
***	Tổng cộng (World Total)	2,065,638.94	2,799,187,530.90	100.00%
1	Cambodia	669,292.62	1,019,856,919.05	32.40%
2	Cote d'Ivoire (Ivory Coast)	566,357.71	698,608,797.44	27.42%
3	Ghana	174,194.27	215,291,712.53	8.43%
4	Tanzania (United Rep.)	153,881.44	223,336,885.60	7.45%
5	Nigeria	142,069.39	171,782,253.96	6.88%
6	Guinea-Bissau	125,397.13	172,714,207.90	6.07%
7	Guinea (Conakry)	58,539.18	74,256,126.81	2.83%
8	Burkina Faso	51,896.61	63,326,485.23	2.51%
9	Togo	32,126.14	38,483,490.72	1.56%
10	Senegal	31,452.16	41,689,034.42	1.52%
11	Indonesia	26,102.91	35,534,621.06	1.26%
12	Mozambique	18,165.24	23,083,927.83	0.88%
13	[Unknown]	6,127.11	8,685,460.83	0.30%
14	Benin	2,767.78	3,611,633.40	0.13%
15	Thailand	1,795.62	2,328,915.79	0.09%
16	Laos	1,610.39	1,820,065.41	0.08%
17	Gambia	1,608.71	2,105,631.79	0.08%
18	Niger Republic	1,231.09	1,488,552.55	0.06%
19	India	495.80	480,895.00	0.02%
20	Brazil	364.00	480,200.00	0.02%
21	Sierra Leone	163.66	221,691.50	0.01%
22	Philippines	0.003	22.10	0.0000001%
---End of list---				

(*) Ghi chú: [Unknown] – không rõ "nước xuất xứ".

Nguồn: Vinacas

Việt Nam cũng chưa chủ động được nguồn cung nguyên liệu, phải nhập khẩu phần lớn điều thô để chế biến, nhiều nhất là từ châu Phi. Trong khi đó, các giao dịch xuất, nhập khẩu thường phải thông qua trung gian nên bị động về giá thành. Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, giai đoạn 2015 – 2020, nhập khẩu hạt điều của Việt Nam tăng trưởng bình quân 12,76%/năm (tính theo lượng) và tăng

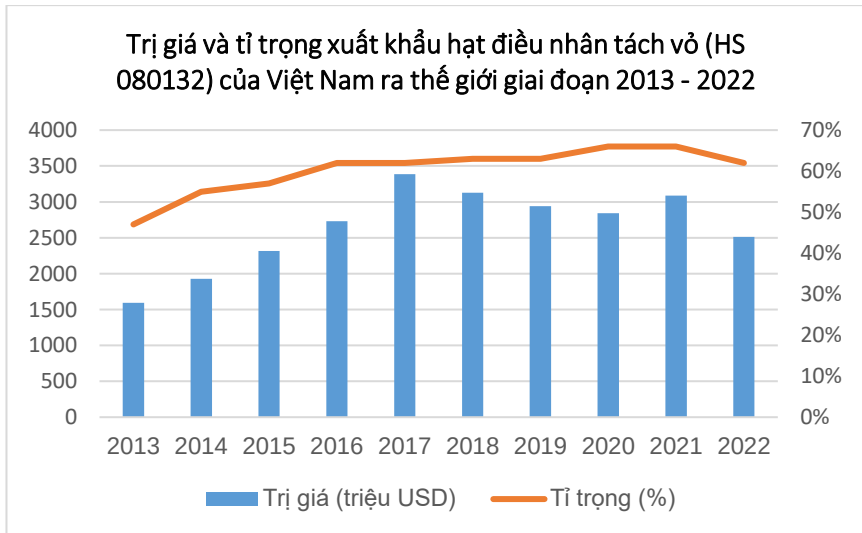
13,8%/năm (tính theo trị giá), từ 855,8 nghìn tấn, trị giá 1,13 triệu USD năm 2015 tăng lên 1,45 triệu tấn, trị giá 1,81 triệu USD năm 2020. Như vậy, Việt Nam phải nhập khẩu một lượng hạt điều lớn hơn gấp 3 lần so với lượng xuất khẩu. Nhập khẩu nguyên liệu hạt điều thô kéo theo nhiều tiềm ẩn trong vấn đề thanh toán quốc tế. Nhiều doanh nghiệp đã kí kết nhập khẩu nhưng không thực hiện hoặc trì hoãn giao hàng. Doanh nghiệp chế biến trong nước buộc phải hủy đơn hàng xuất khẩu do không đủ nguyên liệu. Điều này ảnh hưởng lớn đến uy tín của doanh nghiệp.

II. Thực trạng xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Vương quốc Anh

1. Phân tích tổng quan xuất khẩu mặt hàng hạt điều của Việt Nam

Xuất khẩu điều từng lập kỷ lục về giá trị vào năm 2021, với 3,63 tỷ USD. Năm 2022, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt hơn 519 ngàn tấn, trị giá 3,08 tỷ USD, giảm 10,3% về lượng, giảm 15,1% về giá trị so với năm 2021. Việt Nam tiếp tục giữ vững vị trí số 1 thế giới 16 năm liền về xuất khẩu điều nhân khi chiếm tới 80% tổng sản lượng toàn cầu.

Bảng 31: Trị giá và tỉ trọng xuất khẩu hạt điều nhân tách vỏ (HS 080132) của Việt Nam ra thế giới giai đoạn 2013 - 2022

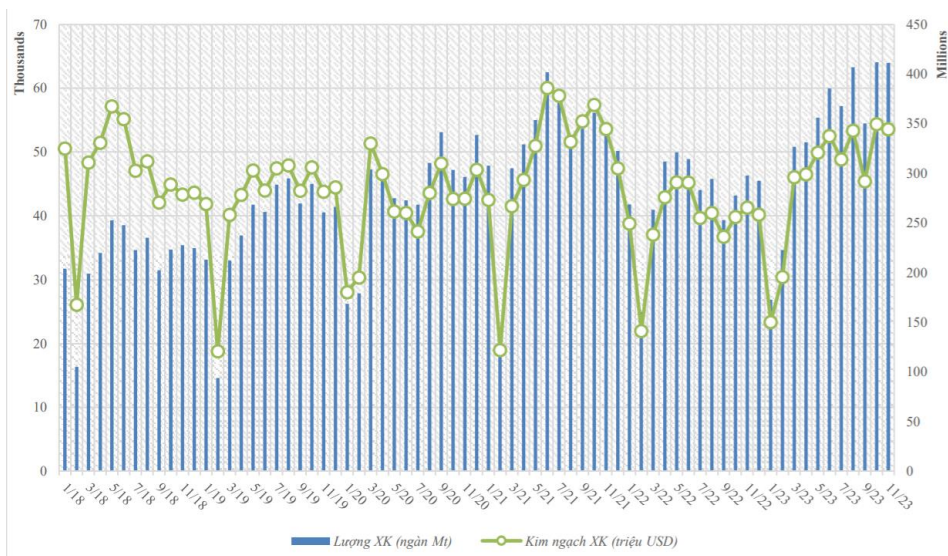


Nguồn: TradeMap ITC

Tính chung 11 tháng năm 2023, xuất khẩu hạt điều của nước ta ước đạt 582 nghìn tấn, trị giá 3,24 tỷ USD, tăng 22,94% về lượng

và tăng 17,56% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Đây là con số khá ấn tượng, sau năm 2022 ngành sản xuất và xuất khẩu hạt điều của Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Như vậy, chỉ trong 11 tháng đầu năm nay, ngành điều Việt Nam đã về đích và vượt kế hoạch đề ra từ đầu năm.

Bảng 32: Lượng và giá trị xuất khẩu hạt điều của Việt Nam theo tháng giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Vinacas

Về giá xuất khẩu bình quân, lũy kế 11 tháng năm 2023, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam đạt mức 5.582 USD/tấn, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 33: Giá bình quân hạt điều

Tháng (Month)	Lượng XK/ Volume (Mt)	So cùng kỳ 2022 (%)	Kim ngạch XK/ Turnover (USD)	So cùng kỳ (%)	Giá XK BQ/ Price (USD)	So cùng kỳ (%)
1	26,910.09	-35.57%	150,418,130.66	-39.64%	5,589.66	-6.32%
2	34,638.97	38.77%	195,894,953.39	38.56%	5,655.33	-0.15%
3	50,794.61	24.07%	296,096,377.83	24.32%	5,829.29	0.20%
4	51,514.11	6.20%	299,001,769.74	8.45%	5,804.27	2.12%
5	55,380.37	10.91%	320,695,236.21	10.23%	5,790.77	-0.61%
6	59,947.33	22.68%	337,590,298.75	16.18%	5,631.45	-5.29%
7	57,201.88	29.90%	314,057,361.07	23.19%	5,490.33	-5.16%
8	63,285.48	38.25%	342,895,344.00	31.90%	5,418.23	-4.59%
9	54,469.47	38.59%	291,744,752.23	23.67%	5,356.12	-10.77%
10	64,067.84	48.45%	349,419,057.21	36.56%	5,453.89	-8.01%
11	63,968.70	38.13%	344,480,682.36	29.87%	5,385.14	-5.98%

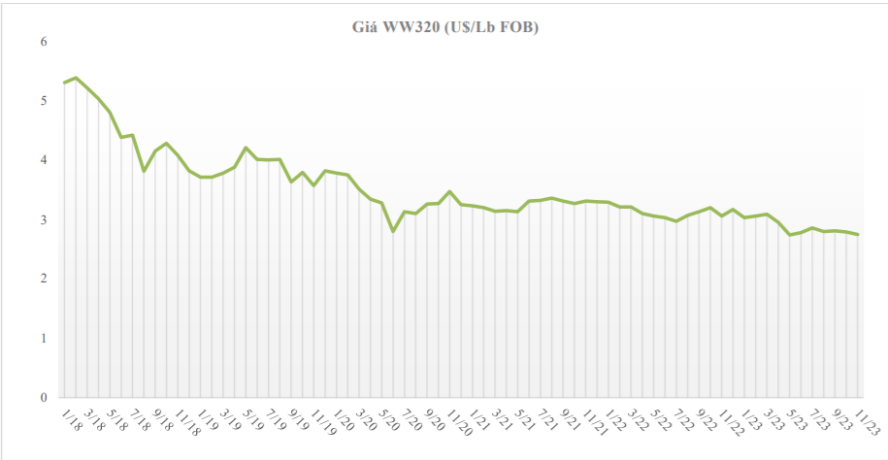
Nguồn: Vinacas

T. cộng	582,178.85	22.94%	3,242,293,963.42	17.56%	5,582.23	-4.10%
K. hoạch XK (*)	510,000.00	-1.74%	3,100,000,000.00	2.78%	6,078.43	4.64%
So với K. hoạch	đạt 114.15 % so với kế hoạch năm		104.59 %		91.84 %	

(*) Căn cứ đề xuất chỉ tiêu XNK năm 2023 của VINACAS (tháng 1/ 2023).

Về cơ cấu chủng loại, Việt Nam xuất khẩu chủ yếu chủng loại hạt điều W320, W240, W180, tỷ trọng chiếm 63,51% tổng lượng và 69,84% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Với chủng loại điều W320, có thể thấy giá trung bình xuất khẩu có xu hướng giảm dần qua các năm, khi điều nhân loại 1 của Việt Nam đang gặp ngày càng nhiều cạnh tranh từ các quốc gia xuất khẩu lớn tại châu Phi.

Bảng 34: Diễn biến giá hạt điều W320 xuất khẩu giai đoạn 2018 – 2023



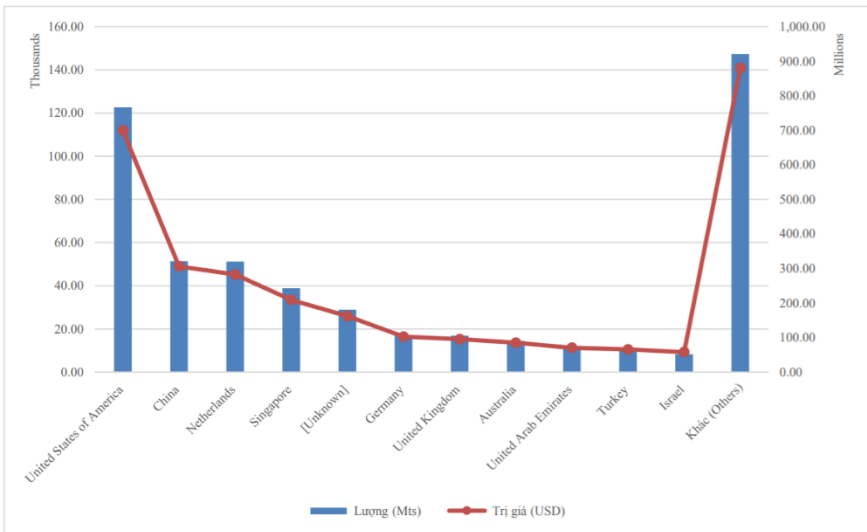
Tháng (Month)	Giá WW320 (USD/ Lb FOB Vietnam)			So BQ cùng kỳ 2022 (%)	So với Ấn Độ 2023 (%)	Ghi chú (*)
	Cao nhất/Max	Thấp nhất/ Min	Giá bình quân: cao & thấp/ Aver. Price			
1	3.76	2.30	3.03	-7.83%	-8.11%	DN FDI thấp
2	3.53	2.60	3.06	-4.53%	-7.14%	Nt
3	3.63	2.55	3.09	-3.76%	-6.38%	Nt
4	3.40	2.50	2.95	-4.81%	-10.03%	Nt
5	3.29	2.20	2.74	-10.32%	-12.88%	Nt
6	3.33	2.22	2.78	-8.35%	-8.95%	Nt
7	3.31	2.40	2.86	-3.85%	-4.81%	Nt
8	3.25	2.35	2.80	-8.83%	-6.70%	Nt
9	3.27	2.35	2.81	-10.29%	-9.42%	Nt
10	3.22	2.35	2.79	-12.96%	-12.96%	Nt
11	3.20	2.30	2.75	-10.17%	-9.87%	Nt
Tr. bình kỳ b/c	3.38	2.37	2.88	-7.79%	-8.85%	Làm tròn số

Nguồn: Vinacas

Riêng trong năm 2023, biên độ giao động giá FOB của sản phẩm W320 từ Việt Nam là từ 2.37-3.38 USD/Lb, với giá bình quân 11 tháng đạt 2.88 USD/Lb. Như vậy so với bình quân cùng kỳ năm 2022 – năm sản xuất và xuất khẩu khó khăn nhất của ngành điều trong nước nhiều năm trở lại đây, giá xuất khẩu W320 trung bình đã giảm 7,79%. Nếu so sánh với đối thủ cạnh tranh lớn là Ấn Độ, cùng thời gian này giá W320 của Ấn Độ đã giảm 8,85%.

Về thị trường xuất khẩu

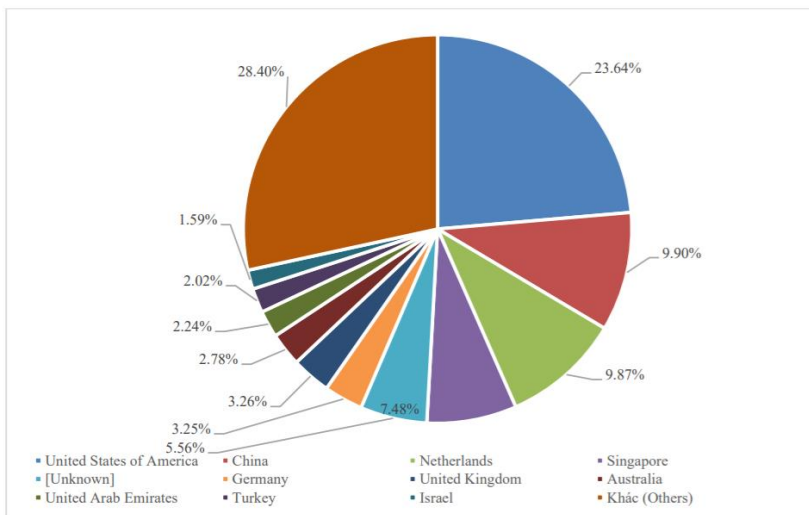
Bảng 35: Thị trường xuất khẩu hạt điều chính của Việt Nam trong năm 2022



ngành điều Việt Nam, với lượng ước đạt 11,7 ngàn tấn, với trị giá gần 700 triệu USD, chiếm 23,64% thị phần xuất khẩu hạt điều của Việt Nam ra toàn thế giới. Đứng thứ hai là Trung Quốc, với lượng xuất khẩu đạt 51,4 ngàn tấn, đạt giá trị hơn 306 triệu USD, chiếm 9,9% thị phần xuất khẩu. Đối tác đứng ở vị trí thứ 3 là Hà Lan, với lượng đạt 51,2 ngàn tấn, trị giá xuất khẩu đạt 282,7 triệu USD, thị phần chiếm

9,87%. Các vị trí tiếp theo lần lượt là Singapore, CHLB Đức, Vương quốc Anh, Australia...

Bảng 36: 10 thị trường xuất khẩu điều nhân lớn nhất của Việt Nam 2022



*10 thị trường XK điều nhân lớn nhất của Việt Nam năm 2022
(Top10/ Vietnam's cashew kernel export markets in 2022)*

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh

TT/ S/n	THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU (Export market)	LƯỢNG/ Quantity (Mt)	GIÁ TRỊ/ Value (USD)	THỊ PHẦN/ Share (%)
***	Tổng cộng (World Total)	519,029.07	3,016,074,980.05	100.00%
1	United States of America	122,677.16	699,527,338.92	23.64%
2	China	51,392.27	306,098,915.00	9.90%
3	Netherlands	51,217.38	282,655,850.75	9.87%
4	Singapore	38,830.42	208,832,484.61	7.48%
5	[Unknown]	28,871.99	161,868,967.94	5.56%
6	Germany	16,853.57	102,559,908.09	3.25%
7	United Kingdom	16,915.24	95,419,962.13	3.26%
8	Australia	14,436.18	84,960,034.32	2.78%
9	United Arab Emirates	11,649.43	70,340,561.94	2.24%
10	Turkey	10,490.18	65,468,376.40	2.02%
11	Israel	8,268.80	58,195,512.32	1.59%
12	Saudi Arabia	8,216.76	50,869,006.00	1.58%
13	Spain	7,741.26	49,400,038.12	1.49%
14	Thailand	7,997.03	47,418,385.42	1.54%
15	France	6,434.97	43,250,054.83	1.24%
16	Canada	8,699.60	42,180,528.24	1.68%
17	Italy	7,709.66	41,047,753.53	1.49%
18	Iraq	6,135.61	39,068,273.54	1.18%
19	Japan	5,944.25	38,482,957.58	1.15%
20	Russian Federation	6,587.14	38,095,920.46	1.27%
21	Jordan	5,091.56	34,313,427.44	0.98%
22	Belgium	4,525.03	27,381,800.64	0.87%
23	Iran (Islamic Rep.)	3,874.55	24,963,002.38	0.75%
24	Korea (Republic)	3,735.96	24,589,343.67	0.72%
25	Taiwan	3,420.05	23,978,431.54	0.66%
26	Egypt	2,883.39	22,609,666.39	0.56%
27	Finland	3,158.52	21,313,188.94	0.61%
28	Lithuania	3,083.79	18,881,464.17	0.59%
29	Greece	2,912.85	18,221,828.80	0.56%
30	New Zealand	2,656.06	15,724,347.56	0.51%
31	India	2,826.05	15,505,707.01	0.54%
32	Papua New Guinea	4,079.92	14,449,334.39	0.79%
33	Poland	2,268.71	13,648,489.85	0.44%
34	Lebanon	1,925.72	13,334,985.82	0.37%
35	Libyan Arab Jamahiriya	1,997.41	13,105,375.06	0.38%
36	Indonesia	3,996.25	12,546,141.44	0.77%
37	Pakistan	1,927.47	12,253,904.71	0.37%
38	Philippines	2,410.90	12,047,330.16	0.46%
39	Bangladesh	1,858.56	11,460,195.65	0.36%
40	Algeria	1,769.41	10,964,867.05	0.34%
41	HongKong	1,367.97	10,234,650.09	0.26%
42	Morocco	1,536.33	10,012,446.22	0.30%
43	South Africa	1,237.05	7,378,223.38	0.24%
44	Kazakhstan	1,179.64	7,145,285.04	0.23%
45	Norway	1,059.10	6,524,857.76	0.20%
46	Georgia	915.15	6,434,046.41	0.18%
47	Croatia (Hrvatska)	1,014.60	6,203,772.87	0.20%
48	Sweden	1,007.88	5,960,813.25	0.19%

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

49	Malaysia	1,021.10	5,744,335.44	0.20%
50	Mexico	832.48	5,543,208.83	0.16%
51	Estonia	816.40	4,964,151.52	0.16%
52	Cambodia	1,337.06	3,972,260.85	0.26%
53	Trinidad & Tobago	533.98	3,344,240.00	0.10%
54	Romania	542.23	3,299,149.00	0.10%
55	Kuwait	423.07	2,987,838.28	0.08%
56	Bulgaria	447.56	2,894,391.31	0.09%
57	Argentina	591.39	2,367,782.67	0.11%
58	Guatemala	394.94	2,248,532.66	0.08%
59	Ukraine	307.63	1,937,507.94	0.06%
60	Brazil	335.03	1,786,909.06	0.06%
61	Latvia	296.16	1,752,909.12	0.06%
62	Portugal	285.77	1,698,400.04	0.06%
63	Dominican Republic	272.91	1,662,972.16	0.05%
64	Venezuela	269.64	1,614,021.50	0.05%
65	Denmark	301.92	1,611,700.01	0.06%
66	Chile	232.06	1,482,571.24	0.04%
67	Nepal	277.66	1,373,217.15	0.05%
68	El Salvador	182.49	1,309,647.32	0.04%
69	Kyrgyzstan	201.49	1,273,345.31	0.04%
70	Yemen	172.30	1,204,016.74	0.03%
71	Uzbekistan	145.21	1,087,275.00	0.03%
72	Hungary	174.64	1,062,766.00	0.03%
73	Qatar	160.96	1,027,372.80	0.03%
74	Slovenia	159.21	1,011,630.00	0.03%
75	Honduras	146.71	745,646.36	0.03%
76	Oman	116.32	696,266.46	0.02%
77	Tunisia	90.53	673,936.08	0.02%
78	Andorra	109.62	655,243.40	0.02%
79	Switzerland	97.17	569,109.83	0.02%
80	Costa Rica	103.05	537,851.92	0.02%
81	Bahrain	95.22	505,224.83	0.02%
82	Belarus	75.91	485,949.60	0.01%
83	Senegal	77.11	477,700.00	0.01%
84	Cuba	63.50	387,800.00	0.01%
85	Ireland	61.63	351,440.00	0.01%
86	Czech Republic	47.90	295,230.01	0.01%
87	Cayman Islands	43.77	247,850.00	0.01%
88	Korea (Democratic Peoples Rep.)	32.21	221,300.00	0.01%
89	Swaziland	31.75	208,460.01	0.01%
90	Dominica	27.22	164,999.99	0.01%
91	Serbia	31.75	163,450.00	0.01%
92	Peru	23.81	160,650.00	0.005%
93	Nicaragua	24.95	155,100.00	0.005%
94	Afganistan	30.40	145,200.00	0.01%
95	Sri Lanka	24.88	136,877.00	0.005%
96	Jamaica	17.01	127,234.80	0.003%
97	Malta	15.88	118,707.12	0.003%
98	Cyprus	15.00	110,600.00	0.003%
99	Liechtenstein	17.00	99,450.00	0.003%
100	Macau	15.88	91,000.00	0.003%

Cẩm nang xuất khẩu hạt điều sang thị trường Vương Quốc Anh |

101	Montenegro	15.88	86,887.50	0.003%
102	Azerbaijan	11.00	60,500.00	0.002%
103	Bolivia	9.01	53,188.50	0.002%
104	Mauritius	7.99	49,868.54	0.002%
105	Maldives	6.50	42,330.00	0.001%
106	Reunion	3.06	23,065.56	0.001%
107	Fiji	3.06	19,687.37	0.001%
108	Martinique	1.70	11,130.14	0.0003%
109	Ghana	30.68	6,135.20	0.01%
--End of list--				

(*) Ghi chú: [Unknown] – không có thị trường đích (phần lớn là hàng gửi vào kho ngoại quan).

Thị trường Hoa Kỳ luôn là thị trường xuất khẩu hạt điều nhân lớn nhất của Việt Nam ra thế giới. Tính đến hết tháng 11/2023, tổng lượng xuất khẩu hạt điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 114,7 ngàn tấn, với kim ngạch đạt 630 triệu USD, tăng 2,31% về sản lượng và giảm 3,13% về kim ngạch.

Bảng 37: Xuất khẩu điều sang Hoa Kỳ

Tháng (Month)	Lượng XK (Mt)	Kim ngạch XK (USD)	So với cùng kỳ 2022		Xếp hạng thị trường	Ghi chú
			Lượng XK (%)	Kim ngạch XK (%)		
1	5,766	32,009,623	-49.55%	-50.06%	1	
2	7,107	40,510,879	-11.60%	-5.65%	1	
3	10,980	64,067,869	0.25%	7.47%	1	
4	11,164	62,053,247	-14.54%	-11.87%	1	
5	11,926	67,075,674	-2.88%	-3.88%	1	
6	13,275	74,739,346	29.67%	25.36%	1	
7	12,231	67,364,754	46.66%	37.15%	1	
8	12,147	64,296,355	34.27%	24.47%	1	
9	9,136	47,751,915	5.09%	-8.48%	2	
10	10,035	53,351,382	0.84%	-11.32%	2	
11	10,939	56,822,750	8.51%	-3.13%	2	Nt
T. cộng	114,706	630,043,792	2.31%	-1.28%		

Thị trường Trung Quốc đứng ở vị trí thứ hai trong số các thị trường xuất khẩu trọng điểm của hạt điều Việt Nam. Với thị trường Trung Quốc, xuất khẩu thường mang tính mùa vụ do giai đoạn đầu năm và tết Nguyên đán Âm lịch, lượng nhập khẩu thường thấp hơn so với thời điểm giữa năm. Trong 11 tháng đầu năm 2023, có thể thấy xuất khẩu hạt điều sang Trung Quốc có bước tăng trưởng rất mạnh, khi đạt 68,3 ngàn tấn và 396,9 triệu USD, tăng lần lượt 43,73% và 39,57% so với cùng kỳ năm 2022.

Bảng 38: Xuất khẩu điều sang Trung Quốc

Tháng/ (Month)	Lượng XK (Mt)	Kim ngạch XK (USD)	So với cùng kỳ 2022		Xếp hạng thị trường	Ghi chú
			Lượng XK (%)	Kim ngạch XK (%)		
1	1,170	6,340,005	-19.02%	-24.31%	7	Tết Á.L.
2	2,525	14,848,330	103.97%	81.78%	3	
3	4,015	26,068,679	62.29%	67.95%	2	
4	3,986	26,655,145	17.53%	24.06%	4	
5	5,733	36,650,249	21.02%	17.65%	2	
6	6,351	35,902,451	3.20%	-3.16%	2	
7	4,665	25,588,671	8.31%	-2.44%	4	
8	7,900	43,611,063	26.02%	31.76%	2	
9	8,917	49,999,263	104.62%	92.73%	1	
10	11,598	66,307,539	72.67%	66.65%	1	
11	11,483	64,938,374	77.78%	72.99%	1	Nt
T. cộng	68,343	396,909,766	43.73%	39.57%		

Thị trường EU với nhiều quốc gia nhập khẩu lớn như CHLB Đức, Hà Lan, Bỉ, Pháp... luôn chiếm vai trò hết sức quan trọng trong xuất khẩu của ngành điều Việt Nam. Nếu tính chung cả khối (bao gồm 27 quốc gia), EU hiện nay là thị trường lớn thứ 2 của hạt điều Việt

Nam, chiếm trên 23% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu điều cả nước. Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan, giai đoạn 2015 – 2020, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang EU ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao, bình quân 11,72%/năm tính theo lượng và 9,91% tính theo trị giá, từ 68,4 nghìn tấn, trị giá 501,67 triệu USD năm 2015 tăng lên mức cao nhất 117,45 nghìn tấn, trị giá 756,16 triệu USD vào năm 2020. Đáng chú ý, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang hầu hết các thị trường thành viên EU đều tăng mạnh.

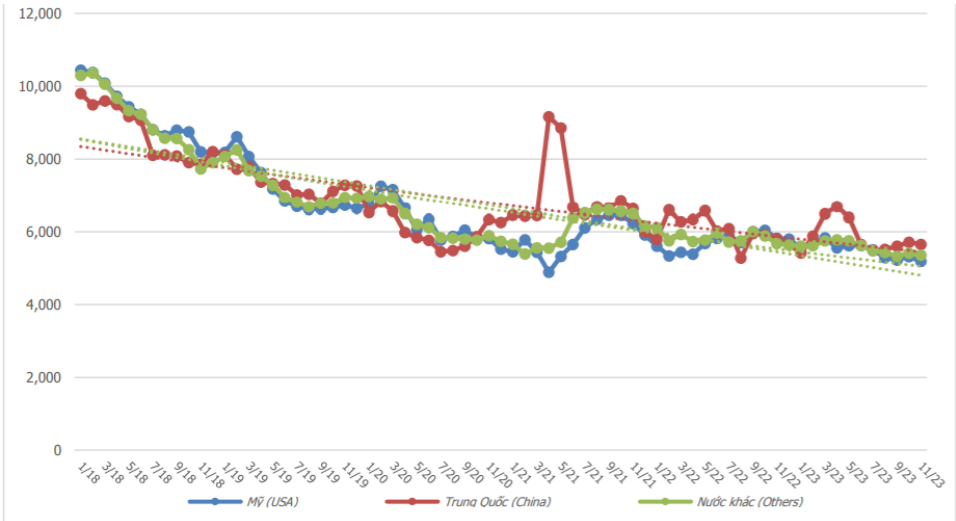
Tháng (Month)	Lượng XK (Mt)	Kim ngạch XK (USD)	So cùng kỳ 2022		Xếp hạng thị trường	Ghi chú
			Lượng XK (%)	Kim ngạch XK (%)		
1	19,974	112,068,503	-30.87%	-36.59%	N/A	
2	25,007	140,535,745	59.43%	55.67%	N/A	
3	35,800	205,959,830	30.11%	26.33%	N/A	
4	36,364	210,293,378	13.45%	14.41%	N/A	
5	37,722	216,969,314	14.60%	14.19%	N/A	
6	40,321	226,948,503	24.16%	17.06%	N/A	
7	40,305	221,103,936	28.40%	23.12%	N/A	
8	43,239	234,987,926	41.95%	34.12%	N/A	
9	36,416	193,993,575	38.73%	22.95%	N/A	
10	42,435	229,760,137	60.19%	47.35%	N/A	
11	41,547	222,719,559	39.56%	31.74%	N/A	
T. cộng	399,130	2,215,340,405	27.15%	20.71%	N/A	

Về diễn biến giá xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang các thị trường, nhìn chung đều có xu hướng giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung 11 tháng đầu năm 2023, giá điều xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 5.493 USD/tấn, giảm 3,72% so với năm trước; trong khi

giá xuất khẩu sang Trung Quốc đạt khoảng 5.808 USD/tấn, giảm 4,17%; còn giá xuất khẩu sang EU và các nước khác trung bình đạt 5.550 USD/tấn, giảm 5,08%.

Tháng (Month)	MỸ		TRUNG QUỐC		EU và các nước khác	
	Giá XK (USD)	So cùng kỳ 2022 (%)	Giá XK (USD)	So cùng kỳ (%)	Giá XK	So cùng kỳ (%)
1	5,552	-1.02%	5,418	-6.54%	5,611	-8.26%
2	5,700	6.73%	5,880	-10.91%	5,620	-2.37%
3	5,835	7.20%	6,493	3.47%	5,753	-2.92%
4	5,558	3.12%	6,688	5.55%	5,783	0.84%
5	5,624	-1.03%	6,393	-2.78%	5,752	-0.35%
6	5,630	-3.32%	5,653	-6.16%	5,629	-5.72%
7	5,507	-6.49%	5,485	-9.92%	5,486	-4.11%
8	5,293	-7.30%	5,520	4.55%	5,435	-5.52%
9	5,227	-12.91%	5,607	-5.83%	5,327	-11.38%
10	5,317	-12.07%	5,717	-3.48%	5,414	-8.01%
11	5,194	-10.73%	5,655	-2.69%	5,361	-5.61%
Tr. bình năm	5,493	-3.72%	5,808	-4.17%	5,550	-5.08%

Bảng 39:



2. Phân tích tình hình xuất khẩu mặt hàng điều của Việt Nam sang thị trường Vương quốc Anh

Về giá trị xuất khẩu, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu hạt điều nhân tách vỏ có trị giá lớn nhất sang thị trường Vương quốc Anh, với giá trị thường trên 100 triệu USD/năm. Trong vòng 10 năm qua, trị giá xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường bạn đã tăng 2,7 lần. Xuất khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt đỉnh vào giai đoạn 2017 – 2018, sau đó có xu hướng giảm tương đối mạnh các năm tiếp theo trùng với thời kỳ Brexit và đỉnh dịch COVID-19. Từ năm 2022 trở lại đây, xuất khẩu hạt điều sang thị trường Anh phục hồi lại đà tăng trưởng, trong đó, kim ngạch xuất khẩu năm 2022 đạt 130 triệu USD, tăng 32,6% so với năm trước và đạt 90% so với năm có kim ngạch xuất khẩu cao nhất (năm 2017 đạt 144 triệu USD).

Bảng 40: Giá trị xuất khẩu hạt điều từ Việt Nam sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 – 2022 (đơn vị: triệu USD)

Năm	Tổng giá trị	Tách vỏ	Chưa tách vỏ
2013	48	0.6	47
2014	73	0.5	72
2015	97	0.6	96
2016	118	0.7	117
2017	144	1.5	143
2018	139	1.6	138
2019	118	1	117
2020	92	0.6	91
2021	98	0.4	98
2022	130	0.3	130

Nguồn: Tính toán số liệu từ ITC TradeMap

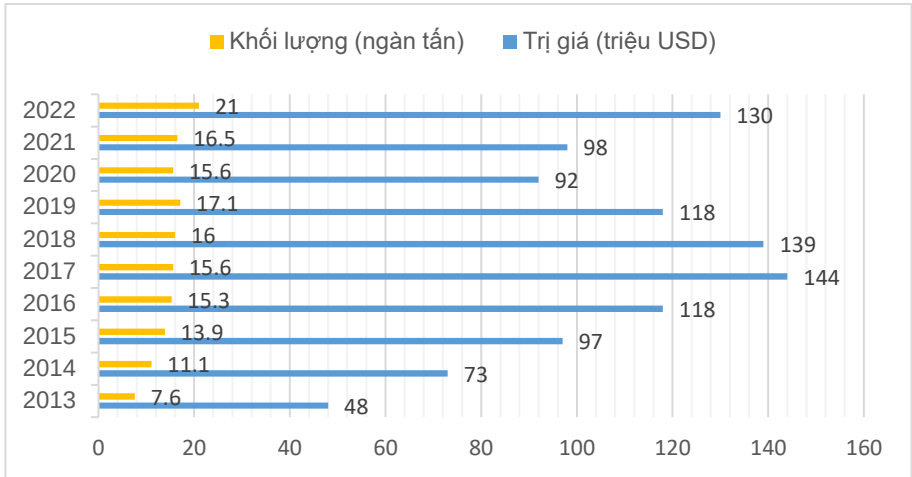
Về khối lượng xuất khẩu, Việt Nam cũng là quốc gia xuất khẩu đa số mặt hàng hạt điều vào thị trường Vương quốc Anh hàng năm, với tổng khối lượng trung bình trên 15 ngàn tấn/năm. Số lượng xuất khẩu tương đối ổn định qua các năm, tuy nhiên năm 2022 có lượng tăng đột biến, đạt 21 ngàn tấn, tăng 27% so với năm 2021 và tăng 276% so với 10 năm trước đó.

Bảng 41: Khối lượng xuất khẩu hạt điều từ Việt Nam sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 – 2022 (đơn vị: tấn)

Năm	Tổng khối lượng	Nguyên vỏ	Tách vỏ
2013	7617	80	7537
2014	11065	64	11001
2015	13897	79	13818
2016	15263	134	15129
2017	15618	143	15475
2018	16020	176	15844
2019	17100	131	16969
2020	15600	84	15516
2021	16540	50	16490
2022	21007	33	20974

Nguồn: Tính toán số liệu từ ITC TradeMap

Bảng 42: Lượng và trị giá xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Vương quốc Anh giai đoạn 2013 - 2022



Nguồn: Tính toán số liệu từ ITC TradeMap

Về cơ cấu sản phẩm, đại đa số hạt điều xuất khẩu sang Vương quốc Anh từ Việt Nam đều là hạt điều chế biến tách vỏ, chiếm trung bình trên 99% về cả khối lượng và trị giá xuất khẩu. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy mô và khả năng chế biến hạt điều trong nước, gia tăng giá trị cho sản phẩm xuất khẩu, cũng như giảm thiểu rủi ro về vệ sinh và dư lượng chất cấm có trong vỏ hạt điều. Bên cạnh đó, xuất khẩu hạt điều nguyên vỏ có xuất xứ từ Việt Nam có xu hướng giảm dần qua các năm và chiếm tỉ trọng không đáng kể trong cơ cấu sản phẩm.

Về tỉ trọng hạt điều Việt Nam trong tổng nhập khẩu sản phẩm của Vương quốc Anh, có thể khẳng định Việt Nam là nhà cung ứng lớn nhất và không thể thay thế đối với cả hai chủng loại hạt điều tách vỏ và không tách vỏ tại thị trường bạn. Về khối lượng, tổng nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam chiếm khoảng 70% tổng lượng nhập khẩu

của Vương quốc Anh; trong đó riêng năm 2022, con số này lên đến 90,8% trong năm 2023. Về giá trị, tổng nhập khẩu từ Việt Nam cũng chiếm trên 65% lượng nhập khẩu hạt điều hàng năm của Vương quốc Anh, trong đó riêng năm 2022, tỉ lệ này đạt 89,2%.

Bảng 43: Tỉ trọng khối lượng hạt điều nhập khẩu từ Việt Nam trong tổng cơ cấu hạt điều nhập khẩu hàng năm của Anh

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng hạt điều	65,3%	68,8%	69,1%	74,8%	72,9%	69,6%	70,1%	90,8%
Nguyên vỏ	65,5%	68,8%	69,5%	75,1%	72,9%	69,7%	70,8%	90,8%
Tách vỏ	39,1%	75,7%	43,1%	51,5%	72,4%	60,0%	16,8%	84,6%

Nguồn: Tính toán số liệu từ ITC TradeMap

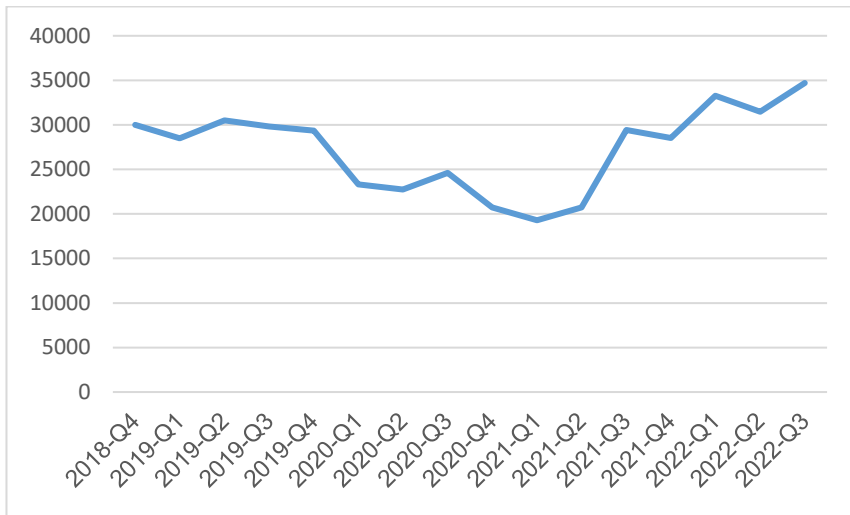
Bảng 44: Tỉ trọng giá trị hạt điều nhập khẩu từ Việt Nam trong tổng cơ cấu hạt điều nhập khẩu hàng năm của Vương quốc Anh

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng hạt điều	61,3%	67,4%	65,6%	68,9%	66,1%	61,1%	64,7%	89,2%
Nguyên vỏ	41,0%	76,0%	59,1%	61,7%	70,7%	74,9%	27,1%	88,5%
Tách vỏ	61,5%	67,4%	65,7%	69,0%	66,1%	61,0%	65,1%	89,2%

Nguồn: Tính toán số liệu từ ITC TradeMap

Về yếu tố mùa vụ, Vương quốc Anh thường tăng cường nhập khẩu sản phẩm hạt điều từ Việt Nam vào quý III, quý IV hàng năm để phục vụ tiêu dùng vào mùa lạnh và các dịp nghỉ lễ cuối năm, khi nhu cầu tiêu thụ sản phẩm hạt nói chung có xu hướng tăng cao. Bên cạnh đó, các nhà cung cấp hạt điều sẽ có thời gian để dự trữ đơn hàng cho các đợt giao hàng lớn trong mùa cao điểm. Quý I và Quý II thường là khoảng thời gian có lượng nhập khẩu thấp nhất trong năm nếu so sánh với các quý còn lại của năm.

Bảng 45: Giá trị xuất khẩu hạt điều theo quý của Việt Nam sang Vương quốc Anh giai đoạn 2018-2023 (Đơn vị: ngàn USD)



Nguồn: Tính toán số liệu từ ITC TradeMap

Về giá xuất khẩu mặt hàng hạt điều của Việt Nam so với mức trung bình mà Vương quốc Anh nhập khẩu từ thế giới, có thể thấy mặc dù chiếm khối lượng và giá trị xuất khẩu áp đảo tại thị trường, tuy nhiên hạt điều Việt Nam luôn có giá nhập khẩu thấp hơn mức trung bình tại thị trường từ 5-10%. Xu hướng trên có sự cải thiện tích cực trong vài năm trở lại đây, tuy nhiên năm 2022, giá nhập khẩu

trung bình từ Việt Nam mới đạt 6.175 USD, bằng 98,2% mức giá nhập khẩu trung bình tại thị trường.

Bảng 46: Giá xuất khẩu hạt điều

Năm	Giá nhập khẩu trung bình từ thế giới (USD/tấn)	Giá nhập khẩu trung bình từ Việt Nam (USD/tấn)	Tỉ lệ giá nhập khẩu từ Việt Nam so với giá thế giới (%)
2013	7047	6299	89,4%
2014	7231	6590	91,1%
2015	7423	6975	94,0%
2016	7878	7717	98,0%
2017	9709	9222	95,0%
2018	9438	8696	92,1%
2019	7624	6921	90,8%
2020	6693	5873	87,7%
2021	6427	5932	92,3%
2022	6289	6175	98,2%

Nguồn: Tính toán số liệu từ ITC TradeMap

Về đầu mối thương nhân nhập khẩu hạt điều, theo thông tin từ Tổng cục Thuế và Hải quan Vương quốc Anh (HMRC), tính từ đầu năm 2023 đến nay, đã có 78 doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng hạt điều vào Vương quốc Anh, danh sách cụ thể như sau:

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ
A POORTMAN(LONDON) LTD	83-85 MANSELL STREET LONDON E1 8AN
AIB FOODS LIMITED	UNIT 6 CULWELL TRADING ESTATE WODEN ROAD WOLVERHAMPTON WV10 0PG
ALITTZ LTD	84 HIGH STREET SLOUGH SL1 1EL
ASHADALE LTD	UNIT 24 MILLMEAD INDUSTRIAL CENTRE MILL MEAD ROAD LONDON N17 9QU
ASIAN TRADERS LTD	UNIT 5A SILVERDALE INDUSTRIAL EST SILVERDALE ROAD HAYES, MIDDLESEX UB3 3BL
BANYAN TREE FOODS LLP	7-8 STRATFORD PLACE LONDON W1C 1AY
BANYANTREE FOODS LLP	FLAT 25 PALM COURT ALPINE ROAD LONDON NW9 9BQ
BARROW, LANE & BALLARD LTD	56A CREWYS ROAD CRICKLEWOOD LONDON NW2 2AD
BESANA UK LIMITED	BLUESTEM ROAD RANSOMES EUROPARK IPSWICH SUFFOLK IP3 9RR
C G HACKING & SONS LTD	CALVERTS BUILDINGS 50-52 BOROUGH HIGH STREET

	LONDON BRIDGE LONDON SE1 1XW
CATERING UK LTD	170 SHAFTESBURY AVENUE LONDON WC2H 8JB
CHELMER FOODS LIMITED	220 AVENUE WEST SKYLINE 120 GREAT NOTELEY BRAINTREE ESSEX CM77 7AA
COMMUNITY FOODS LTD	29-31 EASTWAYS WITHAM ESSEX CM8 3YQ
COSTCO WHOLESALE UK LTD	UK HOME OFFICE HARTSPRING LANE WATFORD HERTS WD25 8JS
DIVIINE ENTERPRISE INTERNATIONAL LIMITED	12 CLONARD WAY PINNER GREATER LONDON HA5 4BU
DO-IT FOOD INGREDIENTS BV	LANCASHIRE GATE 21 TIVIOT DALE STOCKPORT SK1 1TD
DYER STANFORD	24 BRAMBLE CLOSE NOTTINGHAM - NG6 0QG
EE WHOLESALE (UK) LIMITED	UNIT 5E SOUTHWICK INDUSTRIAL ESTATE SUNDERLAND TYNE & WEAR SR5 3TX
Egesun GmbH	HM Revenue & Customs Ruby House - 8 Ruby Place Aberdeen AB10 1ZP
ESSINA LTD	GROUNDWORKS POWER ROAD STUDIOS 114 POWER RD LONDON W4 5PY

EVOLUTION FOODS LTD	UNIT 11-14 HORTONWOOD 32 TELFORD SHROPSHIRE TF1 7EU
FALGU & CO LTD	59 RUISLIP ROAD GREENFORD UB6 9QD
FATIMA EXPORT & IMPORTS LTD	UNIT 83 GRAVELLY INDUSTRIAL BIRMINGHAM B24 8TL
FEELGOOD-SALE LTD	2 MERLIN WAY BRAYTON SELBY YO8 9SB
FOUR SEASONS HARVEST LIMITED	LIVERPOOL INNOVATION PARK 1ST FLOOR, BAIRD HOUSE EDGE LANE LIVERPOOL L7 9NJ
FREEWORLD TRADING LTD	21 ANNANDALE STREET EDINBURGH EH7 4AW
GATE GOURMET SWITZERLAND GMBH	HM REVENUE AND CUSTOMS RUBY HOUSE 8 RUBY PLACE ABERDEEN AB10 1ZP
GLOBAL FRUIT AND NUTS LTD	TACHBROOK MALLORY HOUSE OAKLEY WOOD ROAD BISHOPS TACHBROOK LEAMINGTON SPA CV33 9QE
GLOBAL GRAINS AND INGREDIENTS LTD	60-62 LEMAN STREET LONDON E1 8EU
GREENYARD FRESH UK LTD	STEPHENSON AVENUE ENTERPRISE WAY PINCHBECK

	SPALDING LINCOLNSHIRE PE11 3SW
HALDIRAM OVERSEAS LTD	UNIT 9B-9C BEAVER INDUSTRIAL PARK BRENT ROAD SOUTHALL UB2 5FB
HEALTHY SUPPLIES LTD	35 SOUTH COAST HOUSE LANCING BUSINESS PARK LANCING WEST SUSSEX BN15 8TU
HOME FOOD DIRECT LTD	UNIT 6, TRADE CITY 21 MONTROSE ROAD CHELMSFORD CM2 6TE
HUMDINGER LIMITED	UNIT 6 GOTHENBURG WAY SUTTON FIELD IND ESTATE HULL HU7 0YG
IMPEX PRO LIMITED	IMPEX HOUSE 4 PINDAR ROAD HODDESDON EN11 0BZ
INDUS FOODS LTD	55-58 STRATFORD STREET NORTH SPARKBROOK BIRMINGHAM B11 1BU
INTERNATIONAL PROCUREMENT AND LOGISTICS LTD	1 FOXBRIDGE WAY NORMANTON INDUSTRIAL ESTATE NORMANTON WEST YORKSHIRE WF6 1TN
KESTREL FOODS LTD	UNIT 8 CARN DRIVE CARN INDUSTRIAL ESTATE PORTADOWN BT63 5WJ
KOROZO UK LIMITED	VOICEVALE HOUSE SPRING VILLA ROAD EDGWARE MIDDLESEX HA8 7EB

KP SNACKS LTD	THE URBAN BUILDING 3-9 ALBERT STREET SLOUGH SL1 2BE
LEMBERONA HANDELS GMBH	FRENCH DUNCAN LLP 133 FINNIESTON STREET GLASGOW G3 8HB
LIBERATION FOODS COMMUNITY INTERESTCOMPANY	THE GRAYSTON CENTRE 28 CHARLES SQUARE LONDON N1 6HT
LIDL UK TRADING LIMITED	19 WORPLE ROAD LONDON SW19 4JS
LOTUS BAKERIES INTERNATIONAL UND SCHWEIZ AG	HM REVENUE AND CUSTOMS RUBY HOUSE 8 RUBY PLACE ABERDEEN AB10 1ZP
MAITRE PRUNILLE	HM REVENUE & CUSTOMS RUBY HOUSE - 8 RUBY PLACE ABERDEEN AB10 1ZP
MARSCH IMPORT LTD	PORTLAND HOUSE BELMONT BUSINESS PARK DURHAM DH1 1TW
MATTANCHERRY LTD	10 STATION ROAD TAUNTON - TA1 1NH
MEDITERIA LTD	UNIT 4A 102 LOWER GUILDFORD ROAD KNAPHILL, WOKING SURREY GU21 2EP
MINOR WEIR & WILLIS LTD	ALTITUDE 206 DEYKIN AVENUE WITTON BIRMINGHAM B6 7BH

NATCO FOODS LTD	UNIT 2 SWAN BUSINESS PARK OSIER WAY BUCKINGHAM MK18 1TB
NUTLAND UK LTD	4 CAPRICORN CENTRE CRANES F BASILDON ESSEX SS14 3JJ
OLAM EUROPE LTD	NEW ZEALAND HOUSE 80 HAYMARKET LONDON SW1Y 4TQ
OLAM INTERNATIONAL LTD	HM REVENUE AND CUSTOMS RUBY HOUSE 8 RUBY PLACE ABERDEEN AB10 1ZP
P & B (FOODS) LTD	PROLOGIS PARK NEWHALL WAY BRADFORD WEST YORKSHIRE BD5 8LZ
PAGARANI INTERNATIONAL LTD	1 DANETHORPE ROAD WEMBLEY MIDDLESEX HA0 4RQ
PETROW FOOD INDUSTRIES LIMITED	SPITALFIELDS HOUSE PHOENIX ROAD HAVERHILL CB9 7AE
PM FRANCHISE GROUP LIMITED	106.1 FILAMENT WALK LONDON SW18 4GQ
POUNDLAND LTD	CUSTOMER SUPPORT CENTRE MIDLAND ROAD WALSALL WS1 3TX
PREMIER FRUIT & NUT LIMITED	56-59 LESLIE PARK ROAD CROYDON CR0 6TP

REINHART & CO LTD	2 JOHN STREET LONDON WC1N 2ES
RHUMVELD UK LTD	MOCATTA HOUSE TRAFALGAR PLACE BRIGHTON EAST SUSSEX BN1 4DU
SAHARA UK FOODS LTD	23 LOCHINCH DRIVE COVE ABERDEEN CITY OF ABERDEEN AB12 3RY
SCOOP WHOLEFOODS UK LIMITED	BRIDGE FARM HIGH STREET WEST LYDFORD SOMERTON TA11 7DG
SMARTBAZAAR LIMITED	14 BRAY ROAD MAIDENHEAD BERKSHIRE SL6 1UE
SUN & SEED LTD	2 LYON CLOSE WOBURN ROAD INDUSTRIAL ESTA KEMPSTON MK42 7SB
SWEAT DAY STAR LTD	3 PAPENBURG ROAD CANVEY ISLAND SS8 9PW
Terra Nova Trading Inc	HM Revenue & Customs Ruby House - 8 Ruby Place Aberdeen AB10 1ZP
THE JUICE EXECUTIVE LTD	UNIT 31 LORDSWOOD INDUSTRIAL ESTATE CHATHAM ME5 8UD
TOP-OP (FOODS) LIMITED	7 GARLAND ROAD STANMORE MIDDLESEX HA7 1QU

TREECO COMMODITIES (UK) LTD	4 AURA SLEAFORD MANSFIELD HOUSE 22 NORTH GATE SLEAFORD NG34 7DA
TRIGON SNACKS TRADING LIMITE	ATHERTON ROAD LIVERPOOL L9 7AQ
UNIVERSALSUPPLIERS LTD	UNIT 1000 ACCESS BUSINESS CENTRE FIRST WAY WEMBLEY HA9 0JD
VALUE BUY DISTRIBUTION UK LTD	135 CAMPION ROAD HATFIELD AL10 9FL
VELJI BHOVAN & SONS (TRADING) LTD	V B HOUSE WOODSIDE END WEMBLEY MIDDLESEX HA0 1UR
VOICEVALE LTD	VOICEVALE HOUSE SPRING VILLA PARK SPRING VILLA ROAD EDGWARE HA8 7EB
WESTJET	HM REVENUE AND CUSTOMS RUBY HOUSE 8 RUBY PLACE ABERDEEN AB10 1ZP
WHITWORTHS LTD	ORCHARD HOUSE IRTHLINGBOROUGH WELLINGBOROUGH NORTHAMPTONSHIRE NN9 5DB
ZEINA FOODS LIMITED	ZEINA HOUSE MILNER WAY OSSETT WEST YORKSHIRE WF5 9JE

CHƯƠNG V: KHUYẾN NGHỊ CHO CÁC DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU SANG THỊ TRƯỜNG VƯƠNG QUỐC ANH

1. Các khuyến nghị để nâng cao năng lực cạnh tranh

Kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quy trình sản xuất, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng các yêu cầu của thị trường Vương quốc Anh. Quy hoạch, xây dựng vùng trồng tập trung, an toàn, bền vững theo tiêu chuẩn nhằm tạo nguồn cung nguyên liệu ổn định về số lượng, đồng đều về chất lượng.

Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, phát triển các hệ thống sản xuất/chế biến sâu, từ đó tối ưu hóa quá trình sản xuất để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng cho sản phẩm, tiến dần tới các tiêu chuẩn quốc tế và tạo lợi thế cạnh tranh.

Đẩy mạnh liên kết chuỗi từ sản xuất/chế biến đến xuất khẩu; đồng thời, có thể tìm kiếm hợp tác với các đối tác đầu tư nước ngoài để tận dụng nguồn vốn và công nghệ của các nước phát triển tiên tiến. Chuỗi sẽ có liên kết mạnh mẽ hơn giữa doanh nghiệp và nông dân thông qua hợp tác xã và tổ hợp tác để sản xuất hướng tới xuất khẩu theo quy mô lớn, sản xuất theo tiêu chuẩn.

Lựa chọn phân khúc thị trường và kênh phân phối phù hợp với sản phẩm và qui mô của doanh nghiệp; chú trọng tìm hiểu thị hiếu, đặc trưng thị trường. Ví dụ, nếu sản phẩm đã có thương hiệu nên tiếp cận phân khúc thị trường bán lẻ chuyên ngành sẽ được giá cao hơn nhưng đòi hỏi chất lượng sản phẩm ổn định thay vì bán sản phẩm cho các nhà bán lẻ đã có thương hiệu sau đó họ sẽ đóng gói dưới thương hiệu của họ, hoặc bán sản phẩm thô. Để xuất khẩu vào Vương quốc Anh cần có kế hoạch nghiên cứu và tiếp cận các nhà nhập khẩu, các kênh phân phối và hệ thống bán lẻ tại đây, qua đó có thể thâm nhập vào Vương quốc Anh nói riêng và thị trường châu Âu nói chung.

Đầu tư phát triển các dòng sản phẩm hữu cơ cũng là một hướng đi triển vọng do ngày càng nhiều người tiêu dùng Vương quốc Anh có xu hướng chuộng sử dụng hàng hóa có nguồn gốc tự nhiên, thân thiện với môi trường.

Cải thiện mẫu mã, bao bì sản phẩm, chú trọng đóng gói, nhãn mác phù hợp với thẩm mỹ và tập quán tiêu dùng tại châu Âu; đồng thời tăng tính tiện lợi của sản phẩm.

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển thương hiệu.

Đa dạng hóa các hình thức quảng bá, xúc tiến thương mại, tận dụng các công cụ trực tuyến nhưng cũng không nên bỏ qua các hình thức truyền thống như các hội chợ khu vực.

2. Lưu ý cập nhật các thông báo về SPS

Tại Việt Nam, Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về Vệ sinh dịch tễ và Kiểm dịch động thực vật Việt Nam (gọi tắt là Văn phòng SPS Việt Nam) đã được chính thức thành lập theo Quyết định số 99/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 05 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. Văn phòng SPS Việt Nam là đầu mối thực hiện các nghĩa vụ minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định SPS của WTO, thực hiện chức năng là kênh thông tin chính thức giữa Việt Nam và các thành viên WTO về các vấn đề SPS. Văn phòng này có nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp các nội dung và quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật; yêu cầu các nước thành viên của WTO cung cấp thông tin về các biện pháp, thủ tục đánh giá rủi ro, về thanh tra, kiểm tra và các vấn đề liên quan khác về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật. Văn phòng SPS Việt Nam là đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đặt trụ sở tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Các thông báo về SPS có thể được cập nhật hàng ngày tại các địa chỉ sau:

- Trang tra cứu thông báo và dự thảo quy định SPS của các nước thành viên WTO của Văn phòng SPS Việt Nam: <http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien>

- Trang tra cứu các biện pháp SPS của WTO, cung cấp nhiều thông tin về Hiệp định và hoạt động liên quan đến SPS trên toàn thế giới:

http://www.wto.org/english/tratop_e/spss_e/spss_e.htm

- Cổng thông tin điện tử của diễn đàn thông báo và trao đổi thông tin Vệ sinh Thực vật Quốc tế (IPPC): <http://www.ippc.int>

- Thông tin về các hoạt động của Tổ chức Thú y thế giới (OIE): <http://www.oie.int>

- Địa chỉ trang web của các Ủy ban Dinh dưỡng Codex: <http://www.codexalimentarius.net>

3. Lưu ý về chứng nhận xuất xứ C/O

C/O mẫu EUR.1 UK có những nội dung khá quen thuộc và đơn giản hơn so với Mẫu C/O trong các FTA trước đây. Mặc dù vậy, nội dung của Mẫu này trong UKVFTA vẫn có những điểm khác biệt đáng chú ý so với các FTA Việt Nam từng ký kết khác. Các nội dung này cũng ảnh hưởng trực tiếp tới các loại giấy tờ mà doanh nghiệp cần cung cấp hoặc thông tin khai báo.

Hiện các cam kết UKVFTA về các vấn đề này đã được nội luật hóa và hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 02/2021/TT-BCT về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong UKVFTA. Doanh nghiệp xuất khẩu muốn hàng hóa hưởng ưu đãi thuế quan theo

UKVFTA cần tra cứu kỹ Thông tư này để biết QTXH từng mặt hàng và hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo UKVFTA.

Ngoài ra doanh nghiệp cũng cần chú ý C/O mẫu EUR.1 UK có thể được cấp sau thời điểm xuất khẩu từ Việt Nam và nộp sau thời điểm nhập khẩu vào Vương quốc Anh. Vì vậy, trong trường hợp hàng hóa của doanh nghiệp đáp ứng được QTTX của UKVFTA nhưng vì lý do chính đáng nào đó mà chưa kịp xin C/O mẫu EUR.1 UK tại cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thì vẫn có thể xin cấp C/O này sau thời điểm hàng hóa đã xuất khẩu sang Vương quốc Anh. Đồng thời, doanh nghiệp có thể nộp muộ n C/O mẫu EUR.1 UK cho cơ quan hải quan Vương quốc Anh sau khi hàng hóa đã được nhập khẩu vào thị trường này để xin hồi tố thuế quan ưu đãi UKVFTA mà trước đó vì chưa có C/O mẫu EUR.1 UK nên chưa được hưởng ưu đãi thuế.

4. Lưu ý về áp dụng ưu đãi thuế quan

Trong thời gian đầu UKVFTA có hiệu lực, thuế quan ưu đãi của EU có thể cao hơn so với mức thuế mà Việt Nam đang được hưởng theo cơ chế GSP. Vương quốc Anh cho phép Việt Nam chuyển đổi từ GSP sang UKVFTA với lộ trình 7 năm. Cụ thể, trong 2 năm đầu tiên kể từ khi EVFTA có hiệu lực, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh được phép lựa chọn áp dụng một trong hai mức thuế ưu đãi từ GSP hoặc từ UKVFTA. Doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam có thể dựa vào ưu đãi từ hai cơ chế để lựa chọn mức thuế ưu đãi có lợi nhất dành cho doanh nghiệp.

Trường hợp lựa chọn mức thuế ưu đãi của cơ chế nào thì phải đáp ứng quy tắc xuất xứ của cơ chế đó. Doanh nghiệp lựa chọn mức thuế ưu đãi từ GSP thì hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ trong GSP, tương tự như vậy với Hiệp định UKVFTA.

Về cơ chế chứng nhận xuất xứ ưu đãi, nếu nhà xuất khẩu Việt Nam muốn hàng xuất khẩu hưởng thuế suất ưu đãi UKVFTA thì phải chứng nhận xuất xứ theo C/O mẫu EUR.1 UK tại các đơn vị và tổ chức được ủy quyền cấp giấy chứng nhận này.

Nếu nhà xuất khẩu Việt Nam muốn hàng xuất khẩu hưởng thuế ưu đãi GSP thì phải chứng nhận xuất xứ theo cơ chế của GSP mà hiện tại đang chuyển sang hình thức tự chứng nhận xuất xứ bằng cách đăng ký mã số REX.

Trong 5 năm tiếp theo, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang EU vẫn được phép lựa chọn áp dụng một trong hai mức thuế ưu đãi từ GSP hoặc từ UKVFTA. Tuy nhiên, dù áp dụng thuế ưu đãi theo cơ chế nào, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đều phải đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ trong Hiệp định UKVFTA. Sau 7 năm kể từ khi Hiệp định UKVFTA có hiệu lực, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh sẽ được hưởng thuế và áp dụng quy tắc xuất xứ hoàn toàn theo Hiệp định UKVFTA.

5. Lưu ý về TBT

Đánh dấu và ghi nhãn là nhóm biện pháp TBT được áp dụng phổ biến nhất hiện nay, và trong nhiều trường hợp quy định về đánh dấu và ghi nhãn hàng hóa gây ra bất cập, tổn kém chi phí cho doanh nghiệp (đặc biệt trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã tới cảng đến và bị giữ lại không cho lưu thông ra thị trường vì lý do nhãn mác chưa đúng quy cách). Quy định về ghi nhãn đối với các loại thực phẩm như rau quả càng khắt khe và nhiều yêu cầu hơn nữa.

Do đó, cùng với các quy định về ghi nhãn của Vương quốc Anh, doanh nghiệp xuất khẩu hạt điều cũng cần tìm hiểu các cam kết về nhóm biện pháp này trong UKVFTA để có chuẩn bị tuân thủ, tránh những rắc rối không cần thiết khi xuất khẩu, đồng thời có biện pháp xử lý, thông tin cho cơ quan Chính phủ để bảo vệ quyền lợi của mình trong trường hợp yêu cầu TBT về nhãn mác của phía nhập khẩu Vương quốc Anh vi phạm cam kết UKVFTA.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phải thường xuyên cập nhật về những thay đổi trong quy định của Vương quốc Anh về ghi nhãn và đánh dấu đối với hàng hóa để kịp thời đáp ứng.

6. Lưu ý trong giao dịch mua bán hàng hóa

Gần đây, tại một số nước như Bắc Âu, Italia, Pháp, Hà Lan... xuất hiện tình trạng mạo danh các công ty nhập khẩu uy tín để lừa đảo các doanh nghiệp nước ngoài. Các đối tượng lừa đảo (thường từ các khu vực Trung Đông hoặc châu Phi) lợi dụng tâm lý cho rằng các nước châu Âu là các nước phát triển, hệ thống luật pháp chặt chẽ, các công ty làm ăn đảm bảo uy tín, đã lập các website giả danh các công ty có thật với địa chỉ văn phòng giả tại các nước EU và Vương quốc Anh nhằm tăng sự tin tưởng của các doanh nghiệp và sử dụng những phương thức lừa đảo sau:

Doanh nghiệp Việt Nam mua hàng thông qua website, tuy nhiên không được giao hàng. Trong trường hợp này, bên lừa đảo đã lập website bán hàng, trong đó có ghi địa chỉ chi nhánh văn phòng tại Vương quốc Anh. Các địa chỉ này thường không tồn tại, trong khi đó các doanh nghiệp Việt Nam đã không xác minh cẩn thận, không cảnh giác và nhanh chóng thực hiện giao dịch mua bán và bị “dính bẫy” của các đối tượng này.

Doanh nghiệp Việt Nam nhận được đơn mua hàng từ doanh nghiệp có trụ sở chính trên website tại một nước khác ngoài EU hoặc Vương quốc Anh nhưng có ghi địa chỉ chi nhánh tại EU (địa chỉ giả). Mặc dù doanh nghiệp Việt Nam và bên mua hàng sử dụng hình thức thanh toán qua tín dụng chứng từ L/C, tuy nhiên bên mua hàng thường sử dụng địa chỉ ngân hàng tại một quốc gia khác có độ tín nhiệm thấp. Trên thực tế, các chứng từ nêu trên nhiều khả năng bị làm giả và rất khó xác minh. Ngoài ra, phía ngân hàng Việt Nam đã chủ quan trong khâu kiểm tra và chuyển lại bộ chứng từ cho địa chỉ do đối tượng mua hàng cung cấp (không phải địa chỉ của Ngân hàng tại Vương quốc Anh).

Ngoài ra, còn có nhiều hình thức lừa đảo khác như doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam đã gửi hàng cho đối tác tại Vương quốc Anh nhưng không được thanh toán hết số tiền còn lại. Bên nhập khẩu

đưa ra lý do hàng kém chất lượng, bị hao hụt, không đúng yêu cầu nêu trong hợp đồng... nên từ chối lấy hàng, bỏ mặc hàng lưu kho với mức phí rất cao nhằm mục đích ép giá, gây thiệt hại và đẩy doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan.

Các hình thức lừa đảo ngày càng tinh vi, đa dạng và khó xác minh. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần lưu ý, thận trọng và tìm hiểu kỹ đối tác trước khi ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán.